



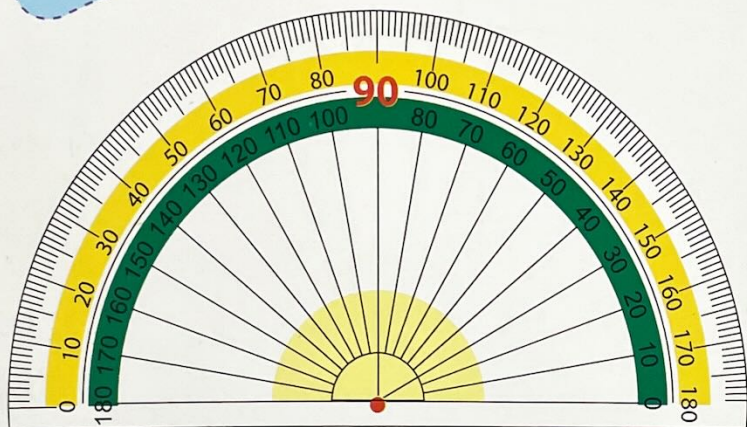
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN

VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO

TOÁN

4

TẬP MỘT



Hà Nội Star

THƯ VIỆN

51(076)

L250A

Vở Bài tập nâng cao Toán 4, T

1. Kết nối tri thức với...



SNVM-000158



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN

VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO

TOÁN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

Bài 1. Ôn tập các số đến 100 000	4
Bài 2. Ôn tập các phép tính trong phạm vi 100 000	6
Bài 3. Số chẵn, số lẻ	11
Bài 4. Biểu thức chứa chữ	13
Bài 5. Giải bài toán có ba bước tính	16
Bài 6. Luyện tập chung	19
Bài 7. Đo góc, đơn vị đo góc	22
Bài 8. Góc nhọn, góc tù, góc bẹt	27
Bài 9. Luyện tập chung	32
Bài 10. Số có sáu chữ số, số 1 000 000	35
Bài 11. Hàng và lớp	38
Bài 12. Các số trong phạm vi lớp triệu	41
Bài 13. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn	44
Bài 14. So sánh các số có nhiều chữ số	45
Bài 15. Làm quen với dãy số tự nhiên	47
Bài 16. Luyện tập chung	49
Bài 17. Yến, tạ, tấn	52
Bài 18. Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông	55
Bài 19. Giây, thế kỉ	60
Bài 20. Thực hành và trải nghiệm sử dụng một số đơn vị đo đại lượng	62
Bài 21. Luyện tập chung	64
Bài 22. Phép cộng các số có nhiều chữ số	69
Bài 23. Phép trừ các số có nhiều chữ số	71
Bài 24. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng	74
Bài 25. Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó	77
Bài 26. Luyện tập chung	81
Bài 27. Đường thẳng vuông góc	85
Bài 28. Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng vuông góc	87
Bài 29. Hai đường thẳng song song	89
Bài 30. Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng song song	92
Bài 31. Hình bình hành, hình thoi	95
Bài 32. Luyện tập chung	99
Bài 33. Ôn tập các số đến lớp triệu	102
Bài 34. Ôn tập phép cộng, phép trừ	104
Bài 35. Ôn tập hình học	108
Bài 36. Ôn tập đo lường	112
Bài 37. Ôn tập chung	115

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm đáp ứng nhu cầu có một tài liệu tham khảo giúp các em học sinh lớp 4 phát triển năng lực học tập môn Toán, chúng tôi biên soạn cuốn **Vở bài tập nâng cao Toán 4**.

Vở bài tập nâng cao Toán 4 được biên soạn theo từng bài học trong sách giáo khoa **Toán 4**. Cuốn sách gồm nhiều dạng bài tập khác nhau, giúp học sinh củng cố, hoàn thiện, khắc sâu kiến thức đã học; đồng thời có các bài tập mở rộng, nâng cao kiến thức nhằm khơi gợi niềm yêu thích môn Toán và từng bước phát triển năng lực toán học cho học sinh, góp phần bồi dưỡng học sinh khá, giỏi.

Để thuận tiện cho các em học sinh khi sử dụng, **Vở bài tập nâng cao Toán 4** được thiết kế dưới dạng cuốn vở, có in sẵn đề bài. Khi làm bài, các em viết luôn vào vở mà không phải chép đề bài, như vậy sẽ tiết kiệm được thời gian và giúp cho việc học tập của các em tốt hơn.

Chúng tôi tin tưởng rằng **Vở bài tập nâng cao Toán 4** là tài liệu tham khảo bổ ích đối với các em học sinh; cuốn sách cũng là tài liệu tham khảo bổ ích đối với quý thầy, cô giáo và các bậc phụ huynh trong quá trình dạy học giúp các em học tốt môn Toán.

CÁC TÁC GIẢ

Số đề cho	Số đề cần	Số đề cần	Số đề cần
12 500	12 500	12 500	12 500
12 600	12 600	12 600	12 600
12 700	12 700	12 700	12 700
12 800	12 800	12 800	12 800

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000

Tiết 1

- ① Viết các số sau thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: $38\ 219 = 30\ 000 + 8\ 000 + 200 + 10 + 9$

a) $25\ 564 =$

b) $31\ 702 =$

c) $50\ 800 =$

d) $42\ 060 =$

- ② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Việt vừa khắc một số có năm chữ số lên thước kẻ bằng gỗ. Biết số liền sau của số đó là 39 192. Vậy số liền trước của số đó là

- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nam có 5 thẻ số như hình bên:

Với các thẻ số đó, Nam có thể ghép được các số có năm chữ số là:



.....

.....

.....

- ④ Hoàn thành bảng dưới đây (theo mẫu).

Số đã cho	12 561	25 045	19 998
Làm tròn số đến hàng chục	12 560		
Làm tròn số đến hàng trăm	12 600		
Làm tròn số đến hàng nghìn	13 000		
Làm tròn số đến hàng chục nghìn	10 000		

⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Việt đang tìm hiểu về loài cá nhà táng. Cân nặng của một con cá nhà táng trong bài báo mà Việt đọc là khoảng 45 000 kg. Biết số cân nặng của con vật đó đã được làm tròn đến hàng nghìn. Vậy trên thực tế số đo nào dưới đây có thể là cân nặng của con cá nhà táng đó?

- A. 44 399 kg B. 46 001 kg C. 45 501 kg D. 44 501 kg

Tiết 2

① $>$; $<$; $=$?

18 999 20 000 37 809 37 098 40 009 40 000 + 9

② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số bé nhất trong các số 39 192, 28 899, 39 291, 28 905 là:

- A. 39 192 B. 28 899 C. 39 291 D. 28 905

b) Số nào dưới đây có chữ số hàng nghìn là 9?

- A. 39 162 B. 28 894 C. 94 207 D. 28 905

c) Số sinh viên của một trường đại học là 8 509 người. Số sinh viên của trường đại học đó làm tròn đến hàng nghìn là:

- A. 9 000 B. 8 600 C. 8 500 D. 8 510

③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Giá vé xem phim của 4 rạp chiếu phim hàng đầu thành phố Thời Gian là:

Rạp Thế Kỷ	45 500 đồng
Rạp Tương Lai	100 000 đồng
Rạp Tuần Lễ	49 900 đồng
Rạp Ngày Mai	50 000 đồng

a) – Rạp bán vé xem phim với giá cao nhất là

– Rạp bán vé xem phim với giá thấp nhất là

b) Viết tên các rạp chiếu phim theo thứ tự giá vé từ thấp nhất đến cao nhất.

.....

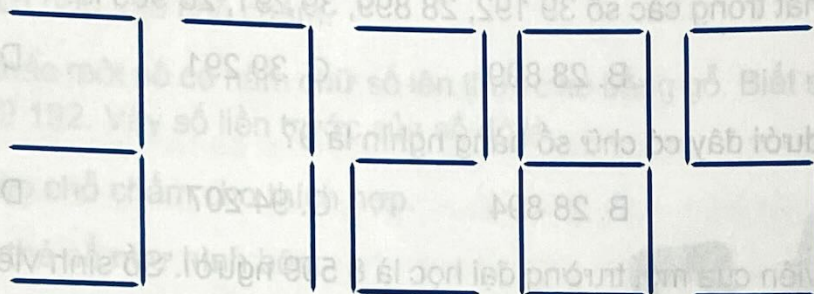
4 Số ?

Ba tiệm bánh A, B, C bán bánh quy hình ông già Nô-en trong dịp lễ Giáng sinh. Số bánh các tiệm bán được là 4 050, 5 400 và 4 500 chiếc bánh. Biết tiệm bánh B không bán được nhiều bánh nhất nhưng vẫn bán được nhiều bánh hơn tiệm bánh C. Tìm số bánh của mỗi tiệm bán được.

Tiệm bánh	A	B	C
Số bánh bán được (chiếc)			

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mai đã dùng các que tính để xếp thành số 37 285 như hình dưới đây.



Sau đó, Rô-bốt đã chuyển chỗ một que tính để tạo thành số bé nhất có thể.

Số đó là

Bài 2

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

$$6\,900 + 1\,875$$

$$24\,725 + 12\,645$$

$$13\,050 - 900$$

$$51\,607 - 24\,312$$

② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Tháng 1 cửa hàng bán được 12 390 chai nước. Tháng 2 cửa hàng bán được nhiều hơn tháng 1 là 580 chai nước. Hỏi tháng 2 cửa hàng bán được bao nhiêu chai nước?

A. 11 810 chai

B. 12 870 chai

C. 12 970 chai

D. 13 070 chai

③ Đ, S ?

a) $4\ 800 - 850 - 50 = 4\ 800 - 800$

$= 4\ 000$

☐

b) $5\ 275 - 1\ 050 + 450 = 4\ 225 + 450$

$= 4\ 675$

☐

④ Tính giá trị của biểu thức.

a) $13\ 250 - 3\ 050 - 3\ 000 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

b) $6\ 825 - 1\ 500 + 500 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

⑤ Một ô tô đã đi được 16 385 km trong năm thứ nhất. Trong năm thứ hai, ô tô đó đã đi ít hơn năm thứ nhất 1 195 km. Hỏi trong hai năm đó, ô tô đã đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

Tiết 2

- ① Đặt tính rồi tính.

$$2\ 074 \times 2$$

$$31\ 508 \times 3$$

$$6\ 745 : 5$$

$$23\ 709 : 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- ② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong 6 tháng đầu năm, cửa hàng bán được 13 050 cái bút chì. Trong 6 tháng cuối năm, cửa hàng bán được số bút chì gấp 3 lần 6 tháng đầu năm. Hỏi trong 6 tháng cuối năm, cửa hàng đó bán được bao nhiêu cái bút chì?

A. 39 510 cái

B. 39 150 cái

C. 39 050 cái

D. 4 350 cái

- ③ Đ, S ?

a) $2\ 400 : 6 : 2 = 2\ 400 : 3$

b) $2\ 400 : (6 : 2) = 2\ 400 : 3$

= 800

☐

= 800

☐

- ④ Tính giá trị của biểu thức.

a) $1\ 500 \times 3 : 5 =$

b) $11\ 500 \times (54 : 9) =$

=

=

- ⑤ Một cái bút chì có giá là 12 000 đồng. Giá của một cái bút chì giảm đi 2 lần thì được giá của một cái thước kẻ. Rô-bốt đã đưa cho người bán 20 000 đồng để mua 1 cái bút chì và 1 cái thước kẻ. Tính số tiền thừa mà người bán cần trả lại cho Rô-bốt.

Bài giải

Tiết 3

① Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Tổng của 2 550 và 13 350 là:

A. 16 900

B. 15 900

C. 15 850

D. 15 800

b) Hiệu của 13 350 và 2 550 là:

A. 11 800

B. 10 900

C. 10 800

D. 10 200

c) Tích của 12 305 và 4 là:

A. 49 220

B. 49 200

C. 48 220

D. 48 200

d) Thực hiện phép tính $24\,019 : 6$ được:

A. Thương là 43 và số dư là 1

B. Thương là 403 và số dư là 1

C. Thương là 4 002 và số dư là 7

D. Thương là 4 003 và số dư là 1

② Tính giá trị của biểu thức.

a) $(35\,000 - 9\,050) : 5 = \dots\dots\dots$

b) $15\,570 - 2\,150 \times 3 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

③ Để chuẩn bị cho phiên chợ trao đổi đồ cũ lớn nhất trong năm, ban tổ chức đã mua 1 800 túi giấy cỡ to và một số túi giấy cỡ nhỏ. Biết số túi giấy cỡ to nhiều gấp 3 lần số túi giấy cỡ nhỏ. Hỏi ban tổ chức đã mua tất cả bao nhiêu túi giấy?

Bài giải

- ④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Năm ngoái, số lượt khách tham dự phiên chợ trao đổi đồ cũ là 3 604 người. Năm nay, do ảnh hưởng của thời tiết nên số lượt khách tham dự phiên chợ giảm đi 2 lần so với năm ngoái. Hỏi có bao nhiêu lượt khách tham dự phiên chợ năm nay?

A. 182 lượt

B. 1 802 lượt

C. 6 208 lượt

D. 7 208 lượt

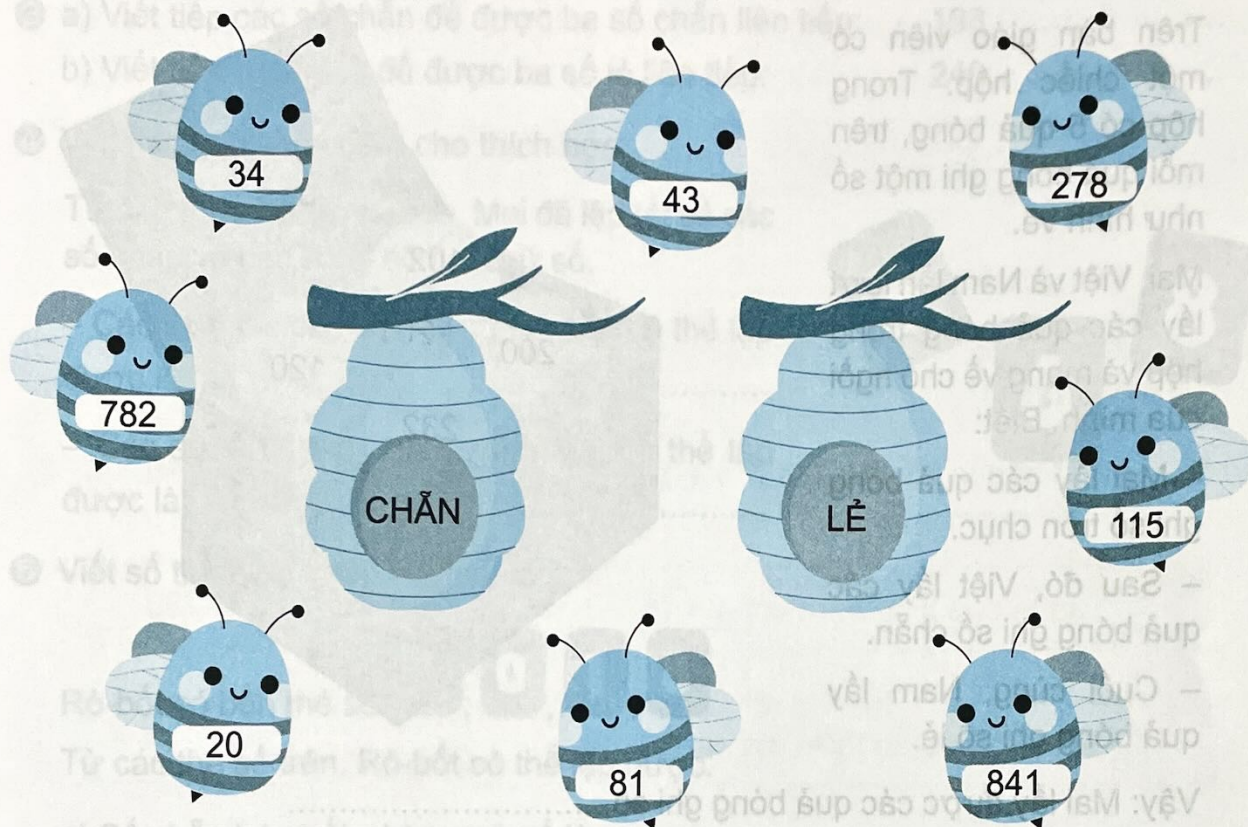
- ⑤ Vào ngày làm việc cuối cùng trước kì nghỉ Tết Dương lịch, cửa hàng đã sản xuất 2 038 chiếc bánh quy. Họ sẽ đóng số bánh đó vào các hộp, mỗi hộp có 5 chiếc bánh quy. Hỏi cửa hàng đóng được nhiều nhất bao nhiêu hộp bánh như vậy và còn thừa mấy chiếc bánh quy?

Bài giải

Bài 3 SỐ CHẴN, SỐ LẺ

Tiết 1

- ① Nối mỗi chú ong với tổ thích hợp (theo mẫu).

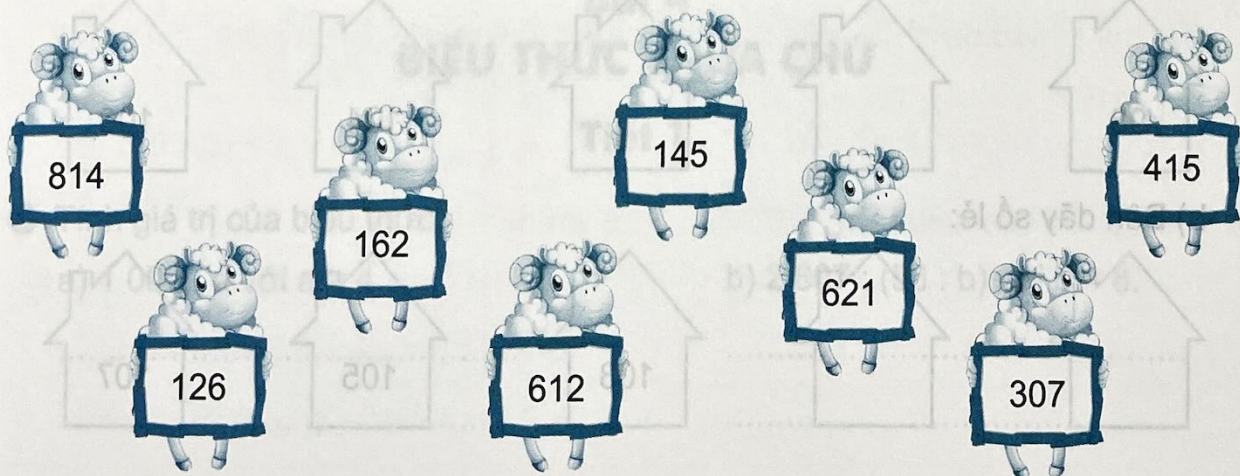


- ② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nam có một cuốn sổ mở bằng mật khẩu. Mật khẩu là một số gồm bốn chữ số. Biết Nam đã đặt mật khẩu là một số lẻ. Hỏi số nào dưới đây có thể là mật khẩu cuốn sổ của Nam?

- A. 3 250 B. 5 032 C. 3 520 D. 3 025

- ③ Hãy kẻ một đường chia hình dưới đây thành hai phần: một phần gồm các con cừu ghi số chẵn và một phần gồm các con cừu ghi số lẻ.



④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Từ số 100 đến số 115 có số lẻ.

b) Từ số 989 đến số 1 000 có số chẵn.

⑤ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

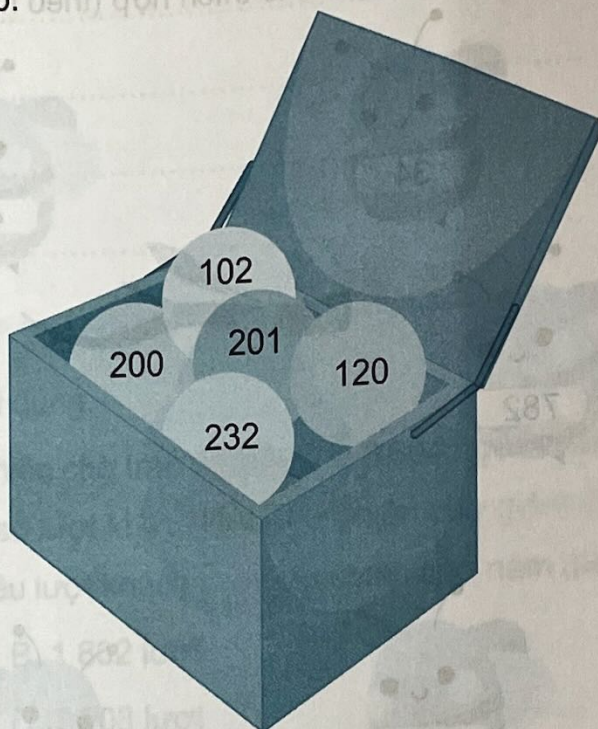
Trên bàn giáo viên có một chiếc hộp. Trong hộp có 5 quả bóng, trên mỗi quả bóng ghi một số như hình vẽ.

Mai, Việt và Nam lần lượt lấy các quả bóng trong hộp và mang về chỗ ngồi của mình. Biết:

– Mai lấy các quả bóng ghi số tròn chục.

– Sau đó, Việt lấy các quả bóng ghi số chẵn.

– Cuối cùng, Nam lấy quả bóng ghi số lẻ.



Vậy: Mai lấy được các quả bóng ghi số

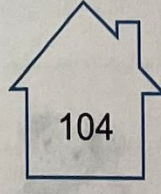
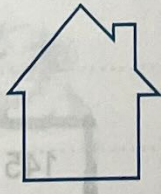
Việt lấy được các quả bóng ghi số

Nam lấy được quả bóng ghi số

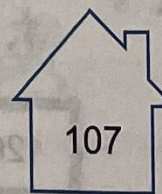
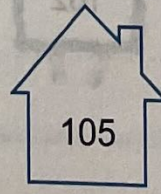
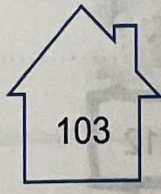
Tiết 2

① Viết số nhà còn thiếu cho thích hợp.

a) Bên dãy số chẵn:



b) Bên dãy số lẻ:



② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nhà Việt và Nam ở cùng một con phố. Nhà Nam ở bên dãy số chẵn và nhà Việt ở bên dãy số lẻ. Hỏi cặp số nào dưới đây có thể là số nhà của Nam và Việt?

- A. 32 và 34 B. 35 và 41 C. 58 và 85 D. 47 và 77

- ③ a) Viết tiếp các số chẵn để được ba số chẵn liên tiếp: 198
b) Viết tiếp các số lẻ để được ba số lẻ liên tiếp: 249

④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ hai trong ba thẻ số bên, Mai đã lập tất cả các số chẵn và các số lẻ có hai chữ số.

– Các số chẵn có hai chữ số mà Mai có thể lập được là:

– Các số lẻ có hai chữ số mà Mai có thể lập được là:



⑤ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Rô-bốt có bốn thẻ số:

Từ các thẻ số trên, Rô-bốt có thể lập được:

a) Số chẵn bé nhất có ba chữ số là:

b) Số lẻ bé nhất có ba chữ số là:

c) Số chẵn lớn nhất có bốn chữ số là:

d) Số lẻ lớn nhất có bốn chữ số là:

Bài 4
BIỂU THỨC CHỨA CHỮ
Tiết 1

① Tính giá trị của biểu thức.

a) $1\,000 : a$ với $a = 4$.

b) $2\,807 : (56 : b)$ với $b = 8$.

- ② Một tiệm bánh có bán những chiếc bánh ngọt đồng giá là 5 000 đồng. Số tiền mà khách cần trả được rô-bốt nhập số liệu và tính bằng máy tính. Rô-bốt nhập số a (a là số chiếc bánh) vào máy tính và số tiền sẽ được tính theo công thức: $5\,000 \times a$.
 Tính số tiền khi rô-bốt nhập $a = 5$, $a = 8$ vào máy tính.

.....

.....

.....

- ③ a) Nối giá trị của biểu thức $280 - a \times 5$ (cột bên trái) với kết quả thích hợp (cột bên phải).

Giá trị của biểu thức với $a = 10$

240

Giá trị của biểu thức với $a = 15$

230

Giá trị của biểu thức với $a = 8$

220

Giá trị của biểu thức với $a = 12$

205

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với giá trị nào của a nêu ở trên thì biểu thức $280 - a \times 5$ có giá trị bé nhất?

A. $a = 10$

B. $a = 15$

C. $a = 8$

D. $a = 12$

- ④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với giá trị nào dưới đây của b thì biểu thức $450 : (10 - b)$ có giá trị lớn nhất?

A. $b = 9$

B. $b = 4$

C. $b = 6$

D. $b = 5$

- ⑤ Tính giá trị của biểu thức $125 - m : 5 : 5$ với $m = 125$.

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Số ?

Diện tích S của hình chữ nhật có chiều dài a , chiều rộng b (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: $S = a \times b$.

Hãy tính diện tích của miếng sô-cô-la hình chữ nhật theo kích thước trong bảng dưới đây.

Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)	Diện tích miếng sô-cô-la (cm ²)
5	3	
12	4	
15	6	

2 a) Tính giá trị của biểu thức $(a + b) \times 5$ với $a = 9$, $b = 14$.

.....

b) Tính giá trị của biểu thức $a + b \times 5$ với $a = 9$, $b = 14$.

.....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với giá trị nào dưới đây của m thì biểu thức $525 + 1\,400 : m$ có giá trị bé nhất?

A. $m = 5$

B. $m = 2$

C. $m = 7$

D. $m = 4$

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho biểu thức $A = 20 \times a + b - c$. Mai đồ Việt đặt dấu ngoặc vào vị trí thích hợp để biểu thức A có giá trị lớn nhất có thể. Và Việt đã đưa ra câu trả lời đúng. Hỏi biểu thức nào dưới đây là biểu thức của Việt?

A. $(20 \times a) + b - c$

B. $20 \times (a + b) - c$

C. $20 \times (a + b - c)$

D. $20 \times a + (b - c)$

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biểu thức $B = (b + b + 2 + b) : b$.

Biểu thức B có giá trị là 4 với $b = \dots\dots\dots$

Tiết 3

- ① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Diện tích của hình vuông có độ dài cạnh là a được tính theo công thức $S = a \times a$.

a) Với $a = 7$ thì $S = \dots\dots\dots \text{cm}^2$.

b) Với $a = 8$ thì $S = \dots\dots\dots \text{cm}^2$.

- ② Tính giá trị của biểu thức $25 \times a - 9 : b$ với $a = 9, b = 3$.

- ③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Chu vi P của hình vuông có độ dài cạnh là a được tính theo công thức: $P = a \times 4$.

Viết tính được giá trị của biểu thức $P = 2\,048 \text{ m}$ với độ dài cạnh của hình vuông $a = \dots\dots\dots \text{m}$.

- ④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với giá trị nào dưới đây của m thì biểu thức $50 \times (100 - m)$ có giá trị bé nhất?

A. $m = 95$

B. $m = 98$

C. $m = 100$

D. $m = 99$

- ⑤ Đ, S ?

$$A = (a + b) \times c$$

$$B = a + b \times c$$

$$C = a \times c + b \times c$$

a) $A = B$ ☐

b) $B = C$ ☐

c) $C = A$ ☐

Bài 5

GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH

Tiết 1

- ① Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rô-bốt đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 cái bút chì, mỗi bút chì giá 5 000 đồng và 2 cục tẩy, mỗi cục tẩy giá 3 500 đồng. Hỏi Rô-bốt phải trả cho cô bán hàng tất cả bao nhiêu tiền?

A. 25 000 đồng

B. 31 000 đồng

C. 32 000 đồng

D. 37 000 đồng

- ② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nam chia 50 quả táo đỏ vào các khay, mỗi khay 5 quả và Việt chia 32 quả sơ ri vào các khay, mỗi khay 4 quả. Hỏi Nam dùng nhiều hơn Việt bao nhiêu khay?

A. 1 khay

B. 2 khay

C. 3 khay

D. 4 khay

③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mỗi hộp sữa có giá 7 000 đồng và mỗi chiếc bánh mì có giá 5 000 đồng. Việt mua 2 hộp sữa và 1 chiếc bánh mì. Nam mua 1 hộp sữa và 2 chiếc bánh mì.

Vậy Việt phải trả nhiều hơn Nam số tiền là

④ Tính độ dài đường gấp khúc ABCD. Biết $AB = 15$ cm, đoạn thẳng BC dài hơn đoạn thẳng AB 3 cm và đoạn thẳng CD dài gấp 2 lần đoạn thẳng AB.

Bài giải

⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nam nhìn thấy 5 con chuột tải trưởng thành và 5 con chuột tải con. Trong số chuột trưởng thành có 10 con chuột tải đực và 5 con chuột tải cái. Trong số chuột con có 10 con chuột tải đực và 5 con chuột tải cái.

⑤ Trong vườn có một số con ngỗng và một số con lợn đang đuổi bắt. Rô-bốt đếm được tất cả 64 cái chân ngỗng và chân lợn. Mai đếm được tất cả 16 con ngỗng. Hỏi trong vườn có bao nhiêu con lợn?

Bài giải

Tiết 2

- 1 Trên đảo có 160 con thỏ trắng và một số con thỏ xám, thỏ đốm. Số thỏ trắng nhiều hơn số thỏ xám là 35 con. Số thỏ xám nhiều hơn số thỏ đốm là 30 con. Hỏi trên đảo có tất cả bao nhiêu con thỏ?

Bài giải

- 2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cửa hàng có 270 kg bột mì. Buổi sáng cửa hàng bán được 65 kg bột mì, buổi chiều cửa hàng bán được nhiều gấp 2 lần buổi sáng và buổi tối có một người khách đến mua toàn bộ số bột mì còn lại.

Vậy người khách đến mua hàng vào buổi tối mua kg bột mì.

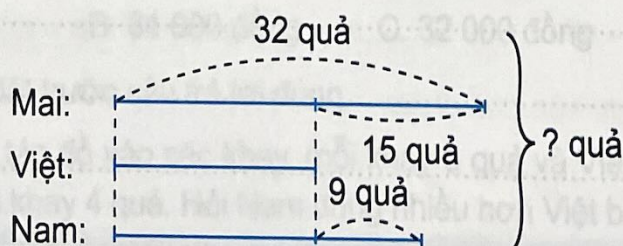
- 3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rạp chiếu phim ngày thứ Hai bán được 855 vé xem phim, ngày thứ Ba bán được ít hơn ngày thứ Hai 280 vé, ngày thứ Tư bán được nhiều hơn ngày thứ Ba 342 vé. Hỏi ngày thứ Tư rạp chiếu phim bán được bao nhiêu vé xem phim?

A. 233 vé B. 793 vé C. 917 vé D. 1 477 vé

- 4 Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải.

Tóm tắt:



Đề toán

Bài giải

Tiết 2

- ⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nam nhìn thấy 5 con chuột túi trưởng thành và 5 con chuột túi con. Trong số những con chuột túi con, có một số con đang ở trong túi của mẹ và Nam chỉ thấy được đầu và 2 chân trước của chúng. Nam thấy và đếm được tất cả 7 cái đuôi. Hỏi Nam thấy được tất cả bao nhiêu cái chân?

Gợi ý: Mỗi con chuột túi có 2 chân trước và 2 chân sau.

- A. 40 cái chân B. 36 cái chân
C. 34 cái chân D. 28 cái chân

Bài 6

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

- ① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho các số: 25 410, 49 982, 44 625, 17 559.

Trong các số trên:

a) Các số lẻ là: , các số chẵn là:

- b) Viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:
- c) Làm tròn số bé nhất đến hàng chục nghìn ta được số
- d) Làm tròn số lớn nhất đến hàng nghìn ta được số

② Đặt tính rồi tính.

$$45\ 507 + 9\ 246$$

$$45\ 507 - 9\ 246$$

$$10\ 509 \times 7$$

$$64\ 092 : 8$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

③ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Biểu thức nào dưới đây có giá trị bé nhất?

A. $52\ 090 - 2\ 090 : 2$

B. $(52\ 090 - 2\ 090) : 2$

C. $52\ 090 : 2 - 2\ 090$

b) Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất?

A. $25 \times 5 - 25 \times 3$

B. $25 \times (5 - 3)$

C. $25 \times 5 - 3$

④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong khu rừng cổ tích có 12 con voi và 15 con hươu cao cổ đang chơi trốn tìm. Lúc này, có 1 con hươu cao cổ đi tìm và các con còn lại đi trốn. Sếu thấy con hươu cao cổ đi tìm và chỉ thấy đầu của những con hươu cao cổ đi trốn. Ngoài ra, sếu còn thấy 12 con voi đang trốn sau những cái cây vì tất cả chúng đều để lộ vòi và 2 chân sau.

Như vậy, tổng số chân hươu cao cổ và voi mà sếu nhìn thấy là cái chân.

⑤ Một công ty cần vận chuyển 4 960 cái chăn từ xưởng đến kho hàng trung tâm. Họ đã đóng số chăn này vào các thùng, mỗi thùng có 5 cái chăn. Biết mỗi lần vận chuyển, xe tải chở được 8 thùng như thế. Hỏi họ cần thực hiện bao nhiêu lần vận chuyển để chuyển hết số chăn đó?

Bài giải

Tiết 2

- ① Tính giá trị của biểu thức.

a) $a - 1\,250 \times b$ với $a = 5\,670$, $b = 3$

b) $2\,015 \times m : n$ với $m = 6$, $n = 3$

- ② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt đặt mật khẩu cho khoá cửa ra vào nhà mình là số chẵn lớn nhất có năm chữ số khác nhau.

Vậy mật khẩu mà Rô-bốt đã đặt là

- ③ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong cuộc thi giải đố, ông Hai ghi được 1 260 điểm. Ông Tư ghi được số điểm gấp 2 lần ông Hai. Bà Tám ghi được số điểm gấp 3 lần ông Tư. Hỏi bà Tám ghi được bao nhiêu điểm?

A. 84 điểm

B. 840 điểm

C. 6 560 điểm

D. 7 560 điểm

- ④ Mẹ mua 2 cái bút mực và 1 hộp đựng bút. Một cái bút mực giá 20 000 đồng và một hộp đựng bút giá 50 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại cho mẹ bao nhiêu tiền?

Bài giải

- ⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cửa hàng bán 1 que kem giá 1 đô la, nhưng mua 6 que kem chỉ phải trả 5 đô la. Hỏi với 36 đô la, Rô-bốt có thể mua được nhiều nhất bao nhiêu que kem?

- A. 36 que B. 37 que C. 42 que D. 43 que

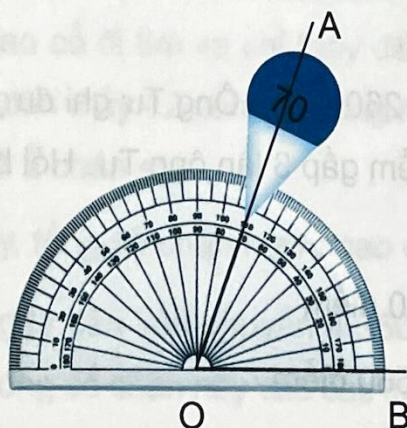
Bài 7

ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC

Tiết 1

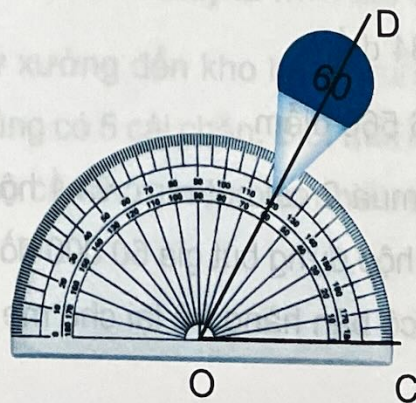
- ① Quan sát thước đo góc rồi viết số đo của mỗi góc (theo mẫu).

Mẫu:

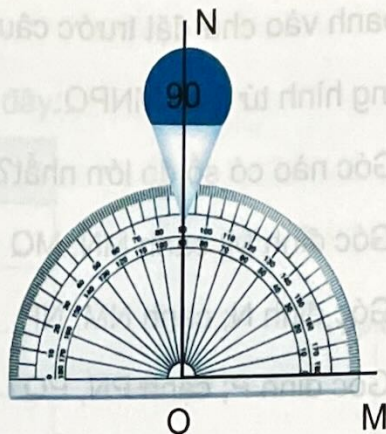


Góc đỉnh O; cạnh OA, OB bằng 70°

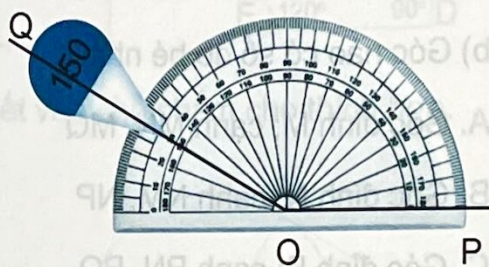
- a) Góc đỉnh O; cạnh OC, OD bằng



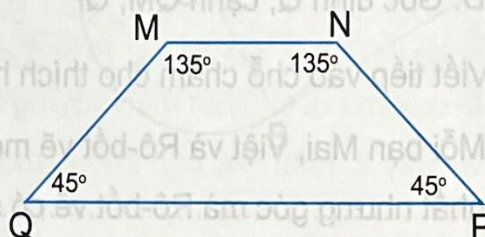
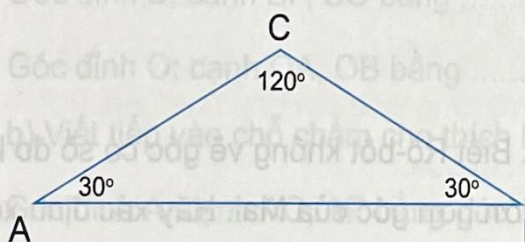
b) Góc đỉnh O; cạnh OM, ON bằng



c) Góc đỉnh O; cạnh OP, OQ bằng



② Cho các hình vẽ sau.



a) Quan sát hình vẽ rồi viết số đo các góc vào chỗ chấm.

– Góc đỉnh A; cạnh AB, AC, bằng

– Góc đỉnh B; cạnh BA, BC, bằng

– Góc đỉnh C; cạnh CA, CB, bằng

– Góc đỉnh M; cạnh MN, MQ, bằng

– Góc đỉnh N; cạnh NM, NP, bằng

b) Đ, S ?

– Trong hình tam giác ABC, số đo góc đỉnh A; cạnh AB, AC bằng số đo góc đỉnh C; cạnh CA, CB. ☐

– Trong hình tứ giác MNPQ, số đo góc đỉnh M; cạnh MN, MQ lớn hơn số đo góc đỉnh P; cạnh PN, PQ. ☐

- ③ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

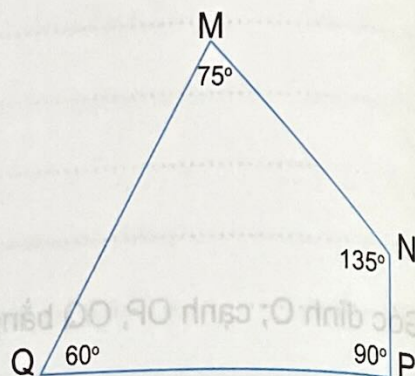
Trong hình tứ giác MNPQ:

a) Góc nào có số đo lớn nhất?

- A. Góc đỉnh M; cạnh MN, MQ
- B. Góc đỉnh N; cạnh NM, NP
- C. Góc đỉnh P; cạnh PN, PQ
- D. Góc đỉnh Q; cạnh QM, QP

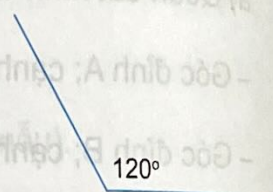
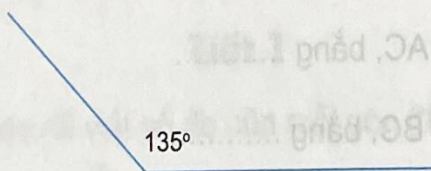
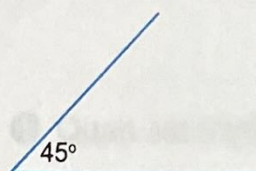
b) Góc nào có số đo bé nhất?

- A. Góc đỉnh M; cạnh MN, MQ
- B. Góc đỉnh N; cạnh NM, NP
- C. Góc đỉnh P; cạnh PN, PQ
- D. Góc đỉnh Q; cạnh QM, QP



- ④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mỗi bạn Mai, Việt và Rô-bốt vẽ một góc. Biết Rô-bốt không vẽ góc có số đo lớn nhất nhưng góc mà Rô-bốt vẽ có số đo lớn hơn góc của Mai. Hãy xác định xem mỗi bạn vẽ góc nào dưới đây.



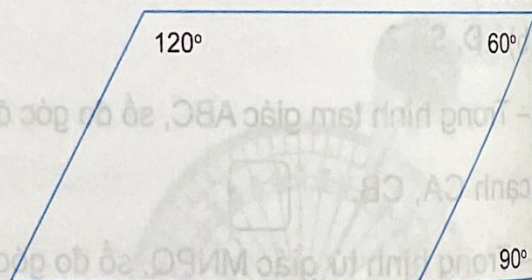
Hình vẽ của

Hình vẽ của

Hình vẽ của

- ⑤ Viết tên các điểm vào chỗ chấm thích hợp trong hình bên.

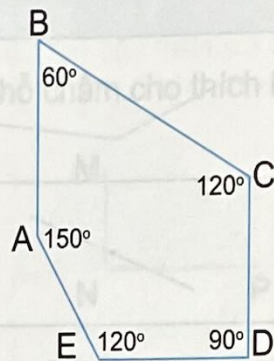
Biết rằng: Góc đỉnh H; cạnh HK, HG bằng 90° ; góc đỉnh D; cạnh DG, DC bằng 120° và góc đỉnh G; cạnh GD, GK bằng 60° .



Tiết 2

- 1) Viết số đo góc vào chỗ trống trong bảng dưới đây.

Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AE	
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	
Góc đỉnh C; cạnh CB, CD	
Góc đỉnh D; cạnh DC, DE	
Góc đỉnh E; cạnh ED, EA	



- 2) a) Dùng thước đo góc để đo các góc rồi viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

Góc đỉnh A; cạnh AO, AP bằng

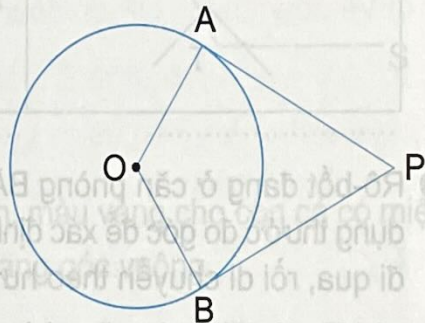
Góc đỉnh P; cạnh PA, PB bằng

Góc đỉnh B; cạnh BP, BO bằng

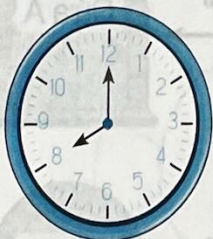
Góc đỉnh O; cạnh OA, OB bằng

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Góc đỉnh A; cạnh AO, AP bằng góc



- 3) Dùng thước đo góc để đo góc được tạo bởi hai kim đồng hồ.



A



B



C



D

a) Viết số đo góc vào chỗ chấm cho thích hợp.

Kim giờ và kim phút ở đồng hồ A tạo thành góc

Kim giờ và kim phút ở đồng hồ B tạo thành góc

Kim giờ và kim phút ở đồng hồ C tạo thành góc

Kim giờ và kim phút ở đồng hồ D tạo thành góc

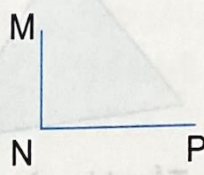
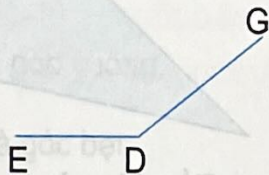
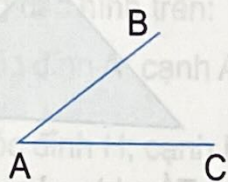
b) Khoanh vào chữ đặt dưới đồng hồ có hai kim đồng hồ tạo ra góc có số đo bé nhất.

Bài 8

GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT

Tiết 1

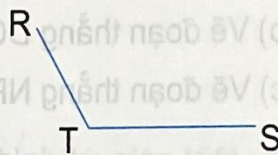
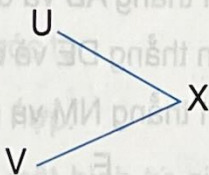
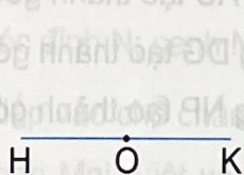
- ① Viết “góc nhọn”, “góc vuông”, “góc tù”, “góc bẹt” vào chỗ chấm cho thích hợp.



.....

.....

.....

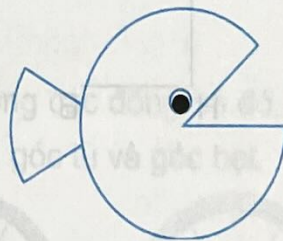
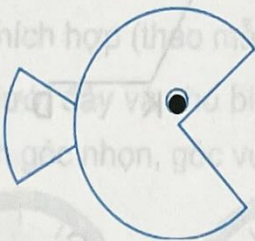
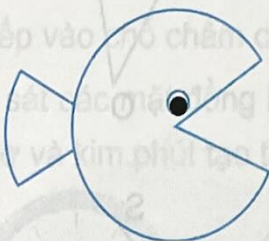
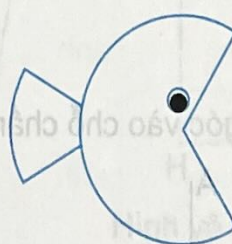
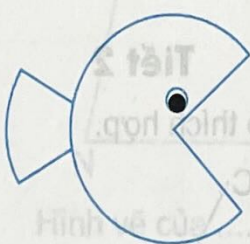
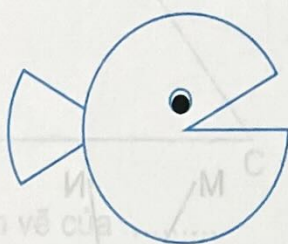


.....

.....

.....

- ② Tô màu đỏ cho con cá có miệng dạng góc nhọn, màu vàng cho con cá có miệng dạng góc tù, màu hồng cho con cá có miệng dạng góc vuông.



- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Viết xếp các que tính như hình bên.

a) Góc giữa hai que tính màu đen là góc

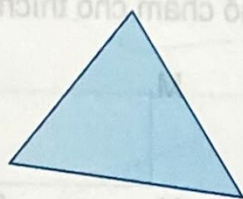
.....

b) Góc giữa hai que tính màu xanh là góc

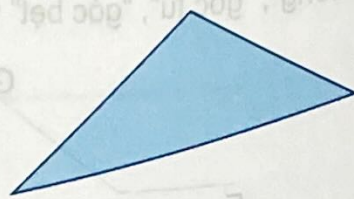
.....



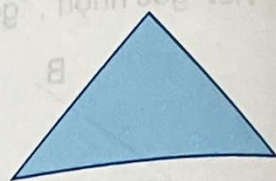
- 4) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.
- Mai, Việt và Nam có 3 tấm bìa hình tam giác như hình vẽ dưới đây. Biết tấm bìa của Việt có ba góc nhọn, tấm bìa của Nam có góc vuông và tấm bìa của Mai có góc tù. Hãy xác định tấm bìa của mỗi bạn.



Tấm bìa của



Tấm bìa của



Tấm bìa của

- 5) a) Vẽ đoạn thẳng AC để đoạn thẳng AB và đoạn thẳng AC tạo thành góc tù.
b) Vẽ đoạn thẳng DG để đoạn thẳng DE và đoạn thẳng DG tạo thành góc nhọn.
c) Vẽ đoạn thẳng NP để đoạn thẳng NM và đoạn thẳng NP tạo thành góc bẹt.

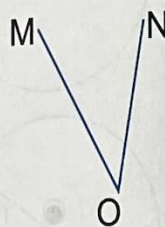
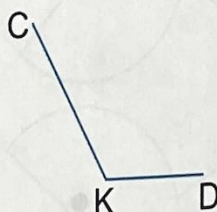
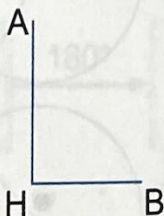
A B

E
D

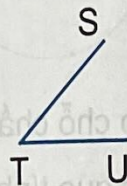
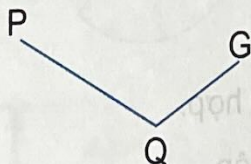
M N

Tiết 2

- 1) Viết tên góc vào chỗ chấm cho thích hợp.



E I G

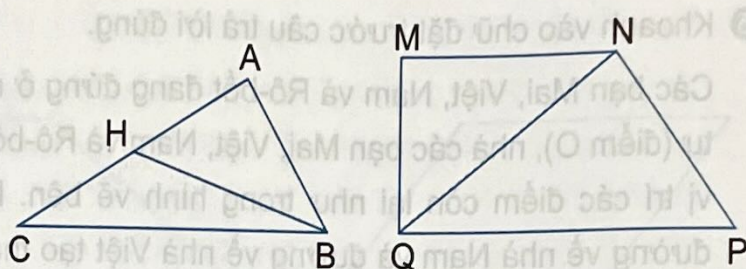


Trong các hình trên có:

- Các góc nhọn là
- Góc vuông là
- Các góc tù là
- Góc bẹt là

2 Đ, S ?

Cho các hình vẽ bên.



Trong các hình trên:

a) Góc đỉnh A; cạnh AH, AB là góc vuông.

☐

b) Góc đỉnh H; cạnh HC, HB là góc bẹt.

☐

c) Góc đỉnh Q; cạnh QN, QP là góc nhọn.

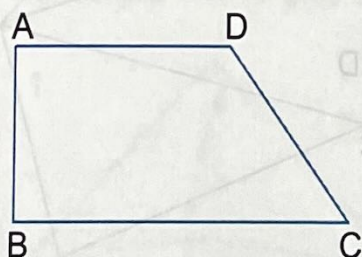
☐

d) Góc đỉnh N; cạnh NQ, NP là góc tù.

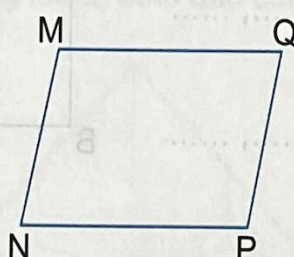
☐

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

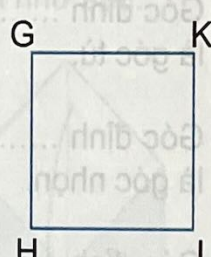
Mỗi bạn Mai, Việt và Rô-bốt vẽ một hình tứ giác. Biết hình tứ giác Việt vẽ có 2 góc nhọn và 2 góc tù, hình tứ giác Rô-bốt vẽ có nhiều góc vuông hơn hình tứ giác Mai vẽ. Hãy xác định xem mỗi bạn vẽ hình tứ giác nào dưới đây.



Hình vẽ của



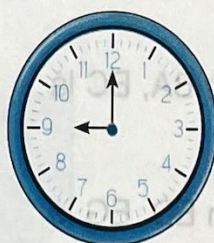
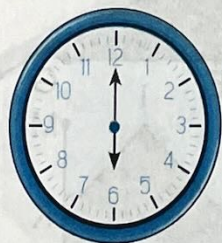
Hình vẽ của



Hình vẽ của

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

Quan sát các mặt đồng hồ dưới đây và cho biết trong các đồng hồ đó, khi nào kim giờ và kim phút tạo thành góc nhọn, góc vuông, góc tù và góc bẹt.



Mẫu: Lúc 6 giờ, kim giờ và kim phút tạo thành góc bẹt.

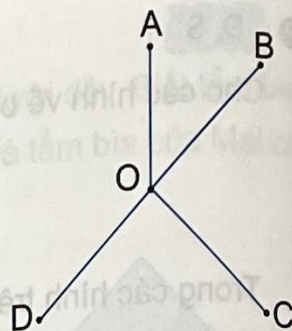
Lúc, kim giờ và kim phút tạo thành góc vuông.

Lúc, kim giờ và kim phút tạo thành góc nhọn.

Lúc, kim giờ và kim phút tạo thành góc tù.

- ⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Các bạn Mai, Việt, Nam và Rô-bốt đang đứng ở ngã tư (điểm O), nhà các bạn Mai, Việt, Nam và Rô-bốt ở vị trí các điểm còn lại như trong hình vẽ bên. Biết đường về nhà Nam và đường về nhà Việt tạo thành góc bẹt, đường về nhà Nam và đường về nhà Rô-bốt tạo thành góc nhọn. Hỏi đường về nhà Mai ở vị trí điểm nào trong hình?



- A. Điểm A B. Điểm B C. Điểm C D. Điểm D

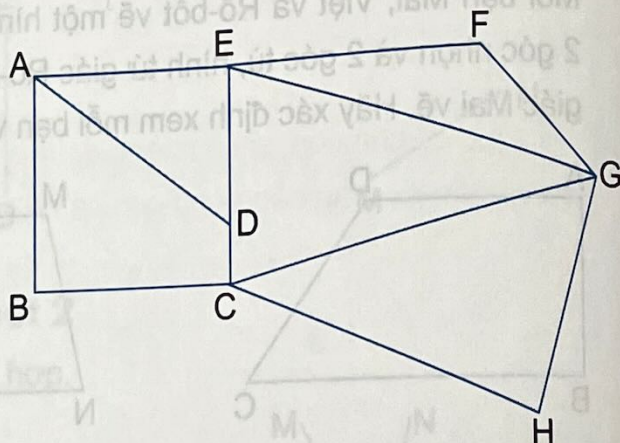
Tiết 3

- ① Hãy tìm 1 góc tù, 1 góc nhọn và 1 góc bẹt trong hình bên rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Góc đỉnh; cạnh,
là góc tù.

Góc đỉnh; cạnh,
là góc nhọn.

Góc đỉnh; cạnh,
là góc bẹt.



- ② Viết “góc nhọn”, “góc vuông”, “góc tù”, “góc bẹt” vào chỗ chấm cho thích hợp.

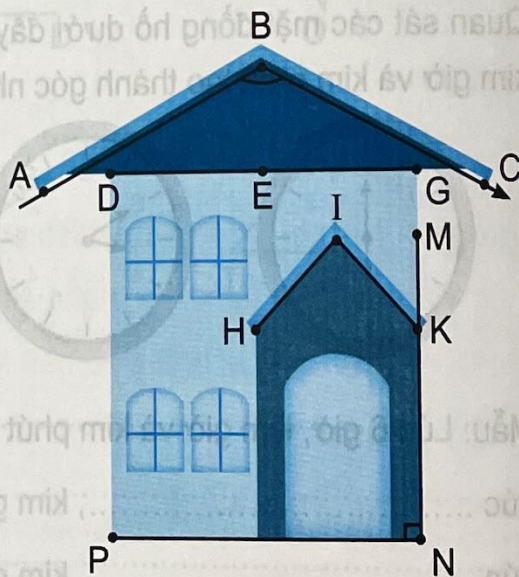
Trong hình bên:

a) Góc đỉnh B; cạnh BA, BC là
.....

b) Góc đỉnh E; cạnh ED, EG là
.....

c) Góc đỉnh I; cạnh IH, IK là
.....

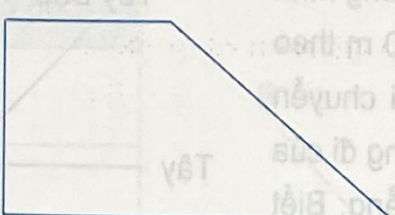
d) Góc đỉnh N; cạnh NM, NP là
.....



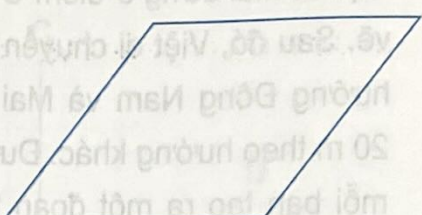
3 Đ, S ?



A



B



C

Trong các hình trên:

- a) Tất cả các góc trong hình A đều là góc nhọn.
- b) Hình B có 2 góc tù, 1 góc vuông và 1 góc nhọn.
- c) Hình C có 2 góc tù.

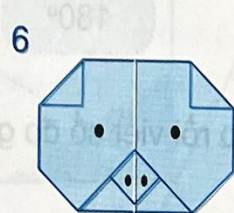
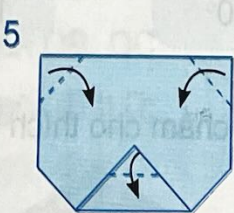
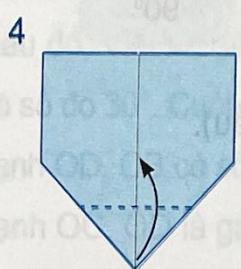
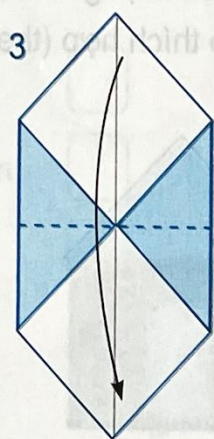
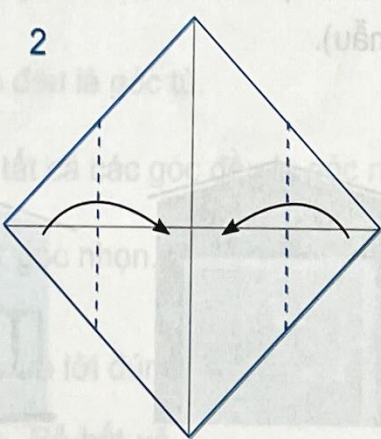
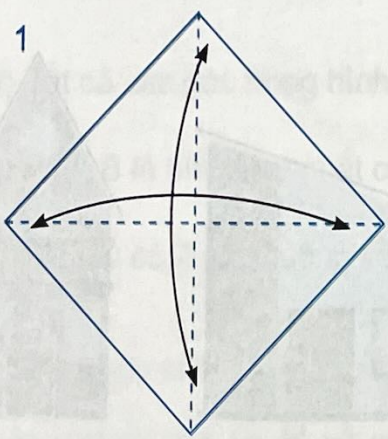
☐

☐

☐

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

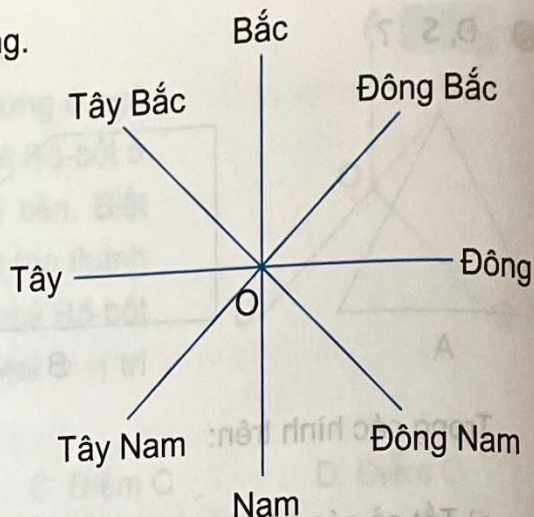
Viết đã gấp một tờ giấy hình vuông thành hình đầu của con lợn như sau:



Sau bước thứ 6, hình thu được có góc nhọn, góc vuông và góc tù ở các đỉnh.

- 5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Việt và Mai đứng ở điểm O trong hình vẽ. Sau đó, Việt di chuyển 20 m theo hướng Đông Nam và Mai di chuyển 20 m theo hướng khác. Đường đi của mỗi bạn tạo ra một đoạn thẳng. Biết góc tạo bởi hai đoạn thẳng đó là góc tù. Hỏi hướng nào dưới đây có thể là hướng di chuyển của Mai?



- A. Hướng Nam B. Hướng Tây Nam
C. Hướng Đông D. Hướng Bắc

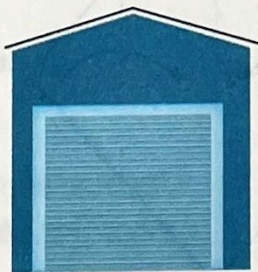
Bài 9 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

- 1 Ước lượng số đo góc của phần mái nhà trong mỗi hình. Rồi nối mỗi hình với số đo thích hợp (theo mẫu).



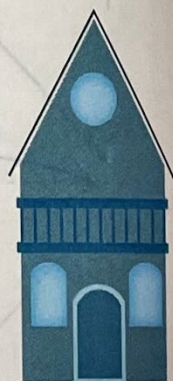
180°



60°

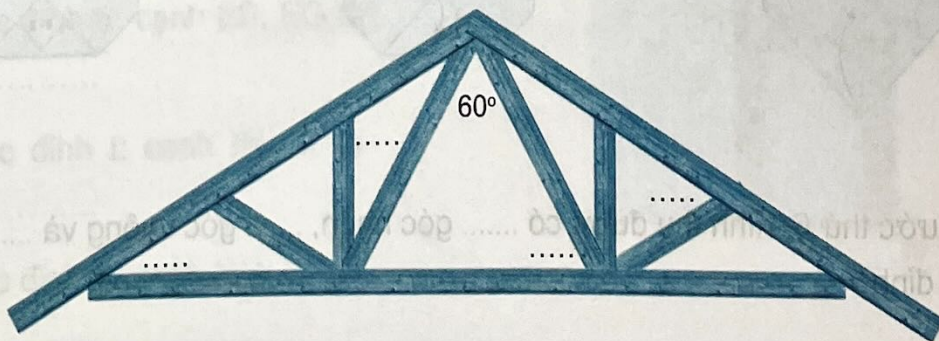


150°



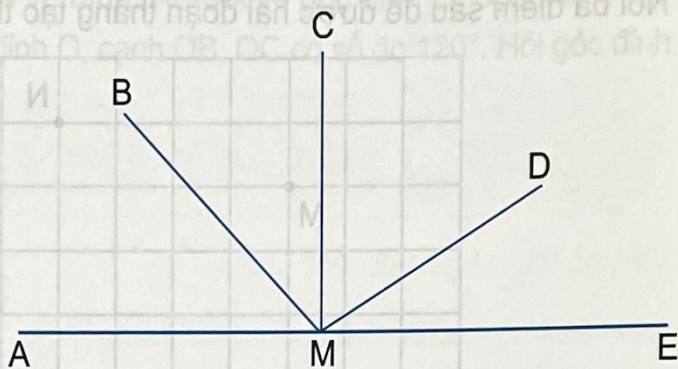
90°

- 2 Đo rồi viết số đo góc vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

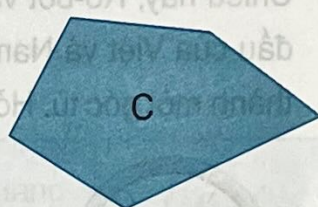
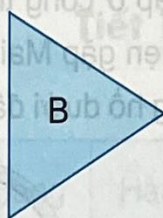
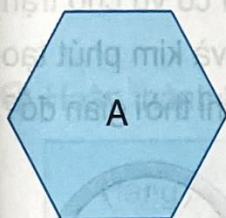


③ Đếm số góc trong hình rồi hoàn thành bảng.

Góc	Số góc
Góc bẹt	
Góc tù	
Góc vuông	
Góc nhọn	



④ Đ, S ?



a) Tất cả các góc trong hình A đều là góc tù.

☐

b) Hình B là hình duy nhất có tất cả các góc đều là góc nhọn.

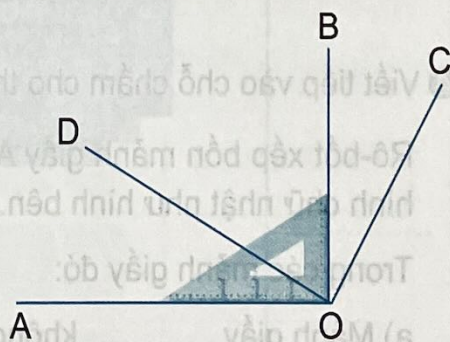
☐

c) Hình C có 2 góc vuông và 1 góc nhọn.

☐

⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Các bạn dùng ê ke để vẽ góc. Rô-bốt vẽ góc đỉnh O; cạnh OA, OB có số đo 90° . Sau đó, Việt vẽ góc đỉnh O; cạnh OB, OC có số đo 30° . Cuối cùng, Mai vẽ góc đỉnh O; cạnh OD, OB có số đo 60° . Hỏi góc đỉnh O; cạnh OC, OD là góc gì?



A. Góc nhọn

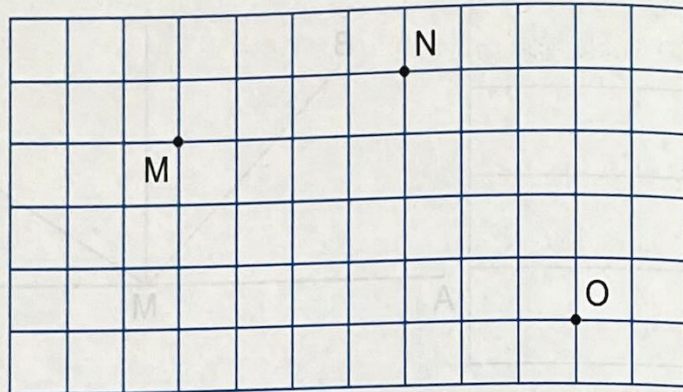
B. Góc vuông

C. Góc tù

D. Góc bẹt

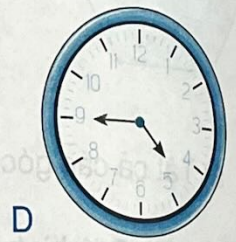
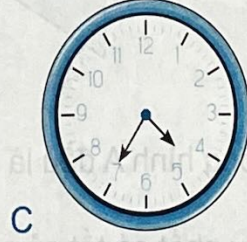
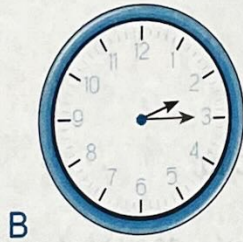
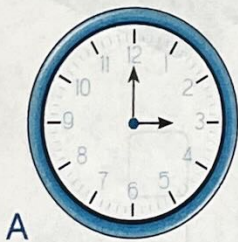
Tiết 2

- 1 Nối ba điểm sau để được hai đoạn thẳng tạo thành góc tù.



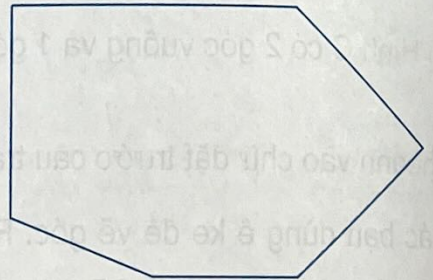
- 2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Chiều nay, Rô-bốt và Mai sẽ hẹn gặp ở cổng trường để cùng đi cổ vũ cho trận đấu của Việt và Nam. Biết Rô-bốt hẹn gặp Mai vào lúc kim giờ và kim phút tạo thành một góc tù. Hỏi trong các đồng hồ dưới đây, đồng hồ nào chỉ thời gian đó?



- 3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên có góc nhọn,
..... góc vuông và góc tù.

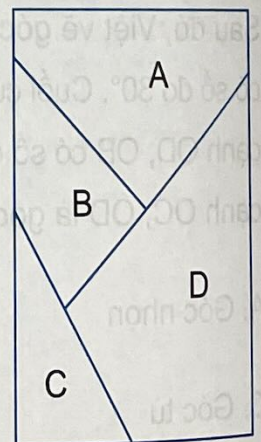


- 4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt xếp bốn mảnh giấy A, B, C, D thành một hình chữ nhật như hình bên.

Trong các mảnh giấy đó:

- Mảnh giấy không có góc tù.
- Mảnh giấy có nhiều góc vuông nhất.
- Mảnh giấy có 2 góc tù.
- Mảnh giấy và mảnh giấy có 2 góc nhọn.



5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Các bạn dùng thước đo góc để vẽ hình. Rô-bốt vẽ góc đỉnh O; cạnh OA, OB có số đo 60° . Sau đó, Việt vẽ góc đỉnh O; cạnh OB, OC có số đo 120° . Hỏi góc đỉnh O; cạnh OA, OC có thể là góc gì?

- A. Chỉ có thể là góc nhọn
- B. Chỉ có thể là góc vuông
- C. Chỉ có thể là góc tù
- D. Góc nhọn hoặc góc bẹt

Bài 10
SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số
2	4	3	5	1	2	
						749 058
						20 761

2 Viết số tiền ở mỗi hình vào chỗ chấm.



③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Nam viết một số có hai chữ số lên băng giấy. Việt viết một số có bốn chữ số lên một băng giấy khác. Rô-bốt ghép hai băng giấy đó thì nhận được số 717 715. Biết số mà Việt viết có hàng trăm là 7.

Vậy Nam viết số và Việt viết số

④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trên bảng có các số: 300 000, 412 567, 28 000, 891 198, 37 005.

Mai, Việt và Nam lần lượt xoá các số trên bảng theo yêu cầu sau:

- Mai xoá các số tròn nghìn.
- Sau đó, Việt xoá các số chẵn.
- Cuối cùng, Nam xoá các số lẻ.

Như vậy, Mai xoá số, Việt xoá số và Nam xoá số.

⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rô-bốt đã dùng một số có sáu chữ số để làm mật mã cho hộp tiết kiệm của mình. Nhưng hôm nay, Rô-bốt không còn nhớ chính xác mật mã đó.

Rô-bốt thử mở chiếc hộp đó trong 3 lần với kết quả nhận được như sau:

Lần thử	Số	Kết quả
Lần thứ nhất	2 4 1 5 1 7	Có 4 chữ số đúng vị trí
Lần thứ hai	6 4 0 3 1 7	Có 4 chữ số đúng vị trí
Lần thứ ba	2 4 5 3 0 2	Có 4 chữ số đúng vị trí

Hỏi số nào dưới đây là mật mã hộp tiết kiệm của Rô-bốt?

A. 241 502

B. 240 317

C. 240 517

D. 245 317

Tiết 2

- ① Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: $814\ 392 = 800\ 000 + 10\ 000 + 4\ 000 + 300 + 90 + 2$

$156\ 821 = \dots\dots\dots$

$270\ 309 = \dots\dots\dots$

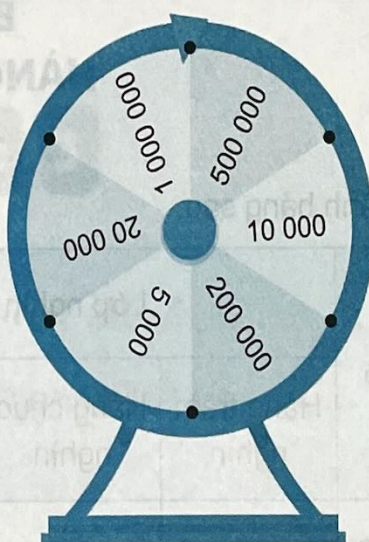
$394\ 600 = \dots\dots\dots$

$705\ 250 = \dots\dots\dots$

- ② Rô-bốt quay vòng quay may mắn như hình bên và quan sát số ghi trên vùng mà mũi tên chỉ vào.

Trong số các sự kiện dưới đây, sự kiện nào không thể xảy ra?

- A. Mũi tên chỉ vào vùng ghi số gồm 5 nghìn
- B. Mũi tên chỉ vào vùng ghi số gồm 1 trăm nghìn
- C. Mũi tên chỉ vào vùng ghi số gồm 5 trăm nghìn
- D. Mũi tên chỉ vào vùng ghi số gồm 2 chục nghìn



- ③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Việt có một cuốn sổ nhật kí với mật mã là một số có sáu chữ số. Biết số liền sau của số đó là số 982 901. Vậy số liền trước của số đó là $\dots\dots\dots$

- ④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Có 6 thẻ số: **2**, **5**, **0**, **3**, **7**, **0**.

Từ các thẻ số đó lập được:

a) 3 số chẵn có sáu chữ số là: $\dots\dots\dots$

b) 3 số lẻ có sáu chữ số là: $\dots\dots\dots$

- ⑤ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nam có 6 thẻ số: **0**, **4**, **0**, **0**, **7**, **0**.

- a) Nam có thể lập được tất cả bao nhiêu số lẻ có sáu chữ số?

A. 1 số

B. 2 số

C. 5 số

D. 6 số

- b) Nam có thể lập được tất cả bao nhiêu số chẵn có sáu chữ số?

A. 5 số

B. 6 số

D. 9 số

D. 10 số

Bài 11 HÀNG VÀ LỚP

Tiết 1

- ① Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng Đơn vị
817 029						
78 100						
408 981						
500 006						

- ② Viết giá trị theo vị trí của chữ số được gạch chân ở mỗi số (theo mẫu).

Số	80 <u>3</u> 837	91 <u>2</u> 91	<u>4</u> 34 183	<u>1</u> 97 331
Giá trị của chữ số	3 000			

③ Nói (theo mẫu).

Số gồm 8 trăm nghìn, 8 nghìn, 2 chục, 3 đơn vị.

51 500

Số gồm 5 chục nghìn, 1 nghìn, 5 trăm.

94 600

Số gồm 9 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 6 chục.

808 023

Số gồm 9 chục nghìn, 4 nghìn, 6 trăm.

940 060

④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho các thẻ số: **0**, **0**, **2**, **2**, **2**, **3**.

Từ các thẻ số trên lập được:

– Số có sáu chữ số mà lớp đơn vị chỉ gồm các chữ số 2 là

– Các số có sáu chữ số mà lớp đơn vị không có chữ số 2 là

Tiết 2

① Viết cách đọc của mỗi số sau.

Viết số	Đọc số
40 000 000	
300 000 000	
7 000 000	
347 000 000	

② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 9 000 000, 8 000 000,, 6 000 000,, 3 000 000

b) 58 000 000, 59 000 000,, 62 000 000,

③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Chữ số 7 của số 57 000 000 thuộc hàng , lớp

b) Chữ số 7 của số 703 000 000 thuộc hàng , lớp

c) Chữ số 7 của số 174 000 000 thuộc hàng , lớp

④ Viết giá trị theo vị trí của chữ số được gạch chân ở mỗi số.

Số	45 <u>8</u> 000 000	1 <u>3</u> 2 000 000	<u>9</u> 03 000 000	<u>9</u> 3 000 000
Giá trị của chữ số				

⑤ Một chiếc máy bay điều khiển từ xa có giá 1 000 000 đồng. Bác Ba mua 20 chiếc máy bay điều khiển từ xa như vậy. Hỏi bác Ba cần trả cho người bán hàng bao nhiêu tiền?

A. 2 000 000 đồng

B. 20 000 000 đồng

C. 200 000 đồng

Tiết 3

① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Chữ số 5 của số 151 000 000 thuộc hàng , lớp

b) Chữ số 5 của số 37 500 thuộc hàng , lớp

c) Chữ số 5 của số 125 019 thuộc hàng , lớp

② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho các tấm thẻ ghi số:

731 938

128 000

327 158

và

Rô-bốt chọn tấm thẻ ghi số không chứa chữ số 1 ở lớp nghìn.

Vậy Rô-bốt đã chọn tấm thẻ ghi số

③ Số ?

Đọc số	Viết số
Ba mươi sáu triệu	
Bảy trăm hai mươi bốn triệu	
Tám trăm linh hai triệu	
Tám triệu	



- ④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.
- Cô Bình vào cửa hàng mua một lô hàng gồm 5 hộp bút, 6 gói bím bím và 9 chiếc kẹo mút. Biết giá mỗi hộp bút là 100 000 đồng, giá mỗi gói bím bím là 10 000 đồng và giá mỗi chiếc kẹo mút là 1 000 đồng.

Vậy cô Bình phải trả người bán hàng số tiền là

- ⑤ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt dùng 6 thẻ số như hình bên để lập số có sáu chữ số.

Biết số mà Rô-bốt lập được thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Không xuất hiện chữ số 0 ở lớp nghìn.
- Chữ số hàng chục là 1.

Vậy số Rô-bốt lập được là



Bài 12

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU

Tiết 1

- ① Viết cách đọc số thích hợp.

Viết số	Đọc số
187 283 110	
948 000 185	
374 348 324	
700 837 134	

- ② Viết số thành tổng (theo mẫu).

$$736\,190\,003 = 700\,000\,000 + 30\,000\,000 + 6\,000\,000 + 100\,000 + 90\,000 + 3$$

$$1\,722\,379 = \dots\dots\dots$$

$$38\,341\,081 = \dots\dots\dots$$

$$102\,775\,824 = \dots\dots\dots$$

- ③ Viết giá trị theo vị trí của chữ số được gạch chân ở mỗi số.

Số	187 <u>2</u> 71 019	9 <u>8</u> 2 881 370	997 <u>3</u> 62 111	<u>3</u> 9 819 110
Giá trị của chữ số				

- ④ Từ 8 tấm thẻ số, Rô-bốt lập số 17 826 430 như hình dưới đây:

1 7 8 2 6 4 3 0

Hãy di chuyển 1 tấm thẻ để được số có tám chữ số thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chữ số 1 thuộc lớp đơn vị.
- Chữ số 8 thuộc lớp triệu.

Viết số vào các tấm thẻ dưới đây để thể hiện việc di chuyển đó.

□ □ □ □ □ □ □ □

Tiết 2

- ① Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây có chữ số 5 ở lớp đơn vị, lớp nghìn và cả lớp triệu?

A. 15 031 550

B. 5 005 195

C. 55 555 000

D. 555 555

- ② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Miếng giấy ghi giá của một sản phẩm bị khuyết mất một chữ số nên Rô-bốt chỉ nhìn thấy giá của sản phẩm là: 2 500 000 đồng. Biết rằng giá tiền mà Rô-bốt nhìn thấy ít hơn giá thực của sản phẩm đó là 10 000 000 đồng.

Vậy giá thực của sản phẩm đó là

- ③ Tìm các chữ viết vào ô trống để giải ô chữ dưới đây.

1 000 000	930 008

700 200 000	702 000 000	999 999 999

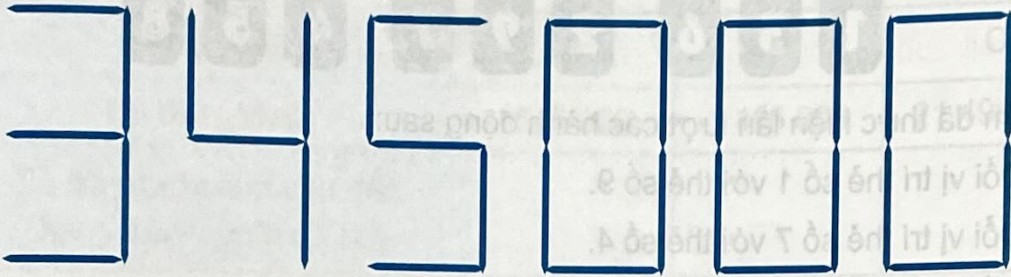
Biết rằng:

A	Bảy trăm linh hai triệu
À	$900\,000 + 30\,000 + 8$
C	Số liền sau số 999 999

M	$700\,000\,000 + 200\,000$
U	Số liền trước số 1 000 000 000

4) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

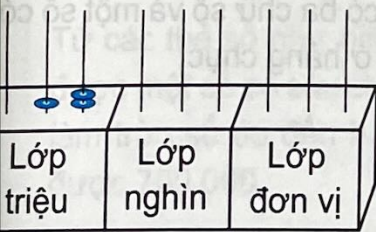
Mai đã thay đổi vị trí một que tính trong hình dưới đây để được số lớn nhất có thể.



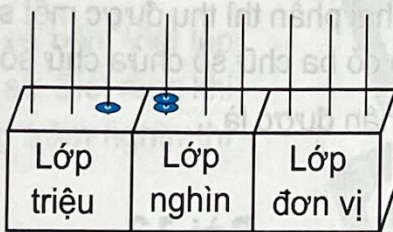
Số đó là

Tiết 3

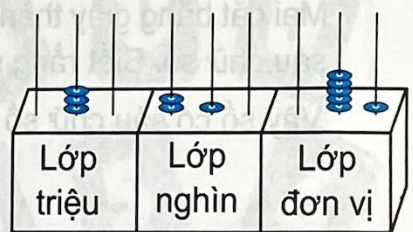
1) Số ?



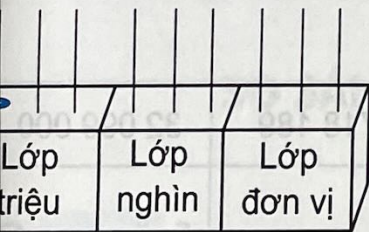
12 000 000



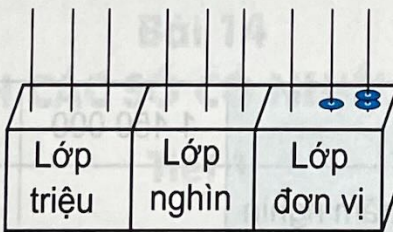
1 200 000



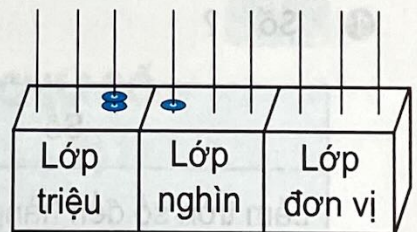
3 210 000



1 200 000



1 210 000



3 210 000

2) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây chứa một chữ số 2 ở lớp triệu và một chữ số 5 ở lớp đơn vị?

- A. 5 012 019
- B. 112 005 000
- C. 2 017 500
- D. 15 001 312

③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt lập được số có chín chữ số từ những thẻ số như sau:

1 3 6 2 9 7 4 5 8

Nam đã thực hiện lần lượt các hành động sau:

- Đổi vị trí thẻ số 1 với thẻ số 9.
- Đổi vị trí thẻ số 7 với thẻ số 4.
- Đổi vị trí thẻ số 4 với thẻ số 9.

Lúc đó thẻ số 9 ở hàng, lớp

④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho băng giấy có ghi số 149 687 485 như hình dưới đây.

1 4 9 6 8 7 4 8 5

Mai cắt băng giấy thành hai phần thì thu được một số có ba chữ số và một số có sáu chữ số. Biết rằng số có ba chữ số chứa chữ số 4 ở hàng chục.

Vậy số có sáu chữ số nhận được là

Bài 13

LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN

① Số ?

Số	1 450 000	718 189	32 099 000
Làm tròn số đến hàng trăm nghìn			

② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Chữ số gạch chân trong mỗi số sau thuộc hàng nào, lớp nào?

817 228 918. Chữ số được gạch chân thuộc hàng, lớp

18298 302. Chữ số được gạch chân thuộc hàng, lớp

4 918 000. Chữ số được gạch chân thuộc hàng, lớp

b) Làm tròn mỗi số trên đến hàng trăm nghìn được các số:

.....

3 Số ?

Bảng số liệu dưới đây cho biết số tiền một số mặt hàng.

Mặt hàng	A	B	C
Số tiền (đồng)	575 000	1 115 000	21 499 000
Số tiền được làm tròn đến hàng trăm nghìn (đồng)			

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây khi làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được 800 000?

- A. 815 000 B. 739 999
C. 855 000 D. 1 800 005

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Từ các thẻ số như hình vẽ bên, Viết lập được một số có sáu chữ số. Biết rằng khi làm tròn số đó đến hàng trăm nghìn thì được 700 000.

Số Viết đã lập được là



Bài 14

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Tiết 1

1 >; <; = ?

$$87\ 000\ 000 \quad \square \quad 70\ 000\ 000 + 8\ 000\ 000$$

$$400\ 051 \quad \square \quad 400\ 000 + 50 + 1$$

$$736\ 663 \quad \square \quad 766\ 633$$

$$137\ 000\ 000 \quad \square \quad 137$$

$$3\ 050\ 000 \quad \square \quad 3\ 000\ 000 + 50\ 000$$

$$675\ 000 \quad \square \quad 600\ 000 + 70\ 000 + 5000$$



② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Khi so sánh hai số 98 200 155 và 100 276 110, Mai nói rằng: “Chữ số đầu tiên của số 98 200 155 là 9 và chữ số đầu tiên của số 100 276 110 là 1. Mà 9 lớn hơn 1 nên 98 200 155 lớn hơn 100 276 110.”. Hỏi Mai đã nói sai ở đâu? Em hãy sửa lại cho đúng nhé!

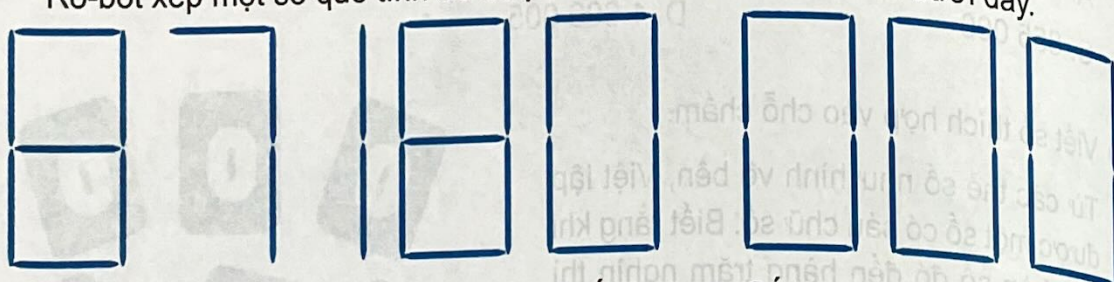
Trả lời:

.....

.....

③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt xếp một số que tính để được số 87 180 000 như hình dưới đây.



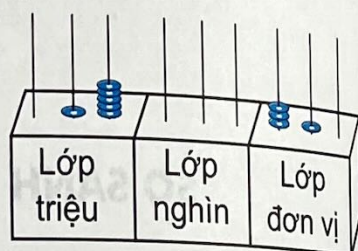
a) Di chuyển 1 que tính để được một số lớn hơn. Số đó là

b) Di chuyển 1 que tính để được số lớn nhất có thể. Số đó là

④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Dùng 10 vòng hạt, Rô-bốt có thể tạo được số 15 000 310 như hình bên.

Với cách làm như thế, dùng 10 vòng hạt, em có thể tạo được số lớn nhất là



Tiết 2

① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Giá tiền của một số sản phẩm được cho ở bảng dưới đây.

Sản phẩm	A	B	C	D
Giá tiền (đồng)	1 250 000	750 000	985 000	1 300 000

a) Sản phẩm có giá tiền cao nhất là:

b) Sản phẩm có giá tiền thấp nhất là:

- 2 Cho các số 17 381 000; 999 999; 20 000 000; 1 000 000 000.

Viết các số đã cho theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé:

b) Từ bé đến lớn:

- 3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Từ 9 thẻ số: **0**, **0**, **0**, **0**, **0**, **5**, **2**, **2**, **4**, lập được:

a) Số lẻ bé nhất có chín chữ số là

b) Số chẵn bé nhất có chín chữ số là

- 4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Từ 8 tám thẻ số, Rô-bốt lập được số 70 975 123 như hình dưới đây.

7 **0** **9** **7** **5** **1** **2** **3**

Mai đã đổi vị trí 2 tám thẻ để được số chẵn lớn nhất có thể.

Số đó là

Bài 15

LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

Đ, S ?

a) Số tự nhiên bé nhất là số 0.

☐

b) Không có số liền sau của số 1 000 000 000.

☐

c) Hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

☐

d) Dãy số 0, 1, 2, 3, 4, 5,... là dãy số tự nhiên.

☐

Viết số liền sau của mỗi số dưới đây vào chỗ chấm.

a) 9 999 999,

b) 1 999 000,

c) 565 871,

d) 2 000 999,

- ③ Viết các số 7 471 998; 11 000 000; 8 999 999; 6 666 668 theo thứ tự:
- a) Từ bé đến lớn:
- b) Từ lớn đến bé:

- ④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt lần lượt viết các số tự nhiên từ 1 đến 20.

a) Rô-bốt đã viết số.

b) Rô-bốt đã viết chữ số.

Tiết 2

- ① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 997, 1 998,, 2 001,, 2 003,

b) 1 000 000,, 999 998,, 999 995.

- ② Tìm quy luật của các dãy sau rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 500, 2 000, 2 500, 3 000, 3 500,,

b) 23, 25, 27, 29, 31, 33,,

c) 88, 90, 92, 94, 96, 98,,

- ③ Trên bàn có các thẻ số ghép được số 8 264 145 như hình dưới đây.

8 2 6 4 1 4 5

Rô-bốt thay thẻ số **3** cho một tám thẻ trên bàn để được số lớn nhất có thể.

Số đó là

- ④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mai có một mảnh giấy ghi số như hình bên. Mai đã cắt mảnh giấy đó thành 3 phần, mỗi phần có ghi một số.

Biết rằng 3 phần nhận được có ghi 2 số có hai chữ số và 1 số có bốn chữ số.

Các số đó là:

2 4 0 7 6 2 7 4

Bài 16

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
14 892 918									
	1	4	0	0	5	3	0	7	2
900 817									
			6	0	0	6	3	3	7

2 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

a) $87\ 188\ 909 > 87\ \boxed{}\ 90\ 000$

b) $187\ \boxed{}\ 36\ 099 > 187\ 836\ 099$.

3 Số ?

Số	18 277 999	199 166 008	800 661 991	1 780 556
Giá trị của chữ số 8				

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt dùng 7 thẻ số như hình bên để lập số có bảy chữ số.

Biết số mà Rô-bốt lập được thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

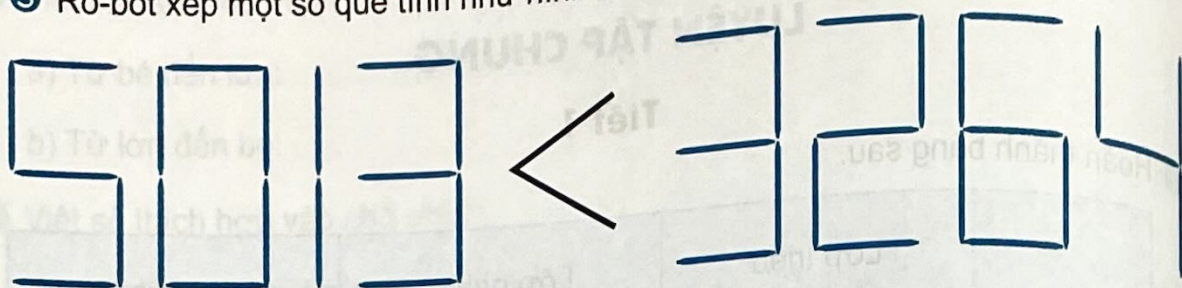
– Lớp đơn vị không chứa chữ số 1.

– Số lập được là một số chẵn.

Vậy số Rô-bốt lập được là



- ⑤ Rô-bốt xếp một số que tính như hình dưới đây.



Nam đã di chuyển 1 que tính để được phép so sánh đúng.

Phép so sánh đúng đó là:

Tiết 2

- ① $>$; $<$; $=$?

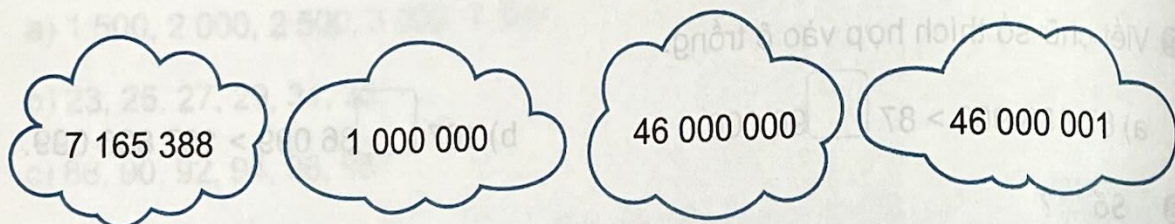
87 990 187 99 018 787

309 080 $300\,000 + 9\,000 + 8$

1 700 050 $1\,000\,000 + 700\,000 + 50$

1 000 000 000 999 999 999

- ② Tô màu vàng vào đám mây ghi số lớn nhất, màu xanh vào đám mây ghi số bé nhất.



- ③ Viết giá trị theo vị trí của chữ số được gạch chân ở mỗi số.

Số	83 188 771	680 698 212	103 837 000	13 464 000
Giá trị của chữ số				

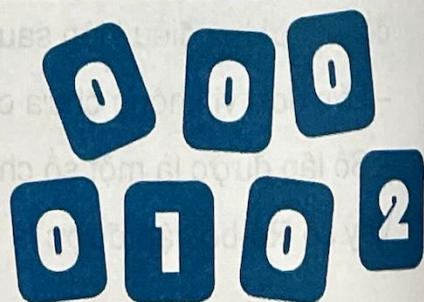
- ④ Số ?

Số	81 733 000	18 650 000	987 761
Làm tròn số đến hàng trăm nghìn			

- ⑤ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt dùng 7 thẻ số như hình bên lập được một số lẻ có bảy chữ số.

Vậy số Rô-bốt lập được là



Tiết 3

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 76 788 726; 8 888 888; 198 009 817; 77 000 000, số nào thoả mãn đồng thời cả hai điều kiện:

– Có 8 chữ số.

– Không chứa chữ số 7 ở lớp nghìn.

A. 76 788 726

B. 8 888 888

C. 198 009 817

D. 77 000 000

Viết các số: 12 087 000; 1 287; 120 087 000 và 87 012 000 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn:

b) Từ lớn đến bé:

Viết chữ số thích hợp vào thẻ số còn trống.

a) **1 2 0 9** **7 < 1 2 0 9 1 6**

b) **1 9 7 5 = 1 9 7**

c) **0 0 0 0 0 0 > 9 9 9 9 9 9**

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40,,,

b) 99, 97, 95, 93, 91,,,

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt xếp 9 tấm thẻ để được số 118 252 018 như hình dưới đây.

1 1 8 2 5 2 0 1 8

a) Lấy ra một tấm thẻ để được một số lẻ. Số đó là

b) Lấy ra một tấm thẻ để được một số mà khi làm tròn tới hàng trăm nghìn thì được 11 900 000. Số đó là

Bài 17 YẾN, TẠ, TẤN

Tiết 1

① Viết đơn vị đo khối lượng thích hợp vào chỗ chấm.

a) Chiếc xe ô tô nặng khoảng 2

b) Bạn Việt nặng khoảng 35

c) Con trâu nặng khoảng 3

d) Con chó nặng khoảng 2

② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 yến = kg

30 kg = yến.

b) 6 tạ = kg

600 kg = tạ.

c) 7 tấn = kg

7 000 kg = tấn.

③ Tính rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $18 \text{ tấn} + 29 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

b) $276 \text{ tạ} - 128 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ tạ}$

c) $50 \text{ yến} \times 2 = \dots\dots\dots \text{ yến}$

d) $144 \text{ tạ} : 4 = \dots\dots\dots \text{ tạ}$

④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong vụ thu hoạch cam vừa rồi, cô Bình nói rằng: “Vườn cam nhà tôi thu hoạch được 2 tạ 30 kg cam”. Vậy số đo nào dưới đây là số đo thể hiện số cam mà cô Bình thu hoạch được?

A. 23 kg

B. 230 kg

C. 230 yến

D. 23 tấn

- ⑤ Một chiếc thùng rỗng nặng 1 yến. Khi đổ đầy nước thì thùng nước đó nặng 120 kg. Hỏi một nửa thùng nước đó nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

Tiết 2

- ① Cửa hàng nhận 3 đơn hàng mua gạo với cân nặng như sau: 1 yến, 12 tạ và 1 tấn. Biết rằng đơn hàng thứ nhất mua ít gạo hơn đơn hàng thứ hai nhưng mua nhiều gạo hơn đơn hàng thứ ba. Hỏi mỗi đơn hàng mua bao nhiêu gạo?

Trả lời:

- ② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

4 tấn 2 tạ = tạ

5 yến 7 kg = kg

1 tạ 8 yến = yến

6 tấn 1 yến = yến

3 tạ 7 kg = kg

1 tấn 1 kg = kg

- ③ Con bò của thím Trang hai năm trước nặng 100 kg. Đến năm nay có cân nặng là 5 tạ. Mai nói rằng: “Vì $100 > 5$ nên con bò của thím Trang bị giảm cân”. Hỏi Mai nói có đúng hay không? Vì sao?

Trả lời:

Viết đơn vị đo khối lượng thích hợp vào chỗ chấm.

a) Chiếc xe ô tô nặng khoảng ?

- ④ Mỗi chiếc xe thồ có thể chở được nhiều nhất 2 tạ hàng hoá. Người ta cần vận chuyển khoảng 4 tấn hàng hoá. Hỏi cần bao nhiêu lượt xe thồ như vậy?

d) Con chó nặng khoảng ?

Bài giải

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 yến = kg 30 kg = yến

b) 6 tạ = kg 600 kg = tạ

c) 7 tấn = kg 7 000 kg = tấn

Tiết 3

- ① Tổng số cân nặng của ba con bò nhà bác Năm là 5 tạ. Bác Năm đã bán hai con bò có tổng cân nặng là 380 kg. Con bò còn lại có cân nặng chưa đạt chuẩn nên không bán được. Hỏi con bò đó nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

Trong vụ thu hoạch cà chua năm nay, số cà chua của nhà bác Năm

được 2 tạ 30 kg. Năm nay bác Năm thu hoạch được nhiều hơn năm ngoái

được 2 tạ 30 kg. Hỏi năm ngoái bác Năm thu hoạch được bao nhiêu tạ cà chua?

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

A. 23 kg B. 230 kg

- ② Tính rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$23 \text{ yến} + 177 \text{ yến} = \dots\dots\dots \text{yến}$$

$$450 \text{ tấn} - 147 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{tấn}$$

$$87 \text{ tạ} \times 2 = \dots\dots\dots \text{tạ}$$

$$4\,500 \text{ yến} : 9 = \dots\dots\dots \text{yến}$$

- 3 Có 4 thùng hàng với cân nặng mỗi thùng là 1 tấn, 3 tạ, 15 yến và 850 kg. Hãy tìm cách chia những thùng hàng trên thành hai nhóm sao cho tổng khối lượng hàng ở hai nhóm bằng nhau.

Trả lời:

- 4 Có 4 thùng hàng với cân nặng 55 kg, 52 kg, 47 kg và 45 kg. Người ta muốn xếp các thùng hàng này lên 2 xe chở hàng. Biết rằng mỗi xe chở không quá 1 tạ hàng hoá. Hỏi nên sắp xếp các thùng hàng như thế nào?

Trả lời:

Bài 18

ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG

Tiết 1

- Hoàn thành bảng sau.

Đọc	Viết
Ba trăm mười bảy đề-xi-mét vuông	
	104 dm ²
	2 500 dm ²
Bảy mươi lăm nghìn hai trăm linh một đề-xi-mét vuông	

- Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$500 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$2 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$200 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$2 \text{ dm}^2 60 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$



③ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho hình chữ nhật với kích thước như dưới đây.

70 cm

10 dm

Diện tích của hình chữ nhật trên là:

A. 700 cm^2

B. 700 dm^2

C. 70 dm

D. 70 cm^2

④ Một tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài 120 cm, chiều rộng 100 cm. Từ tấm gỗ đó người ta cắt ra một hình vuông cạnh 10 dm. Hỏi diện tích tấm gỗ còn lại là bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Nói (theo mẫu).

Mười mét vuông

620 cm^2

Sáu trăm hai mươi mét vuông

10 m^2

Một trăm đề-xi-mét vuông

10 dm^2

Sáu trăm hai mươi xăng-ti-mét vuông

620 dm^2

Mười đề-xi-mét vuông

100 dm^2

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$3 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

$$300 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$900 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$9 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

$$3 \text{ m}^2 18 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

$$9 \text{ dm}^2 70 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

3 Viết m^2 , dm^2 , cm^2 vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Diện tích mặt sân là 300

b) Diện tích mặt thớt nhựa là 7

c) Diện tích cái tem thư là 8

4 Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 20 m và chiều rộng 9 m. Một nửa diện tích mảnh vườn được sử dụng để trồng hoa. Một nửa diện tích phần còn lại được sử dụng để trồng rau. Hỏi phần đất được sử dụng trồng rau là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

Tiết 3

1 Nối (theo mẫu).

Bảy mươi sáu mi-li-mét vuông	4 094 mm ²
Bốn nghìn không trăm chín mươi tư mi-li-mét vuông	9 675 mm ²
Tám mươi mốt mi-li-mét vuông	76 mm ²
Chín nghìn sáu trăm bảy mươi lăm mi-li-mét vuông	81 mm ²

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$5 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$500 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$700 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$7 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$5 \text{ cm}^2 \text{ } 30 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$7 \text{ cm}^2 \text{ } 7 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích của một màn hình điện thoại khoảng:

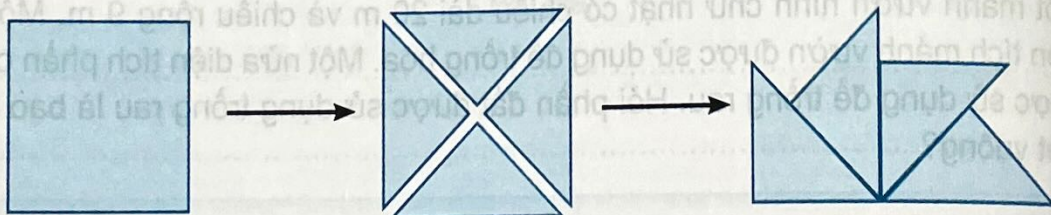
A. 120 mm²

B. 120 cm²

C. 120 dm²

D. 120 m²

4 Rô-bốt cắt một hình vuông cạnh 3 cm thành 4 hình tam giác như dưới đây. Sau đó, Rô-bốt ghép các hình tam giác đó thành hình một con nhím.



Hỏi diện tích hình con nhím đó là bao nhiêu mi-li-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

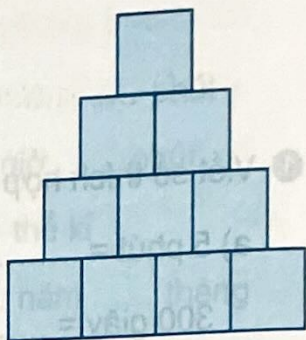
.....

.....

Tiết 4

- ① Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai có những mảnh giấy trang trí hình vuông cạnh 10 cm. Bạn ấy đã sử dụng những mảnh giấy đó để xếp thành hình kim tự tháp như hình bên. Diện tích của hình kim tự tháp đó là:



- A. 10 cm^2 B. 10 dm^2
C. 10 m^2 D. 10 mm^2

- ② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Có 3 mảnh vườn hình chữ nhật với kích thước như sau:

Mảnh vườn A: chiều dài 8 m, chiều rộng 6 m.

Mảnh vườn B: chiều dài 10 m, chiều rộng 5 m.

Mảnh vườn C: chiều dài 12 m, chiều rộng 4 m.

Trong 3 mảnh vườn đó, mảnh vườn có diện tích lớn nhất là

- ③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $1 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$100 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$5 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

b) $2 \text{ m}^2 30 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$9 \text{ cm}^2 12 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

- ④ Để lát sàn một căn phòng, người thợ đã sử dụng 50 tấm gỗ hình chữ nhật. Mỗi tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài 8 dm và chiều rộng 1 dm. Hỏi căn phòng đó rộng bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 19 GIÂY, THẾ KỈ

Tiết 1

① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 phút = giây

7 phút = giây

300 giây = phút

420 giây = phút

b) 2 thế kỉ = năm

5 thế kỉ = năm

200 năm = thế kỉ

500 năm = thế kỉ

② Nối năm với thế kỉ thích hợp (theo mẫu).

1890

Thế kỉ XXI

2022

Thế kỉ XIII

1149

Thế kỉ XIX

1230

Thế kỉ XII

③ Viết "giây", "phút", "năm", "thế kỉ" thích hợp vào chỗ chấm.

a) Cây cảnh mà bà trồng đã được 10

b) Bài kiểm tra một tiết có độ dài 45

c) Văn Miếu – Quốc Tử Giám được xây dựng cách đây khoảng 10

d) Que diêm cháy trong vòng 7

④ Năm 1979 là năm Kỷ Mùi. Cứ 60 năm thì lại có một năm Kỷ Mùi. Hỏi năm Kỷ Mùi tiếp theo thuộc thế kỉ nào?

Trả lời:

.....

.....

Tiết 2

① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 phút 20 giây = giây

2 giờ 30 phút = phút

100 giây = phút giây

90 phút = giờ phút

b) 1 thế kỉ = năm

..... năm = 1 thế kỉ

1 năm = tháng

20 tháng = năm tháng

1 tuần = ngày

14 ngày = tuần

② Nói (theo mẫu).

Lý Thái Tổ dời đô về
Thăng Long năm 1010

Năm đó thuộc thế kỉ X

Ngô Quyền đánh tan quân
Nam Hán trên sông
Bạch Đằng năm 938

Năm đó thuộc thế kỉ XVIII

Cách mạng Tháng 8
thành công năm 1945

Năm đó thuộc thế kỉ XI

Bà Triệu lãnh đạo khởi nghĩa
chống quân Đông Ngô
năm 248

Năm đó thuộc thế kỉ XX

Quang Trung đại phá quân
Thanh năm 1789

Năm đó thuộc thế kỉ III

③ Biết tháng 2 của một năm có 5 ngày chủ nhật.

a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các ngày chủ nhật của tháng 2 đó là

b) **Đ, S** ?

Tháng 2 đó là:

• Năm nhuận. ☐

• Năm không nhuận. ☐

- 4) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

Tại những giờ đúng nào mà hai kim đồng hồ:

a) Tạo thành góc vuông: 3 giờ,

b) Tạo thành góc nhọn:

c) Tạo thành góc tù:

d) Tạo thành góc bẹt:

Bài 20

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

Tiết 1

- 1) a) Nối để lựa chọn số đo đại lượng với mỗi câu cho thích hợp.

Quãng đường bay từ thành phố A đến thành phố B

Khoảng 120 km

Quãng đường ô tô đi được trong 2 giờ

Khoảng 1 200 km

Quãng đường thi chạy ma-ra-tông đường dài

200 m

Quãng đường thi bơi cự li ngắn

Khoảng 32 km

- b) Nối con vật với số đo cân nặng thích hợp.



3 kg

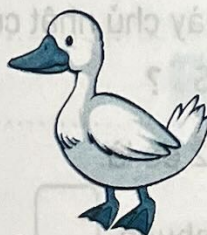


3 tấn



3 tạ

3 yến



- ② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích của bảng lớp học khoảng:

- A. 4 dm^2 B. 4 m^2 C. 4 mm^2 D. 4 cm^2

- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt được cô giáo cho cân một số quả và ghi lại số cân nặng của mỗi quả như sau:

Bưởi	Quýt	Cam	Táo	Xoài
700 g	100 g	300 g	200 g	500 g

a) Rô-bốt lấy ra một số quả để tổng cân nặng các quả đó đúng bằng 800 g. Các quả đó là: hoặc

b) Nếu để cả 5 quả vào hai đĩa cân thì phải để như thế nào để cân thăng bằng?

.....

Tiết 2

- ① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các bạn lần lượt dùng sải tay để đo chiều dài bảng trong lớp học.

– Mai: “Tớ đo được 4 sải tay.”.

– Nụ: “Tớ đo được 5 sải tay.”.

– Hồng: “Tớ đo được 4 sải tay và thêm 3 gang tay nữa.”.

– Đào: “Tớ đo được còn kém 2 gang tay nữa mới được 5 sải tay.”.

Theo em, vì sao các bạn có số đo như thế?

.....

- ② Các bạn lớp 4A được ra sân trường đo chiều dài, chiều rộng của sân khấu – nơi tổ chức chào cờ đầu tuần. Sân khấu dạng hình chữ nhật được lát gạch xung quanh, cứ 4 viên gạch có chiều dài đúng 1 m. Các bạn đếm được chiều dài sân khấu gồm 40 viên gạch, chiều rộng sân khấu gồm 24 viên gạch.

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

– Chiều dài sân khấu là:

– Chiều rộng sân khấu là:

b) Tính diện tích và chu vi của sân khấu.

Bước	Quy	Bài giải	Tá	Xoá
.....				
.....				
.....				
.....				
.....				
.....				

Bài 21

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $19 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$1\,900 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b) $7 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$700 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

c) $4 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$400 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 4 tấn 3 tạ = tạ

1 tấn 500 kg = kg

b) 2 tạ 5 yến = yến

4 tạ 70 kg = kg

c) 3 yến 8 kg = kg

2 tấn 85 kg = kg

d) 15 phút = giây

10 thế kỉ = năm

- ③ Nối số cân nặng với mỗi phương tiện giao thông thích hợp (theo mẫu).



1 000 tấn

1 tạ

1 tấn

10 kg

- ④ Bốn vận động viên thi nhảy xa, trọng tài ghi được các bước nhảy là: 7 m 2 dm, 6 m 98 cm, 7 m 15 cm, 6 m 9 dm. Biết tên bốn vận động viên là: Thắng, Cường, Lợi, Thịnh. Anh Thắng nhảy xa hơn anh Lợi nhưng kém anh Thịnh, anh Thịnh nhảy xa hơn anh Thắng nhưng kém anh Cường.

Viết tên vận động viên vào ô trống thích hợp trong bảng sau:

Thành tích	7 m 2 dm	6 m 98 cm	7 m 15 cm	6 m 9 dm
Tên vận động viên				

Tiết 2

- ① Nối số đo phù hợp với mỗi bề mặt trong thực tế (theo mẫu).



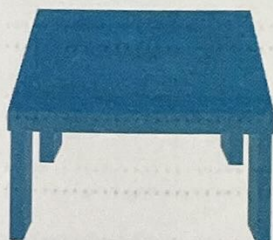
Sân vận động

80 dm²



Con tem

8 mm²



Mặt bàn

8 000 m²



Cúc áo

8 cm²

② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long năm 1010. Hà Nội tổ chức kỉ niệm 1 000 năm Thăng Long – Hà Nội vào năm

b) Cây chò ở rừng Cúc Phương khoảng 1 000 tuổi. Như vậy đến nay cây chò đó đã có khoảng thế kỉ.

③ Biết ngày 1 tháng 3 năm nào đó là Chủ nhật. Hỏi:

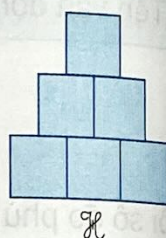
a) Ngày cuối cùng của tháng 3 năm đó là vào ngày nào trong tuần?

b) Tháng 3 năm đó có mấy ngày Chủ nhật, vào những ngày nào của tháng?

Trả lời:

.....
.....
.....

④ Rô-bốt ghép 6 miếng bìa hình vuông cạnh 5 cm được hình H.



a) Tính diện tích hình H.

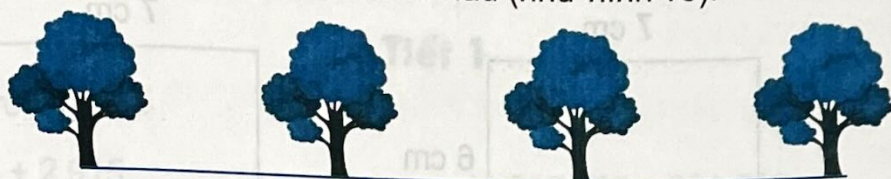
b) Tính độ dài đường bao quanh (chu vi) của hình H.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tiết 3

- ① Trên sân trường có bốn cây cách đều nhau (như hình vẽ).



Khoảng cách giữa hai cây cạnh nhau bằng 10 bước chân của anh phụ trách. Biết độ dài mỗi bước chân của anh phụ trách là 90 cm, độ dài mỗi bước chân của Việt là 6 dm. Hỏi khoảng cách từ cây đầu tiên đến cây cuối cùng dài bằng bao nhiêu bước chân của Việt?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

- ② Một vườn trồng su hào hình vuông có chu vi 260 m. Một vườn trồng bắp cải hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh của vườn trồng su hào và có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Người ta làm hàng rào xung quanh vườn trồng bắp cải, trong đó có trừ ra 6 m để làm cổng. Hỏi phải dùng hết bao nhiêu mét hàng rào?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

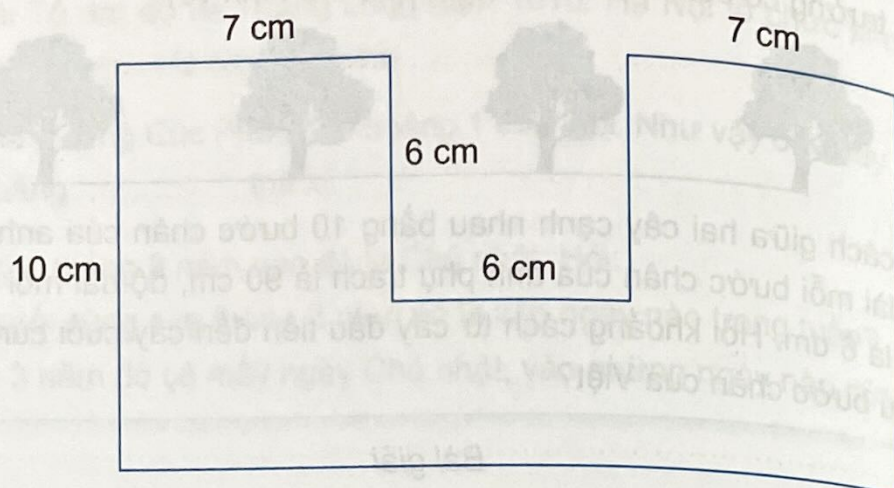
.....

.....

.....

.....

- ③ Nam cắt một miếng bìa có kích thước như hình vẽ dưới đây. Tính diện tích của miếng bìa đó.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- ④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Lượng nước đang có ở trong 4 chai nước là 850 ml, 1 l 200 ml, 950 ml, 800 ml. Người ta rót 100 ml từ chai có lượng nước nhiều nhất sang chai có lượng nước ít nhất rồi đánh số bất kì 1, 2, 3, 4 vào mỗi chai đó.

Biết lúc sau, chai số 3 có lượng nước nhiều nhất, chai số 1 có lượng nước ít nhất, chai số 2 có lượng nước ít hơn chai số 4.

Lượng nước lúc sau của mỗi chai là:

- Chai số 1: ml;
- Chai số 2: ml;
- Chai số 3: ml;
- Chai số 4: ml.

Bài 22

PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) $4\ 176 + 2\ 915$

.....

.....

.....

b) $216\ 365 + 281\ 946$

.....

.....

.....

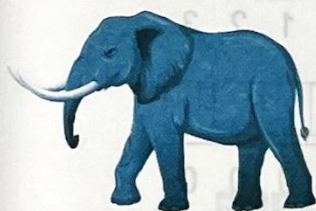
2 Số ?

$12\ 514 + 3\ 978$

$+ 16\ 022$

.....

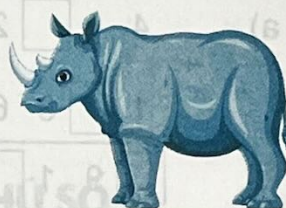
3 Cho các con vật với cân nặng như sau:



3 tấn 6 tạ



1 650 kg



29 tạ 5 yến

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

– Voi và tê giác cân nặng tất cả kg.

– Tê giác và hươu cao cổ cân nặng tất cả kg.

– Hươu cao cổ và voi cân nặng tất cả kg.

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

– Con vật nặng nhất là:

A. Voi

B. Tê giác

C. Hươu cao cổ

– Con vật nhẹ nhất là:

A. Voi

B. Tê giác

C. Hươu cao cổ

- 4 Có một đàn vịt ở một hồ nước. Rô-bốt đếm được trên bờ có 4 950 con, dưới hồ nước có 6 950 con. Hỏi:
- a) Cả đàn vịt có bao nhiêu con?
- b) Em ước lượng rồi tính xem số vịt ở dưới hồ nhiều hơn số vịt ở trên bờ khoảng mấy nghìn con.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 5 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad \begin{array}{cccccc} 4 & 6 & \square & 2 & \square \\ + & 1 & \square & 3 & 6 & 7 \\ \hline \square & 9 & 1 & \square & 2 \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad \begin{array}{cccccc} 6 & 5 & 1 & 2 & 3 \\ + & \square & \square & \square & \square & \square \\ \hline 8 & 7 & 0 & 0 & 0 \end{array} \end{array}$$

Tiết 2

- 1 Đặt tính rồi tính.

a) $306\,709 + 754\,156$

.....

.....

.....

b) $161\,372 + 376\,259$

.....

.....

.....

- 2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $72\,000 + 4\,167 + 28\,000$

=

=

b) $65\,079 + 4\,921 \times 5$

=

=

- ③ Kho A có 124 500 l xăng, kho B có nhiều hơn kho A 17 200 l xăng. Sau đó người ta cho thêm 9 500 l xăng vào kho A thì lúc này cả kho A và kho B có bao nhiêu lít xăng?

Bài giải

- ④ Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$4 \square 9\,588 < 147\,082 + 271\,906 < 418\,98 \square$$

Bài 23

PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

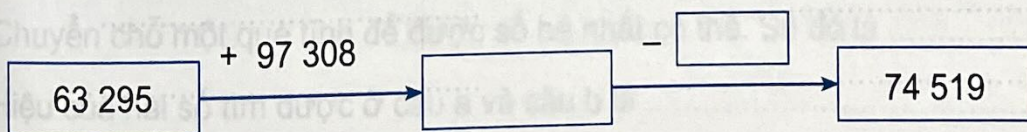
Tiết 1

- ① Đặt tính rồi tính.

a) $161\,349 - 70\,563$

b) $623\,041 - 270\,634$

- ② Số ?



- ③ Các lò ấp trứng ở một trại chăn nuôi trong 3 đợt đã cho nở được số gà con là 13 675 con, 12 890 con và 11 985 con. Biết số gà con ở đợt 1 nhiều hơn số gà con ở đợt 2 nhưng ít hơn số gà con ở đợt 3. Hỏi số gà con nở ở mỗi đợt là bao nhiêu con và số gà ở đợt nhiều nhất hơn đợt ít nhất là bao nhiêu con?

Bài giải

- ④ Số dân của cả 3 huyện A, B, C là 163 210 người. Biết tổng số dân của huyện A và B là 102 420 người, tổng số dân của huyện B và huyện C là 106 430 người. Hỏi số dân của huyện B là bao nhiêu người?

Bài giải

Tiết 2

- ① Đặt tính rồi tính.

a) $91\,835 - 84\,309$

b) $706\,315 - 260\,709$

Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} 7 \ 6 \ \square \ 3 \ 4 \ 1 \\ - \\ 2 \ \square \ 5 \ 7 \ \square \ 5 \\ \hline \square \ 9 \ 2 \ 6 \ 1 \ \square \end{array}$$

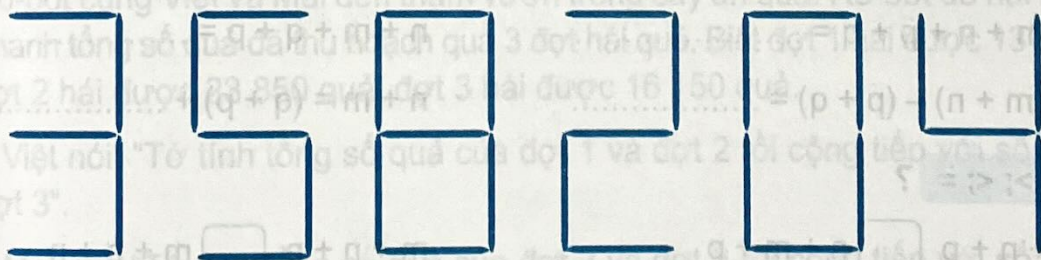
$$\begin{array}{r} 6 \ 3 \ 0 \ 8 \ 5 \ 0 \\ - \\ \square \ \square \ \square \ \square \ \square \ \square \\ \hline 2 \ 7 \ 3 \ 1 \ 0 \ 6 \end{array}$$

Một đàn vịt lúc đầu có 3 760 con ở trên bờ và 2 850 con ở dưới ao. Sau đó có 1 200 con ở trên bờ xuống ao và có 520 con dưới ao lại lên bờ. Hỏi lúc đó, số vịt ở trên bờ và số vịt ở dưới ao hơn kém nhau bao nhiêu con?

Bài giải

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt xếp các que tính được số 358 204 như sau:



a) Chuyển chỗ một que tính để được số lớn nhất có thể. Số đó là

b) Chuyển chỗ một que tính để được số bé nhất có thể. Số đó là

c) Hiệu của hai số tìm được ở câu a và câu b là

Bài 24

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

Tiết 1

1 Nói hai biểu thức có giá trị bằng nhau.

$$a + b$$

$$a + (b + c)$$

$$(m + n) \times p$$

$$a + (c + b)$$

$$(n + m) \times p$$

$$b + a$$

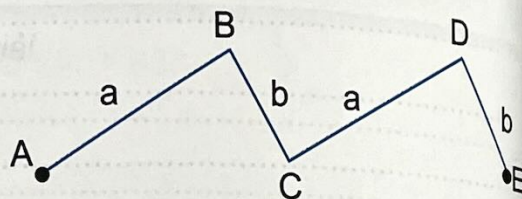
2 Viết "lớn hơn", "bé hơn" hoặc "bằng" vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình vẽ bên:

Biết $a > b$.

a) Độ dài đường gấp khúc ABC
..... độ dài đường gấp khúc BCD.

b) Độ dài đường gấp khúc ABCD
..... độ dài đường gấp khúc BCDE.



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Biết $m + n = 36\,791$, $p + q = 25\,036$.

a) $m + n + p + q = \dots\dots\dots$

$n + m + q + p = \dots\dots\dots$

b) $(m + n) - (p + q) = \dots\dots\dots$

$n + m = (q + p) + \dots\dots\dots$

4 a) $>$; $<$; $=$?

$m + n + p \quad \square \quad n + m + p$

$m + n + p \quad \square \quad m + p + n$

b) Tính bằng cách thuận tiện.

$$673 + 450 + 327 = \dots\dots\dots$$

$$3\,690 + 1\,475 + 2\,310 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

Tiết 2

- ① Nối hai biểu thức có giá trị bằng nhau.

$$a + b + c$$

$$m + n + p$$

$$(d + e) + g$$

$$(m + n) + p$$

$$d + (e + g)$$

$$a + (b + c)$$

- ② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) $a + b + c = (a + \dots) + c = a + (b + \dots)$

b) $1\,917 + 725 + 275 = (1\,917 + \dots) + 275 = 1\,917 + (\dots + 725)$

- ③ Tính giá trị của biểu thức $(a + b) + c$ với:

a) $a = 1\,945$, $b = 1\,980$, $c = 1\,930$.

$$(a + b) + c = \dots$$

$$= \dots$$

$$= \dots$$

b) $a = 2\,023$, $b + c = 1\,977$.

$$(a + b) + c = \dots$$

$$= \dots$$

$$= \dots$$

- ④ Rô-bốt cùng Việt và Mai đến thăm vườn trồng cây ăn quả. Rô-bốt đo hai bạn tính nhanh tổng số quả đã thu hoạch qua 3 đợt hái quả. Biết đợt 1 hái được 13 750 quả, đợt 2 hái được 23 850 quả, đợt 3 hái được 16 150 quả.

– Việt nói: “Tớ tính tổng số quả của đợt 1 và đợt 2 rồi cộng tiếp với số quả của đợt 3”.

– Mai nói: “Tớ tính tổng số quả của đợt 2 và đợt 3 rồi cộng tiếp với số quả của đợt 1”.

Theo em, cách làm của bạn nào thuận tiện hơn? Hãy viết cách làm đó.

.....

.....

.....

Tiết 3

- ① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $1\,345 + 1\,814 + 1\,655 = (1\,345 + \dots) + 1\,655$

b) $1\,345 + 1\,814 + 1\,655 = 1\,345 + (1\,814 + \dots)$

c) $(1\,345 + 1\,814) + 1\,655 = (1\,345 + \dots) + 1\,814$

- ② Tính bằng cách thuận tiện.

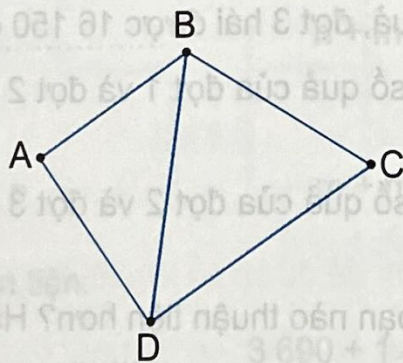
a) $1\,655 + (1\,814 + 1\,345) = \dots$
 $= \dots$
 $= \dots$

b) $1\,750 + 637 + 250 + 1\,363 = \dots$
 $= \dots$
 $= \dots$

- ③ Tính giá trị của biểu thức $(a + b + c + d) : 5$ với $a + d = 250$, $750 - c = b$.

.....

- ④ Một khu rừng hình tứ giác ABCD có các cạnh $AB = 1\text{ km } 315\text{ m}$, $BC = 1\text{ km } 560\text{ m}$, $CD = 1\text{ km } 685\text{ m}$, $DA = 1\text{ km } 440\text{ m}$ như hình dưới đây.

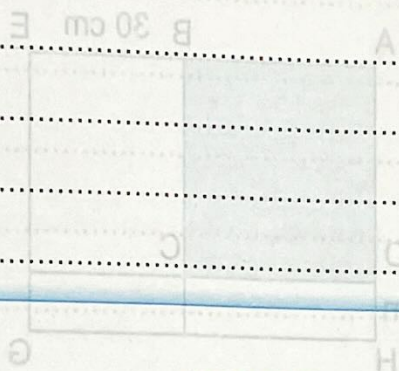


- a) Tính chu vi khu rừng đó.

- b) Người ta lập trạm bảo vệ rừng ở B và D. Tính khoảng cách BD, biết tổng chu vi của hai hình tam giác ABD và BCD là $9\text{ km } 250\text{ m}$.

Bài giải

Sau 2 năm nữa: Tuổi mẹ là tuổi con là tuổi.



Bài 25

TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

Tiết 1

❶ Số ?

Tổng hai số	46	37	204	625
Hiệu hai số	12	15	120	231
Số lớn	29			
Số bé	17			

❷ Trên sân cả gà và vịt có 75 con, trong đó số gà hơn số vịt là 15 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

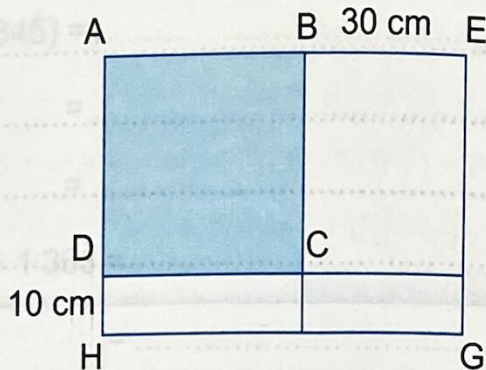
Bài giải

③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Hiện nay mẹ hơn con 25 tuổi. Hỏi sau 2 năm nữa tuổi mẹ là bao nhiêu, tuổi con là bao nhiêu? Biết khi đó tổng số tuổi của hai mẹ con là 39 tuổi.

Sau 2 năm nữa: Tuổi mẹ là tuổi; tuổi con là tuổi.

④ Kéo dài hai cạnh hình vuông ABCD một đoạn 30 cm, một đoạn 10 cm ta được hình chữ nhật AEGH (như hình vẽ). Biết chu vi hình chữ nhật AEGH là 240 cm.



Tính diện tích theo đề-xi-mét vuông của:

a) Hình chữ nhật AEGH.

b) Phần mở rộng thêm (phần không tô màu).

Bài giải

Tiết 2

- 1 Tìm hai số lẻ liên tiếp biết tổng hai số là 2 020.

Bài giải

- 2 Một bó hoa có 60 bông gồm hoa đồng tiền, hoa hồng và hoa cúc. Biết có 15 bông hoa đồng tiền và số hoa hồng nhiều hơn hoa cúc là 10 bông. Hỏi có bao nhiêu bông hoa hồng, bao nhiêu bông hoa cúc?

Bài giải

- ③ Lúc đầu, hai chai dầu ăn có lượng dầu ăn như nhau. Mẹ đã lấy ở mỗi chai một lượng dầu để nấu ăn cho bữa tối, Mai thấy trong chai dầu thứ nhất còn 250 ml, chai dầu thứ hai còn 320 ml. Biết lượng dầu mẹ lấy ra ở cả hai chai là 230 ml. Hỏi mẹ đã lấy ra ở mỗi chai bao nhiêu mi-li-lít dầu ăn?

Bài giải

- ④ Rô-bốt đem một số nhãn vở chia cho Mai, Việt và Nam. Biết nếu Việt cho Mai 5 nhãn vở thì mỗi bạn đều có 15 nhãn vở. Hỏi lúc đầu mỗi bạn được bao nhiêu nhãn vở?

Bài giải

Bài 26

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

① Đặt tính rồi tính.

a) $72\,627 + 23\,615$

b) $128\,507 + 480\,634$

② Tính bằng cách thuận tiện.

a) $1\,575 + 4\,916 + 7\,425$

b) $682 + 1\,064 + 328 + 1\,936$

③ Bảng bên là giá một số đồ dùng học tập tại một cửa hàng văn phòng phẩm. Cô Trang đã mua 7 quyển vở, 7 hộp bút, 7 hộp màu và 7 bút bi. Cô Trang đã đưa người bán hàng 2 tờ tiền, người bán hàng trả lại cho cô 4 000 đồng. Hỏi cô Trang đã đưa cho người bán hàng 2 tờ tiền nào?

Loại	Giá
Vở	8 500 đồng
Hộp bút	24 500 đồng
Hộp màu	33 500 đồng
Bút bi	11 500 đồng

Bài giải

④ Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

a) $30\,713 + 28\,495 < 59\,20\boxed{}$

b) $30\,713 + 28\,395 > 59\boxed{}98$

Tiết 2

① Đặt tính rồi tính.

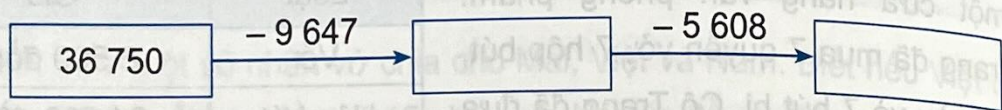
a) $784\,231 - 171\,318$

.....

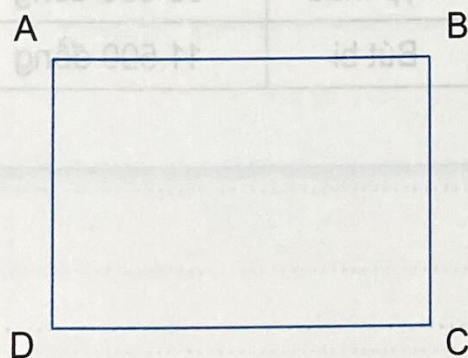
b) $620\,891 - 276\,082$

.....

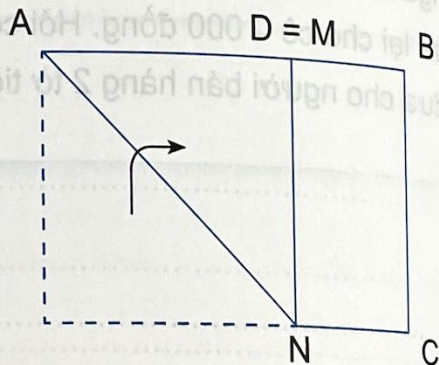
② Số ?



③



Hình 1



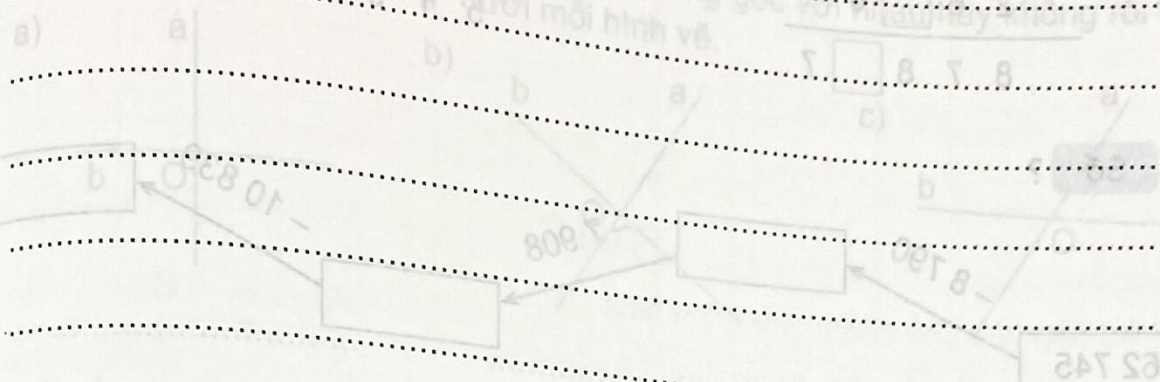
Hình 2

Rô-bốt gấp tờ giấy hình chữ nhật ABCD (hình 1) sao cho điểm D trùng với vị trí M rồi cắt được hình vuông AMND (hình 2). Biết phần tờ giấy hình chữ nhật còn lại MBCN có chu vi 60 cm, chiều dài BC hơn chiều rộng MB là 10 cm.

a) Tính chu vi tờ giấy ABCD.

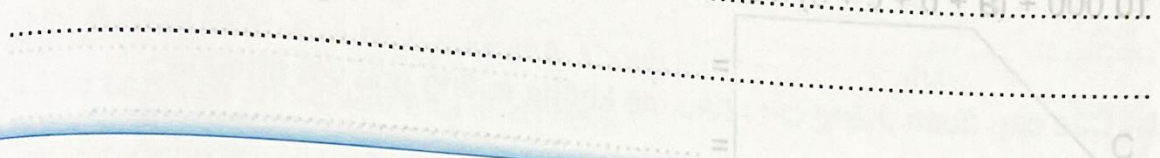
b) Tính diện tích phần giấy còn lại MBCN theo đơn vị đề-xi-mét vuông.

Bài giải



Dùng ê ke kiểm tra trong hình bên:

a) Có các góc vuông là:



- 4) Tìm hiệu của số bé nhất có sáu chữ số khác nhau và số chẵn lớn nhất có năm chữ số khác nhau.

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên, ABCD là hình chữ nhật.
M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của các
cạnh AB, BC, CD, DA.

Dùng ê ke để kiểm tra, trong hình vẽ
bên, hai đường chéo của hình MN
vuông góc với nhau hay không?

Tiết 3

- 1) a) Đặt tính rồi tính.

$$406\ 541 + 270\ 839$$

$$406\ 541 - 270\ 839$$

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ một miếng bìa hình vuông, viết cắt ra bốn miếng nhỏ như hình dưới đây.

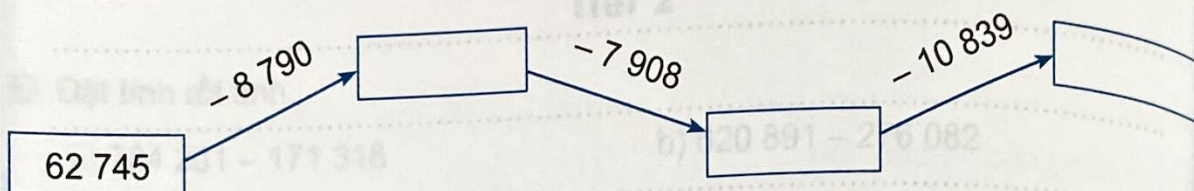


b) Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} 6 \square 5 7 \square \\ + 2 6 \square 6 4 \\ \hline 8 7 8 \square 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \square 6 \square 5 \\ - 1 8 \square 2 \square \\ \hline 5 1 9 7 2 \end{array}$$

② Số ?



③ Tính giá trị của biểu thức sau với $b + c = 7\,891$; $d + a = 2\,109$.

$$\begin{aligned} 10\,000 + (a + b + c + d) \times 9 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

④ Hiện nay bố hơn con 32 tuổi. Biết 2 năm trước, tổng số tuổi của hai bố con là 46 tuổi. Hỏi 2 năm sau, tuổi bố là bao nhiêu, tuổi con là bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

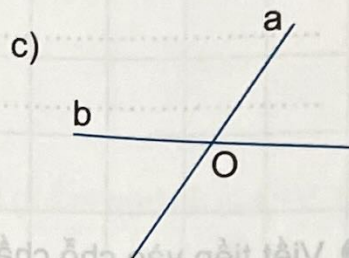
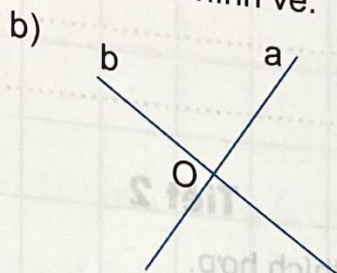
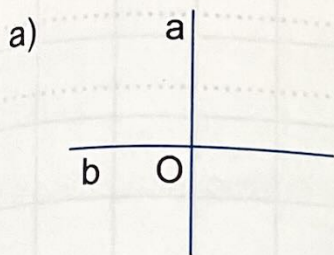
.....

.....

Bài 27 HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

Tiết 1

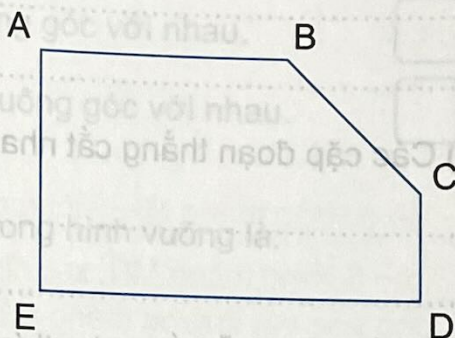
- ① Dùng ê ke kiểm tra hai đường thẳng có vuông góc với nhau hay không rồi viết "vuông" hoặc "không vuông" dưới mỗi hình vẽ.



- ② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng ê ke kiểm tra trong hình bên:

- a) Có các góc vuông là:



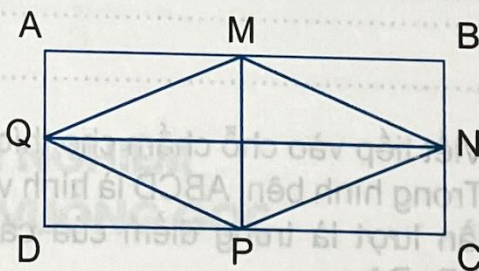
- b) Các cặp cạnh vuông góc với nhau là:

- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên, ABCD là hình chữ nhật, M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA.

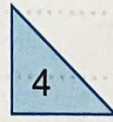
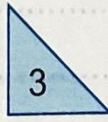
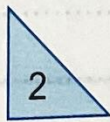
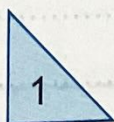
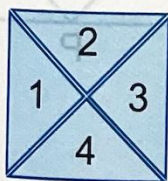
Dùng ê ke để kiểm tra, trong hình vẽ bên, hai đường chéo của hình MNPQ có vuông góc với nhau hay không?

Trả lời:



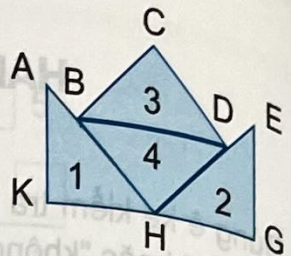
- ④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ một miếng bìa hình vuông, Việt cắt ra bốn miếng nhỏ như hình dưới đây.



Mai đã dùng 4 miếng bìa đó ghép thành hình “vương miện” như hình bên.

Dùng ê ke để kiểm tra rồi viết tên các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau có trong hình vương miện đó.

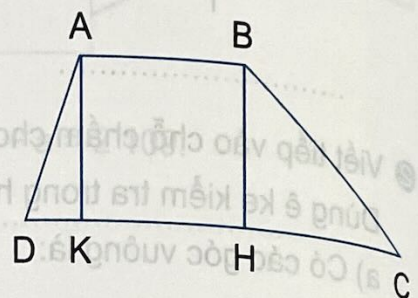


Tiết 2

- ① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng ê ke để kiểm tra, trong hình vẽ bên có:

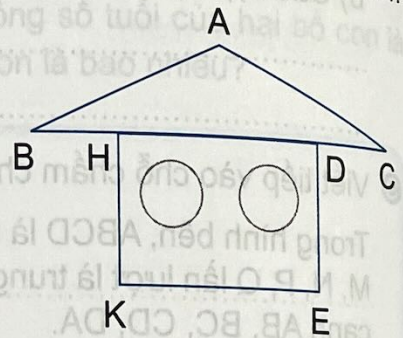
a) Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau là:



b) Các cặp đoạn thẳng cắt nhau mà không vuông góc với nhau là:

- ② Viết tiếp vào chỗ trống cho thích hợp.

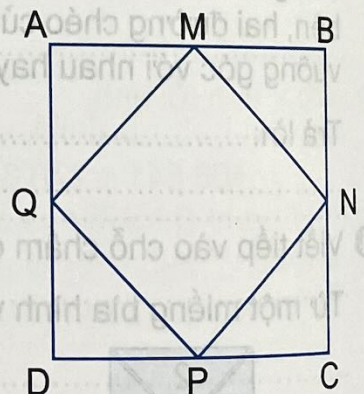
Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau có trong hình vẽ bên là:



- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

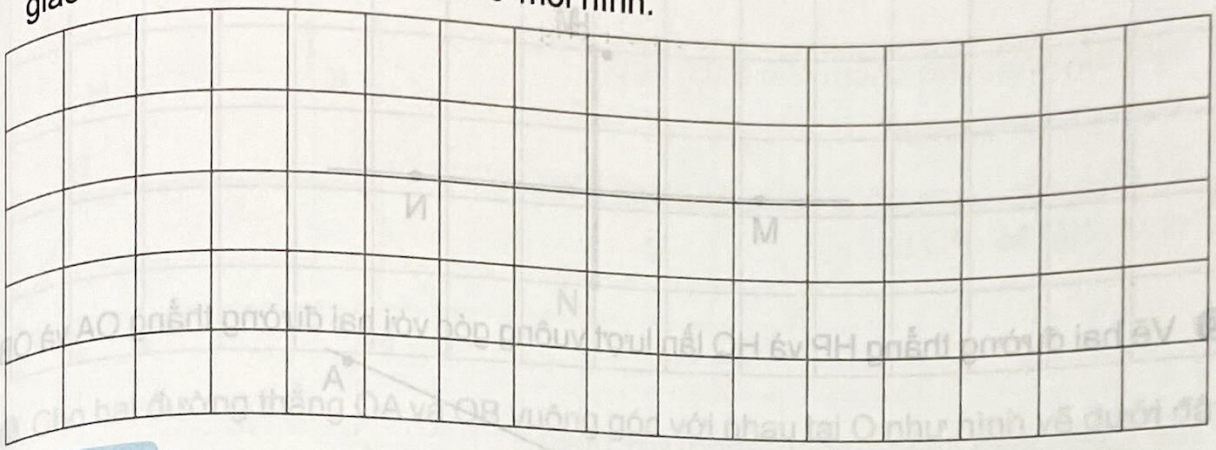
Trong hình bên, ABCD là hình vuông, M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA.

Dùng ê ke để kiểm tra xem các góc ở đỉnh của hình MNPQ có vuông góc hay không rồi viết tên các cặp cạnh vuông góc của hình đó.



Trả lời:

4 Em hãy vẽ một hình chữ nhật và một hình vuông vào lưới ô vuông dưới đây.
 Nối các đỉnh của mỗi hình để được các đường chéo. Đặt tên cho các đỉnh và
 giao điểm của hai đường chéo ở mỗi hình.



a) Đ, S ?

Dùng lưới ô vuông để kiểm tra các góc vuông của hai hình trên.

– Hai đường chéo của hình vuông không vuông góc với nhau.

– Hai đường chéo của hình chữ nhật không vuông góc với nhau.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau có trong hình vuông là:

.....

.....

Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau có trong hình chữ nhật là:

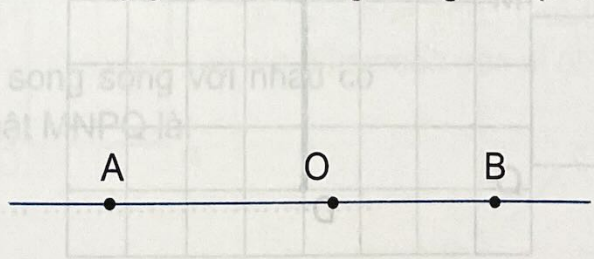
.....

.....

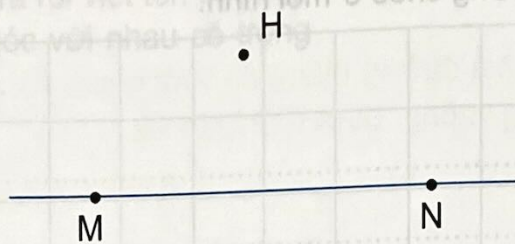
Bài 28 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

Tiết 1

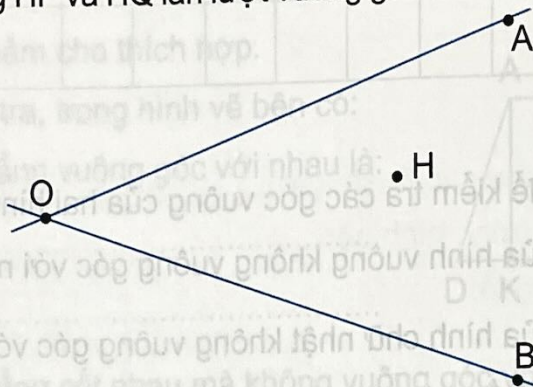
1 Vẽ đường thẳng CD vuông góc với đường thẳng AB tại điểm O.



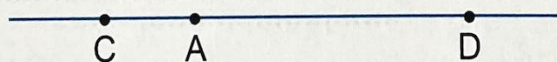
- ② Vẽ đường thẳng PQ đi qua H và vuông góc với đường thẳng MN.



- ③ Vẽ hai đường thẳng HP và HQ lần lượt vuông góc với hai đường thẳng OA và OB.

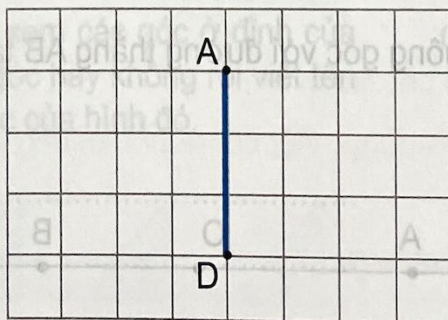


- ④ – Vẽ đường thẳng MN vuông góc với đường thẳng CD tại A.
– Trên đường thẳng MN, xác định điểm H sao cho $AH = 2 \text{ cm}$. Vẽ đường thẳng PQ vuông góc với đường thẳng MN tại H.

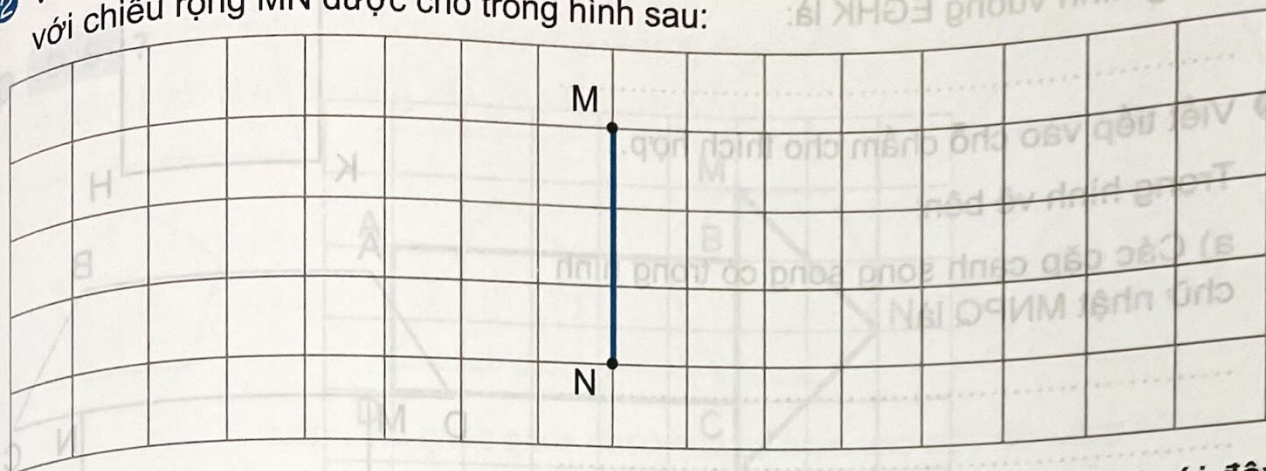


Tiết 2

- ① Vẽ hình vuông ABCD và hình vuông AEGD có chung cạnh AD được cho trong hình sau:

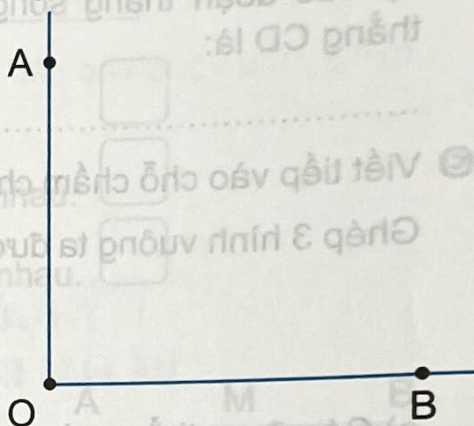


- ② Vẽ hình chữ nhật MNPQ và hình chữ nhật MNRS có chiều dài gấp đôi chiều rộng với chiều rộng MN được cho trong hình sau:



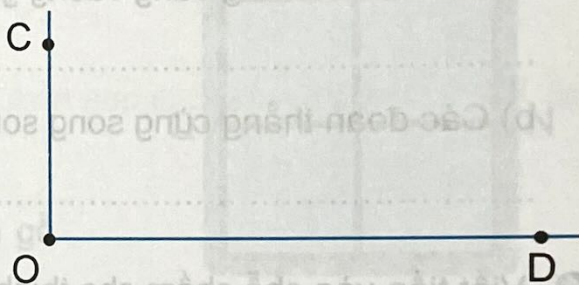
- ③ Cho hai đường thẳng OA và OB vuông góc với nhau tại O như hình vẽ dưới đây.

- a) Xác định điểm M trên OA sao cho $OM = 3\text{ cm}$.
Xác định điểm P trên OB sao cho $OP = 3\text{ cm}$.
b) Dùng thước và ê ke để vẽ hình vuông MNPO.



- ④ Cho hai đường thẳng OC và OD vuông góc với nhau tại O như hình vẽ bên.

- a) Xác định điểm A trên OC sao cho $OA = 2\text{ cm}$. Xác định điểm B trên OD sao cho $OB = 5\text{ cm}$.
b) Dùng thước và ê ke để vẽ hình chữ nhật AEBO.



Bài 29

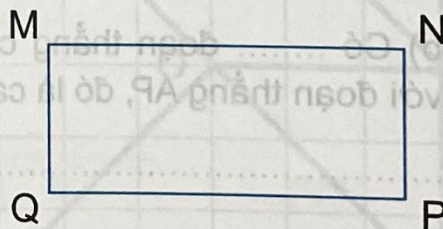
HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tiết 1

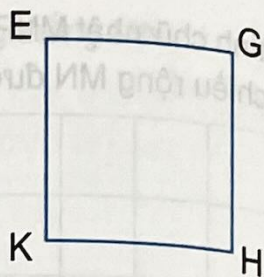
- ① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên:

- a) Các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật MNPQ là:



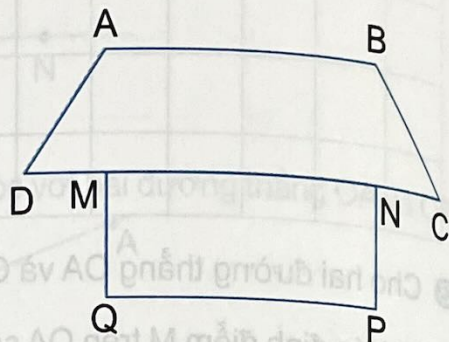
b) Các cặp cạnh song song với nhau có trong hình vuông EGHK là:



② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình vẽ bên:

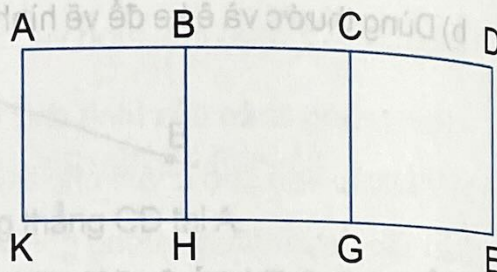
a) Các cặp cạnh song song có trong hình chữ nhật MNPQ là:



b) Các đoạn thẳng song song với đoạn thẳng CD là:

③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ghép 3 hình vuông ta được hình bên.



a) Các đoạn thẳng cùng vuông góc với đoạn thẳng KE là:

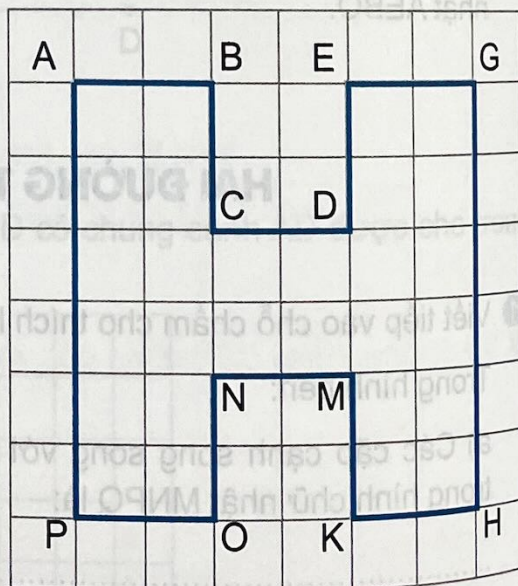
b) Các đoạn thẳng cùng song song với đoạn thẳng AK là:

④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên:

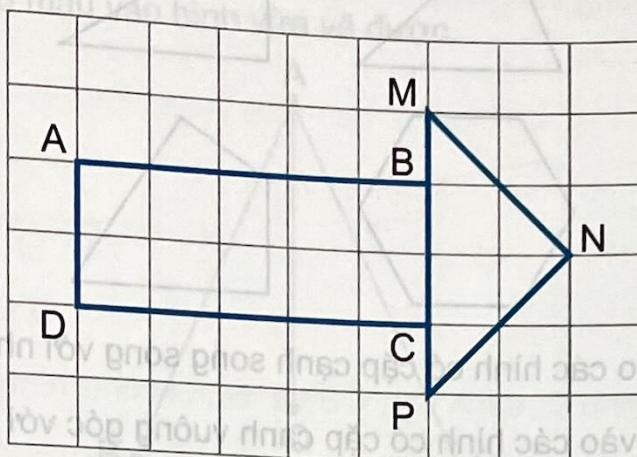
a) Có đoạn thẳng cùng song song với đoạn thẳng CD, đó là các đoạn thẳng:

b) Có đoạn thẳng cùng song song với đoạn thẳng AP, đó là các đoạn thẳng:



Tiết 2

1 Đ, S ?



Trong hình trên:

a) Hai đoạn thẳng AB và CD song song với nhau. ☐

b) Hai đoạn thẳng AD và BC không song song với nhau. ☐

c) Hai đoạn thẳng MN và NP không song song với nhau. ☐

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Một ô cửa kính hình vuông được chia thành 4 ô hình vuông nhỏ như hình vẽ bên.

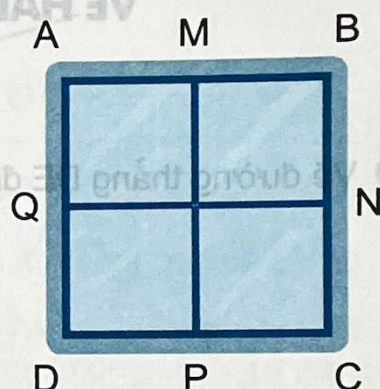
Trong hình bên:

a) Ba thanh gỗ song song với nhau là:

.....

b) Ba thanh gỗ cùng vuông góc với thanh gỗ MP là:

.....



3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên:

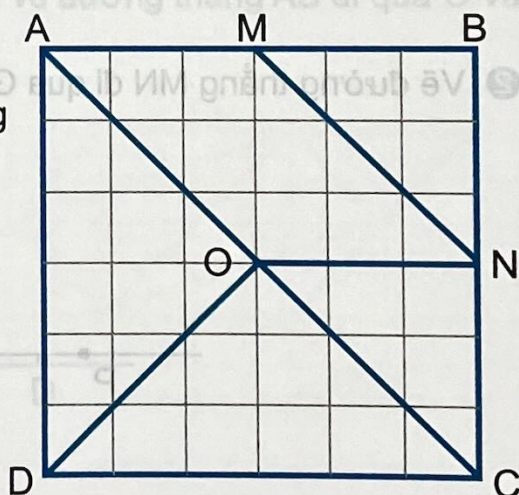
a) Các đoạn thẳng song song với đoạn thẳng ON là:

.....

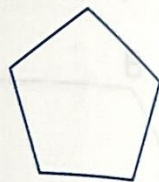
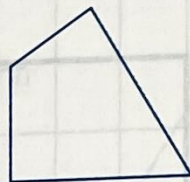
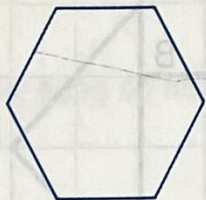
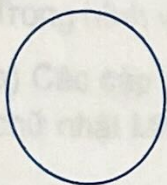
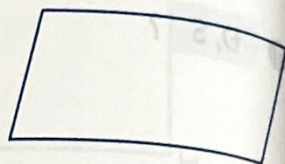
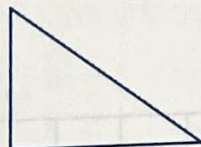
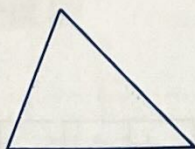
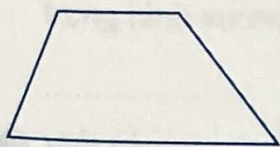
b) Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau là:

.....

.....



4 Cho các hình vẽ sau:



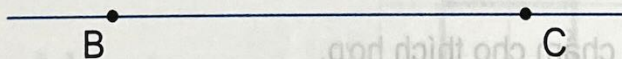
- Tô màu đỏ vào các hình có cặp cạnh song song với nhau.
- Tô màu xanh vào các hình có cặp cạnh vuông góc với nhau.
- Tô màu vàng vào các hình còn lại.

Bài 30 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tiết 1

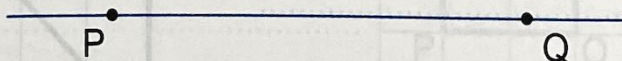
- Vẽ đường thẳng DE đi qua A và vuông góc với đường thẳng BC .

A .

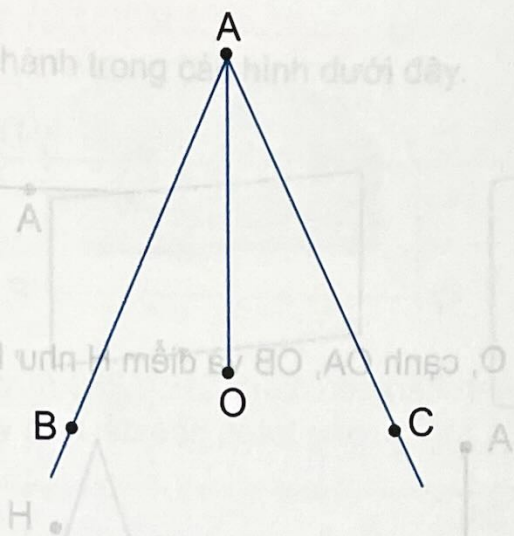


- Vẽ đường thẳng MN đi qua G và song song với đường thẳng PQ .

G .

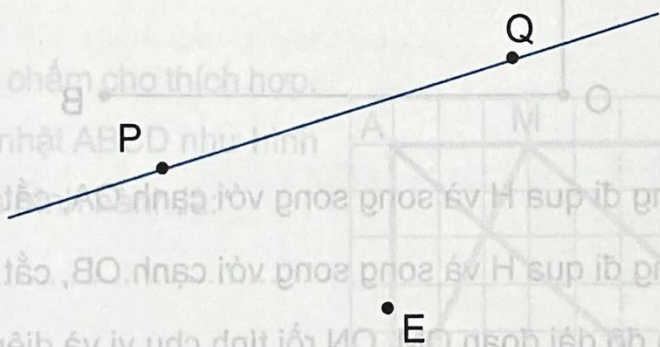


- 3 a) – Vẽ đường thẳng OM song song với đường thẳng AC, cắt AB tại M.
 – Vẽ đường thẳng ON song song với đường thẳng AB, cắt AC tại N.
 b) Nối M với N rồi tô màu vào hình vừa vẽ được.

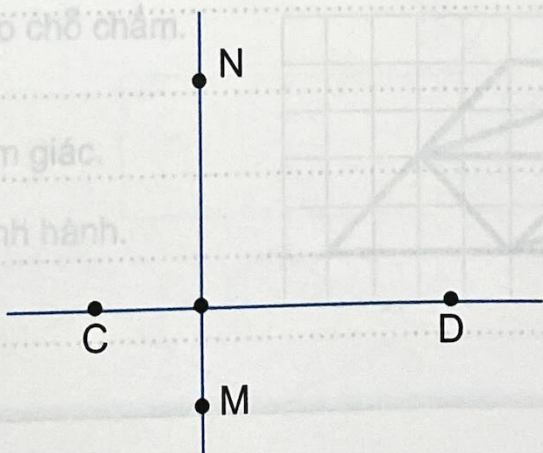


Tiết 2

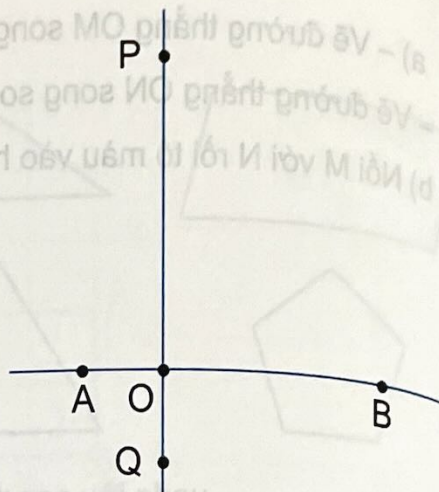
- 1 Vẽ đường thẳng MN đi qua E và song song với đường thẳng PQ.



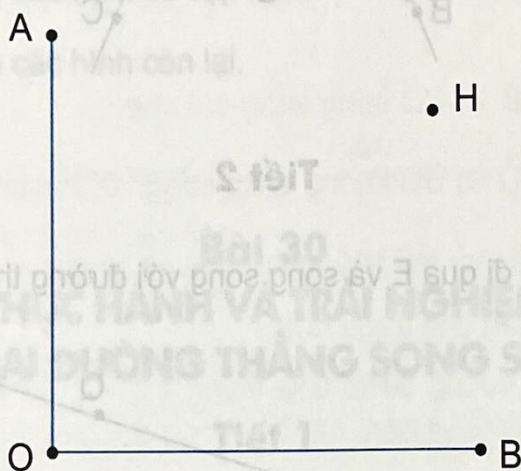
- 2 Chọn điểm O bất kì ở trên đường thẳng MN rồi vẽ đường thẳng AB đi qua O và song song với đường thẳng CD.



- ③ Chọn điểm H ở trên đường thẳng PQ sao cho $OH = 3\text{cm}$. Vẽ đường thẳng EG đi qua H và song song với đường thẳng AB.



- ④ Cho góc vuông đỉnh O, cạnh OA, OB và điểm H như hình vẽ dưới đây.



- Vẽ đường thẳng đi qua H và song song với cạnh OA, cắt OB tại M.
- Vẽ đường thẳng đi qua H và song song với cạnh OB, cắt OA tại N.
- Dùng thước đo độ dài đoạn OM, ON rồi tính chu vi và diện tích hình chữ nhật HMON.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

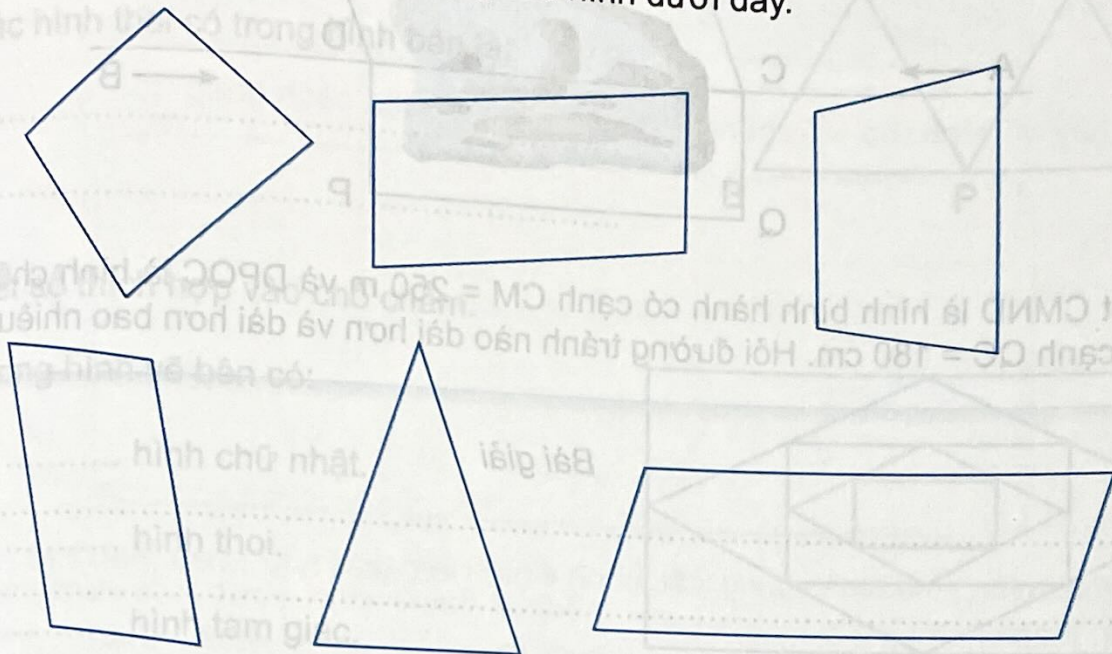
.....

Bài 31

HÌNH BÌNH HÀNH, HÌNH THOI

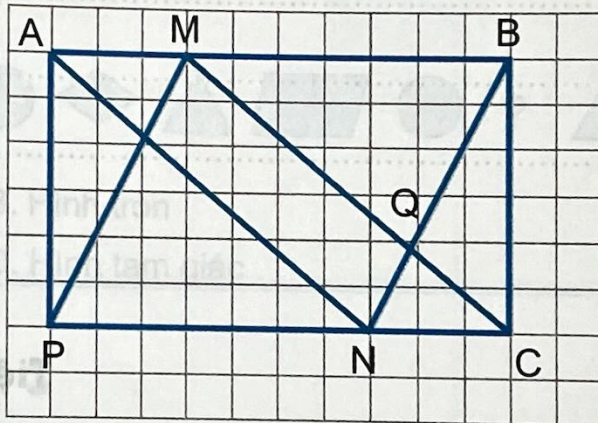
Tiết 1

1 Tô màu vào hình bình hành trong các hình dưới đây.



2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình chữ nhật ABCD như hình bên, có các hình bình hành là:

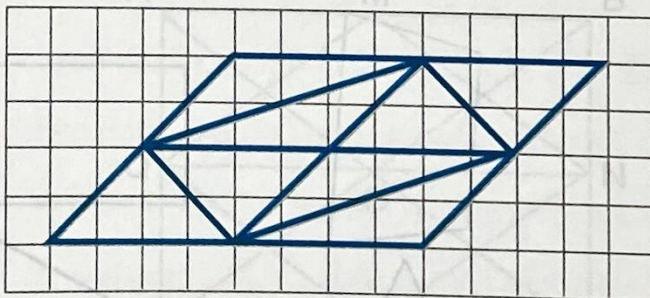


3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

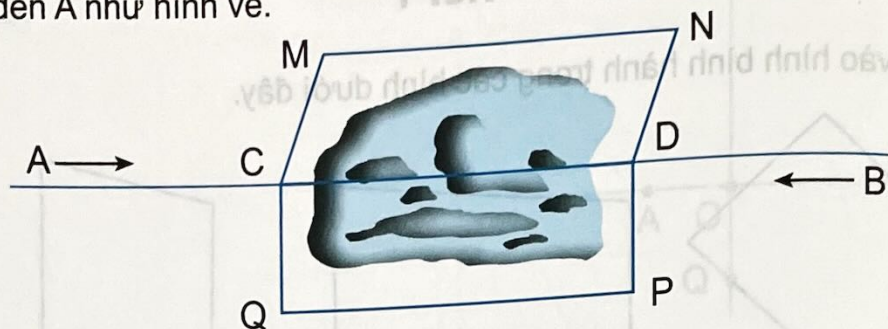
Trong hình bên có:

a) hình tam giác.

b) hình bình hành.



- 4 Trên quãng đường AB có đoạn đường CD dài 500 m bị lở đất cần sửa chữa. Người ta làm tạm đường tránh CMND để đi từ A đến B, đường tránh DPQC để đi từ B đến A như hình vẽ.



Biết CMND là hình bình hành có cạnh $CM = 250$ m và DPQC là hình chữ nhật có cạnh $QC = 180$ cm. Hỏi đường tránh nào dài hơn và dài hơn bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

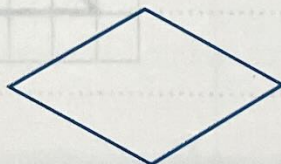
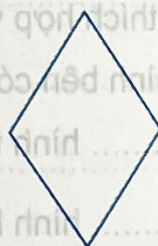
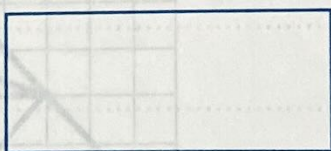
.....

.....

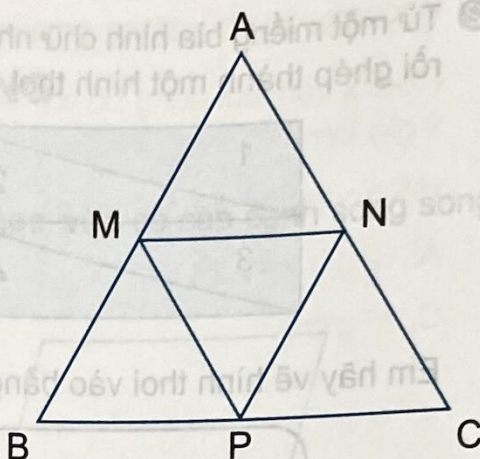
.....

Tiết 2

- 1 Tô màu vào hình thoi trong các hình dưới đây.



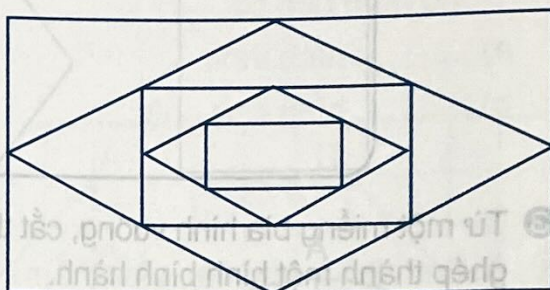
- ② Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.
Cho hình tam giác ABC có ba cạnh bằng nhau. M, N, P là trung điểm của ba cạnh của hình tam giác ABC. MN song song và bằng một nửa cạnh BC (hình vẽ bên).
Các hình thoi có trong hình bên là:



- ③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình vẽ bên có:

- a) hình chữ nhật.
b) hình thoi.
c) hình tam giác.



- ④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
Hình thích hợp đặt vào vị trí dấu “?” là:



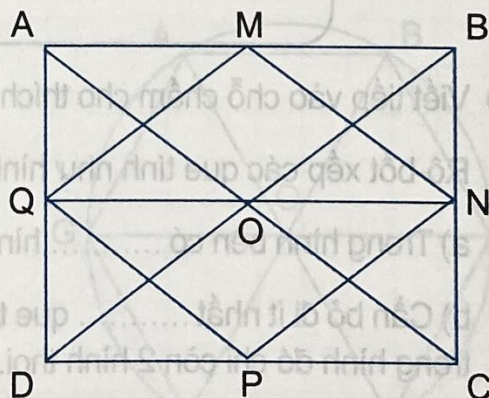
- A. Hình bình hành B. Hình tròn
C. Hình thoi D. Hình tam giác

Tiết 3

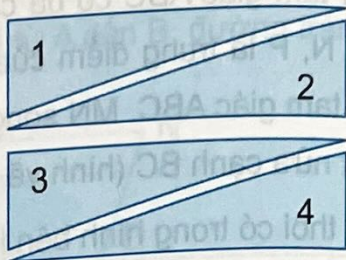
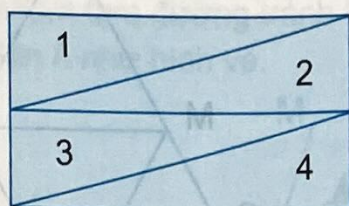
- ① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên có:

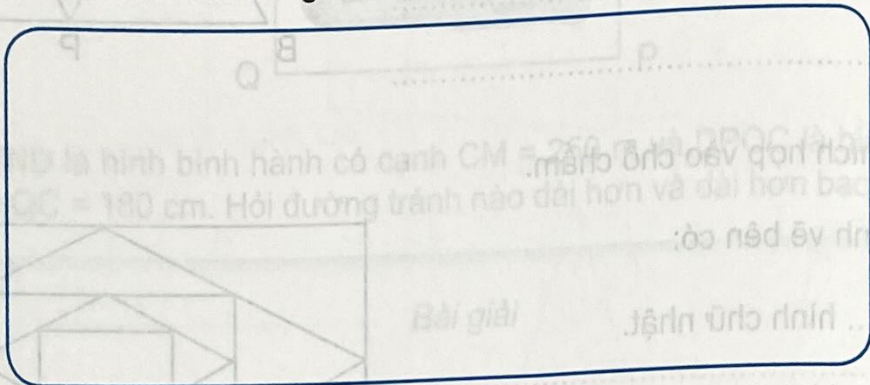
- a) hình thoi.
b) hình bình hành.



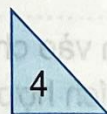
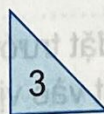
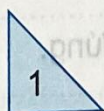
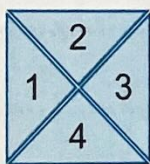
- ② Từ một miếng bìa hình chữ nhật, cắt thành 4 hình tam giác như nhau (như hình vẽ) rồi ghép thành một hình thoi.



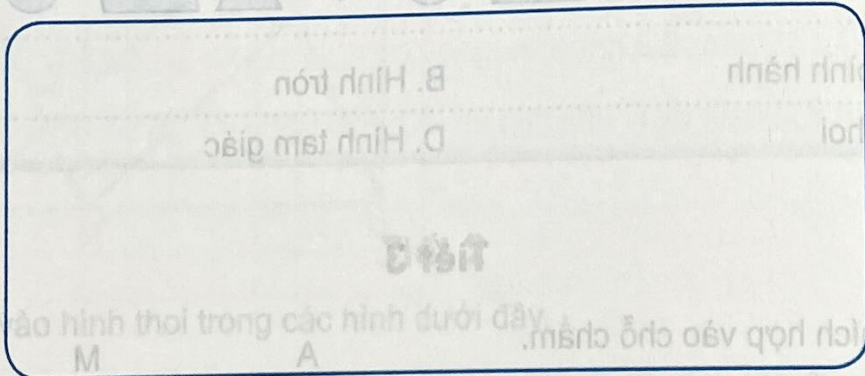
Em hãy vẽ hình thoi vào bảng dưới đây để thể hiện cách ghép đó.



- ③ Từ một miếng bìa hình vuông, cắt thành 4 hình tam giác như nhau (như hình vẽ) rồi ghép thành một hình bình hành.



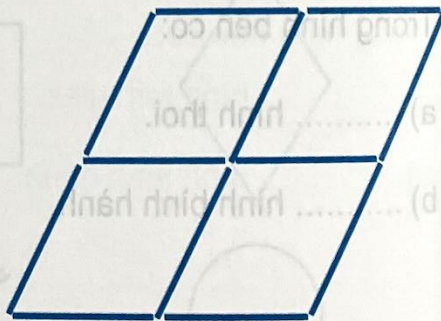
Em hãy vẽ vào bảng dưới đây để thể hiện cách ghép đó.



- ④ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt xếp các que tính như hình bên.

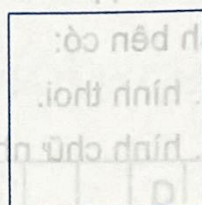
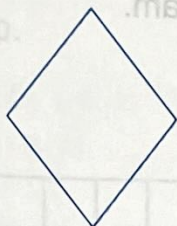
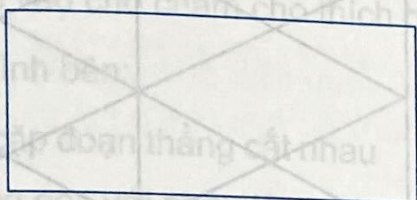
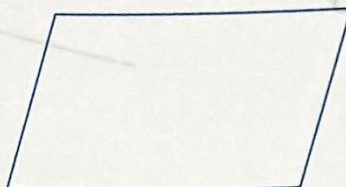
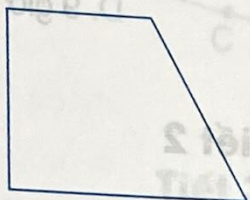
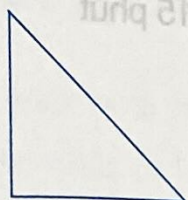
- a) Trong hình bên có hình thoi.
b) Cần bỏ đi ít nhất que tính để trong hình đó chỉ còn 2 hình thoi.



Bài 32 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

- ① Tô màu vào các hình vừa có cặp cạnh vuông góc, vừa có cặp cạnh song song với nhau trong những hình dưới đây.



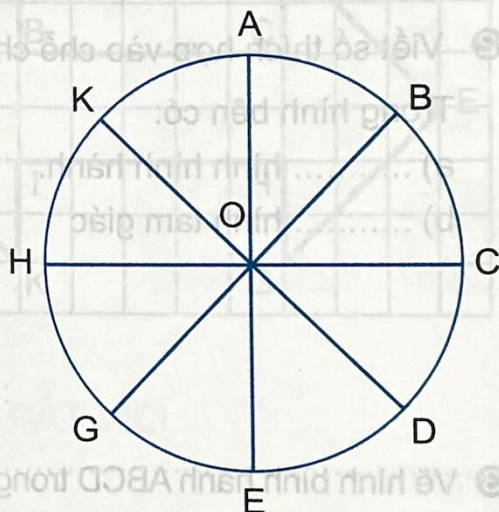
- ② Hình tròn bên được chia thành 8 phần bằng nhau. Dùng ê ke kiểm tra góc vuông rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các cặp bán kính vuông góc với nhau là:

.....

.....

.....



- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

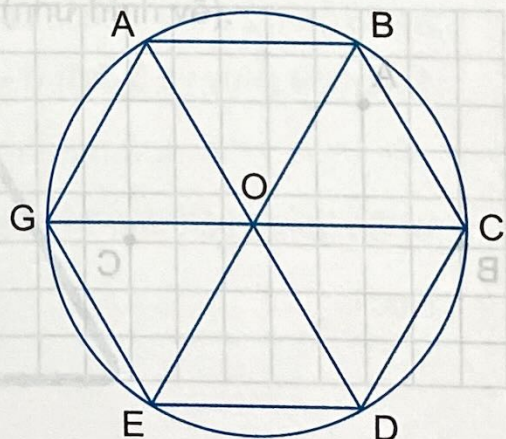
Hình tròn bên được chia thành 6 phần bằng nhau. Hình ABCDEG là hình có các cạnh bằng nhau và bằng bán kính hình tròn.

Các cặp đoạn thẳng song song có trong hình bên là:

.....

.....

.....



- ④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rô-bốt vận kim đồng hồ chỉ các giờ như sau: 12 giờ 15 phút; 8 giờ 45 phút, 15 giờ, 9 giờ kém 15 phút.

Hỏi trong các giờ đó, giờ nào thì hai kim của đồng hồ vuông góc với nhau?

A. 12 giờ 15 phút

B. 8 giờ 45 phút

C. 15 giờ

D. 9 giờ kém 15 phút

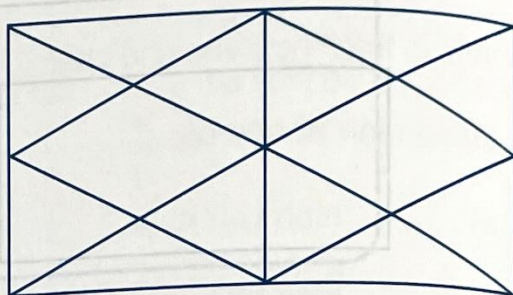
Tiết 2

- ① Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên có:

a) hình thoi.

b) hình chữ nhật.

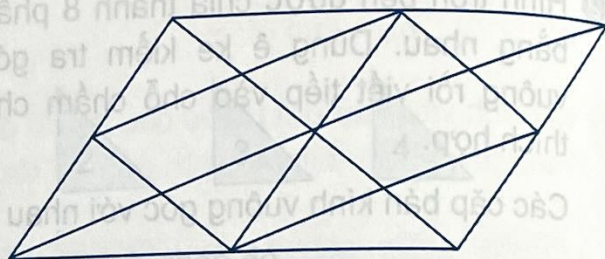


- ② Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên có:

a) hình hình hành.

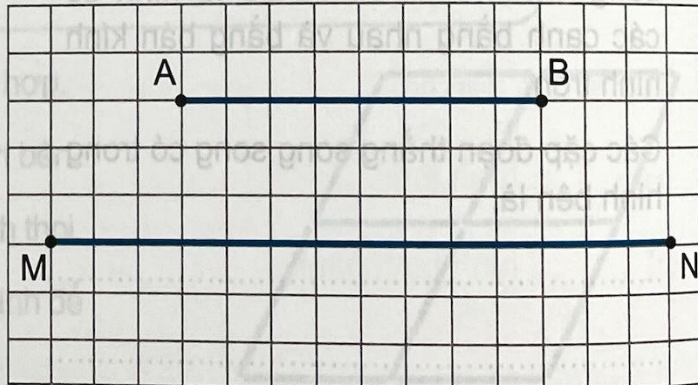
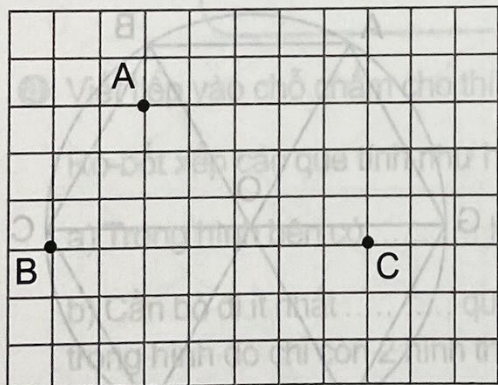
b) hình tam giác



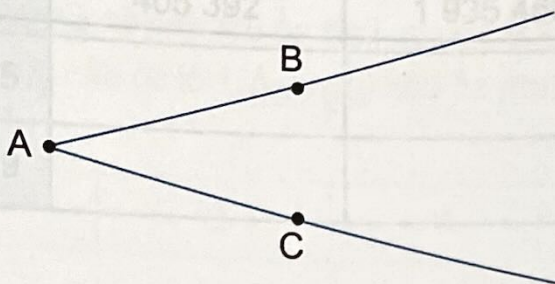
- ③ Vẽ hình bình hành ABCD trong từng trường hợp sau:

a) Cho 3 đỉnh A, B, C.

b) Cho cạnh AB; cạnh CD ở trên đường thẳng MN.



- ④ Vẽ hình thoi ABDC biết đỉnh A, B, C và cạnh $AB = AC = 3\text{ cm}$ (như hình vẽ).



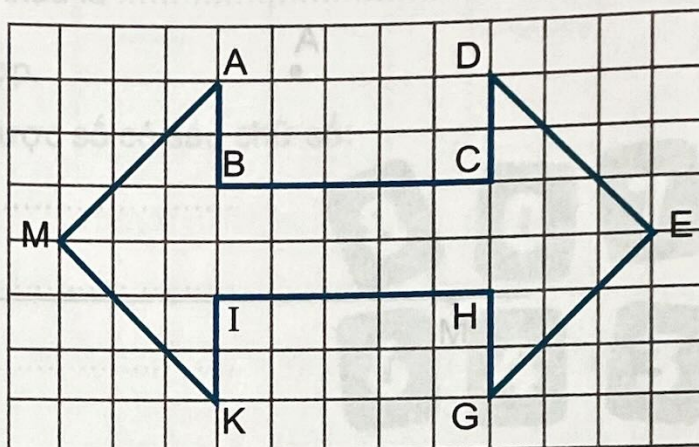
Tiết 3

- ① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên:

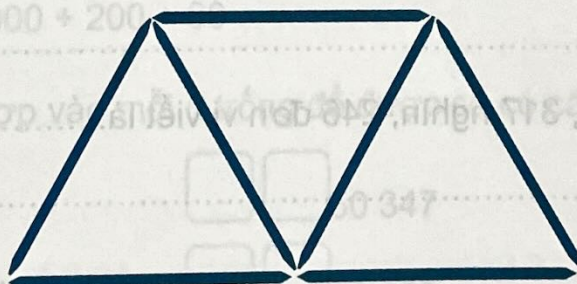
a) Các cặp đoạn thẳng cắt nhau

và vuông góc với nhau là:

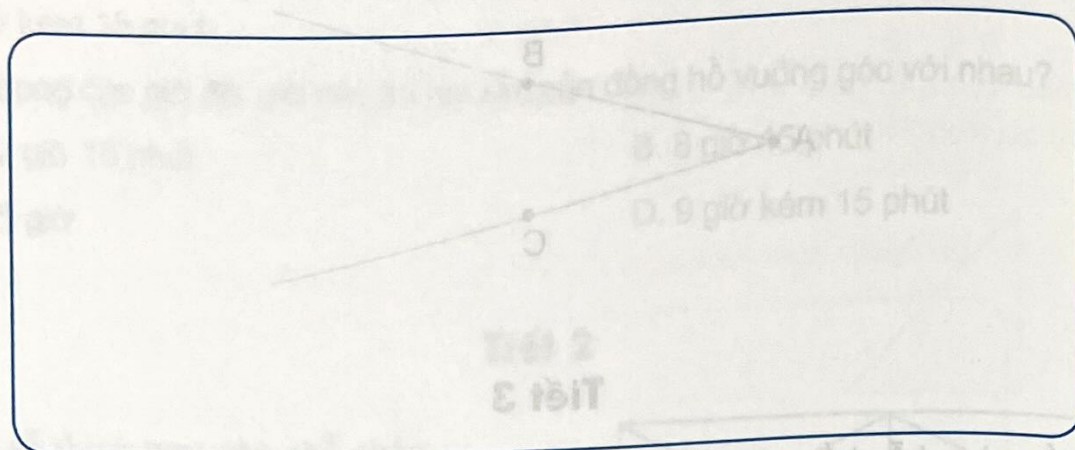


b) Các cặp đoạn thẳng song song với nhau là:

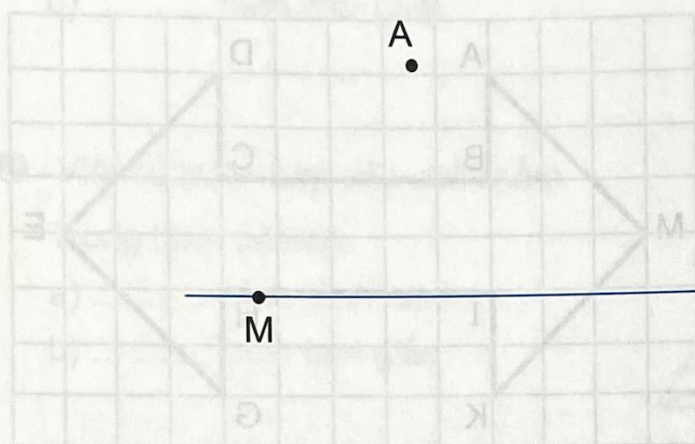
- ② a) Dùng 7 que tính, hãy xếp thành 2 hình thoi (như hình vẽ).



b) Dùng 9 que tính như thế, em hãy xếp thành 3 hình thoi. Vẽ vào khung dưới đây để thể hiện cách xếp đó.



③ Vẽ hình chữ nhật ABCD biết chiều dài CD nằm trên đường thẳng MN.



Bài 33 ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU

Tiết 1

① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Số gồm 2 trăm triệu, 6 chục triệu, 7 triệu, 4 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 4 nghìn, 1 trăm, 9 chục và 5 đơn vị viết là: Đọc là:

b) Số gồm 205 triệu, 317 nghìn, 246 đơn vị viết là:

Đọc là:

2 Viết số thích hợp vào chỗ trống.

Số	405 392	1 935 460	38 905 421
Giá trị của chữ số 5			
Giá trị của chữ số 9			

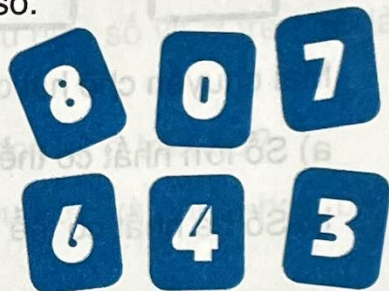
3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- Số lớn nhất có bảy chữ số là
- Số lớn nhất có bảy chữ số khác nhau là
- Số bé nhất có bảy chữ số là
- Số bé nhất có bảy chữ số khác nhau là

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ 6 thẻ số như hình vẽ bên, lập được số có sáu chữ số:

- Là số lớn nhất có thể là
- Là số chẵn lớn nhất có thể là
- Là số lẻ bé nhất có thể là



Tiết 2

1 $>$; $<$; $=$?

- $98\ 796$ $100\ 000$
- $89\ 046$ $80\ 000 + 9\ 000 + 40 + 9$
- $300\ 000 + 700 + 6$ $300\ 607$
- $20\ 230$ $20\ 000 + 200 + 30$

2 Viết chữ số thích hợp vào mỗi ô trống để được số có các chữ số khác nhau và:

a) Lớn nhất có thể: 50 347

b) Bé nhất có thể: 43 059

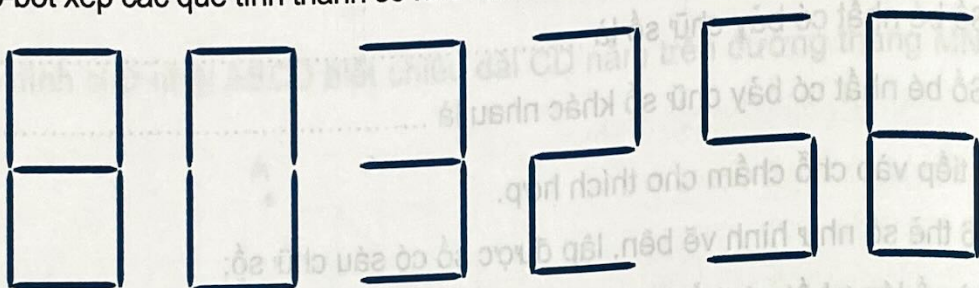
③ Viết số thích hợp vào chỗ trống.

Số dân của mỗi huyện A, B, C, D là một trong các số: 140 650 người, 140 560 người, 150 460 người, 150 640 người. Biết số dân huyện C nhiều nhất, huyện D ít nhất và số dân huyện B ít hơn số dân huyện A. Hỏi số dân của mỗi huyện là bao nhiêu người?

Huyện	A	B	C	D
Số dân (người)				

④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt xếp các que tính thành số như hình dưới đây.



Mai chuyển chỗ hai que tính, được:

a) Số lớn nhất có thể là

b) Số bé nhất có thể là

Bài 34 ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

Tiết 1

① Đặt tính rồi tính.

a) $607\ 156 + 326\ 505$

b) $730\ 812 - 240\ 584$

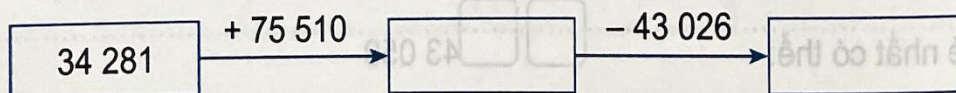
.....

.....

.....

.....

② Số ?



- ③ Mai mua 3 kg cam, giá 35 000 đồng/1 kg. Việt mua 4 kg táo, giá 24 500 đồng/1 kg. Hỏi ai phải trả nhiều tiền hơn và nhiều hơn bao nhiêu đồng?

Bài giải

- ④ Đàn vịt có 31 560 con. Lúc đầu, số vịt ở dưới ao nhiều hơn số vịt ở trên bờ là 560 con. Lúc sau có 940 con từ dưới ao lên bờ. Hỏi:

- a) Lúc đầu có bao nhiêu con vịt ở dưới ao, bao nhiêu con vịt ở trên bờ?
b) Lúc sau số vịt ở trên bờ hay số vịt ở dưới ao nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu con?

Bài giải

Tiết 2

1 Tính nhẩm.

a) $6\,000\,000 + 2\,000\,000 = \dots\dots\dots$

b) $8\,000\,000 - 2\,000\,000 = \dots\dots\dots$

c) $2\,500\,000 + 7\,500\,000 = \dots\dots\dots$

d) $100\,000\,000 - 25\,000\,000 = \dots\dots\dots$

② Tính giá trị của biểu thức.

a) $367\,038 - 90\,768 + 216\,703 = \dots\dots\dots$

==

b) $25\,640 + 19\,780 + 24\,360 = \dots\dots\dots$

=====

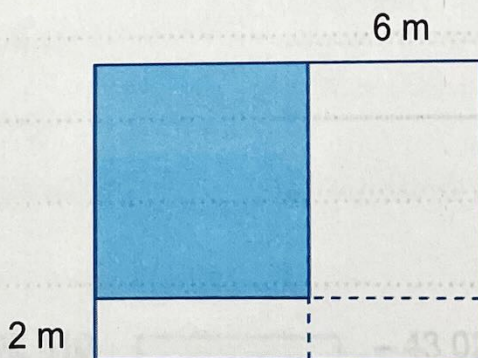
③ Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

a)
$$\begin{array}{r} 9 \square 7 \square 3 \\ - 32 \square 69 \\ \hline \square 528 \square \end{array}$$

b)

+					
	9	0	3	8	
	3	6	7	0	5

④ Người ta mở rộng một mảnh đất hình vuông, một cạnh thêm 6 m và một cạnh thêm 2 m thì được mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 48 m. Tính diện tích và chu vi mảnh đất hình vuông đó.



Bài giải

Tiết 3

① Đặt tính rồi tính.

a) $607\ 156 + 326\ 505$

b) $127\ 905 - 82\ 763$

② Số ?

$$\boxed{256\ 750} \xrightarrow{+ 243\ 250} \boxed{} \xrightarrow{- 13\ 760} \boxed{}$$

③ Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$136\ 207 + 692\ 061 < 82\ \boxed{}\ 268$

④ Lừa và ngựa cùng đi chở hàng, tính ra tất cả chở là 1 tạ 70 kg hàng.

– Ngựa bảo lừa: “Tớ phải chở hàng nặng quá cậu ạ!”.

– Lừa bảo ngựa: “Tớ còn phải chở hàng nặng hơn cậu ấy chứ! Nếu tớ chuyển 10 kg hàng sang lưng cậu thì chúng ta mới chở hàng nặng như nhau đấy.”.

Em hãy tính xem lừa và ngựa, mỗi con chở bao nhiêu ki-lô-gam hàng.

Bài giải

- Tính nhẩm
- a) $876\ 639\ 870 - 123\ 456\ 789 = 753\ 183\ 081$
- b) $5\ 000\ 000 - 1\ 234\ 567 = 3\ 765\ 432$
- c) $2\ 800\ 000 + 1\ 234\ 567 = 4\ 034\ 567$
- d) $100\ 000\ 000 - 25\ 000\ 000 = 75\ 000\ 000$
- Tính chính xác của nhẩm
- a) $397\ 708 - 25\ 789 = 371\ 919$

Bài 35 ÔN TẬP HÌNH HỌC

Tiết 1

- ① Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình vẽ bên có:

a) Các góc vuông là:

.....

.....

b) Các góc nhọn là:

.....

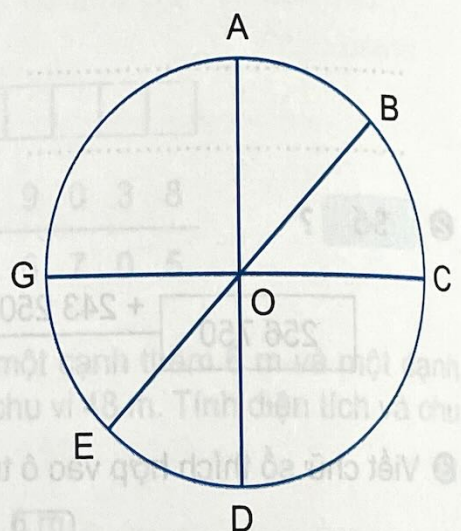
.....

c) Các góc tù là:

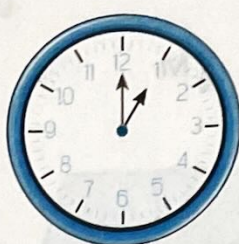
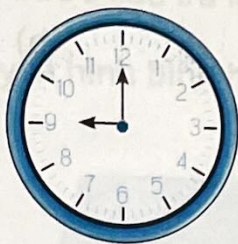
.....

d) Các góc bẹt là:

.....



- ② Viết "góc tù", "góc nhọn", "góc vuông", "góc bẹt" vào dưới mỗi hình đồng hồ có hai kim tạo thành góc đó.



- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

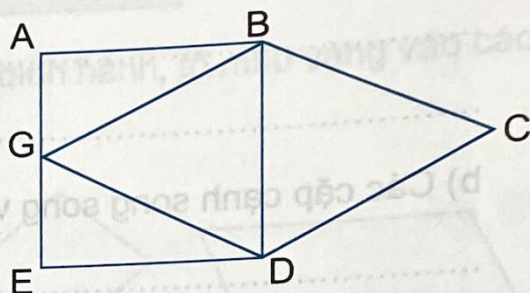
Biết ABDE là hình vuông và GBCD là hình thoi, trong hình dưới đây có:

- a) Các cặp cạnh vuông góc với nhau là:

.....

- b) Các cặp cạnh song song với nhau là:

.....



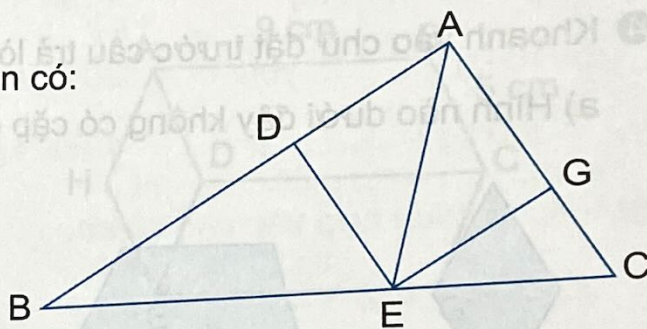
- ④ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Biết ADEG là hình vuông. Trong hình bên có:

- a) góc vuông.

- b) góc tù.

- c) góc nhọn.



Tiết 2

- ① Vẽ đường thẳng AB đi qua O và vuông góc với đường thẳng CD trong mỗi trường hợp sau.

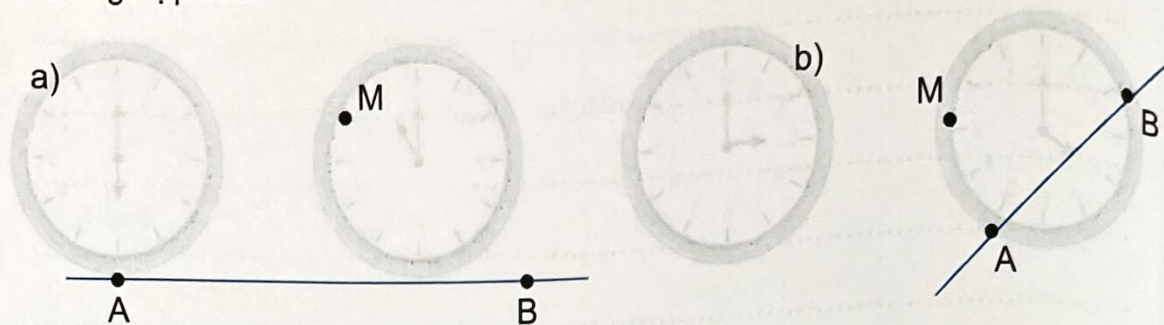
- a)



- b)



- ② Vẽ đường thẳng CD đi qua M và song song với đường thẳng AB trong mỗi trường hợp sau.



- ③ Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

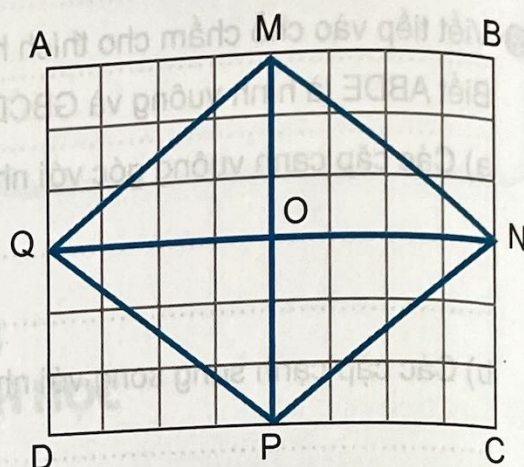
Trong hình bên có:

- a) Các cặp cạnh vuông góc với nhau là:

.....

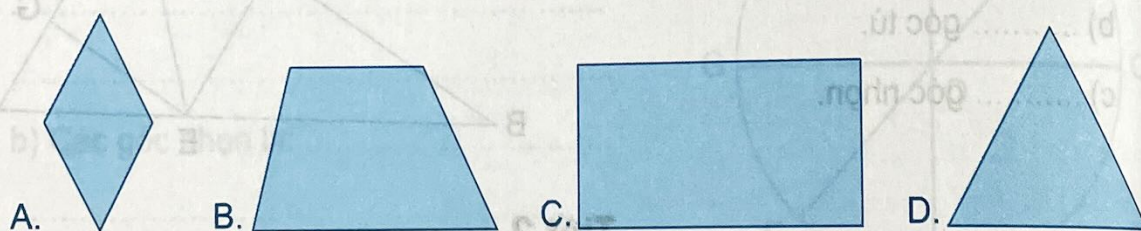
- b) Các cặp cạnh song song với nhau là:

.....

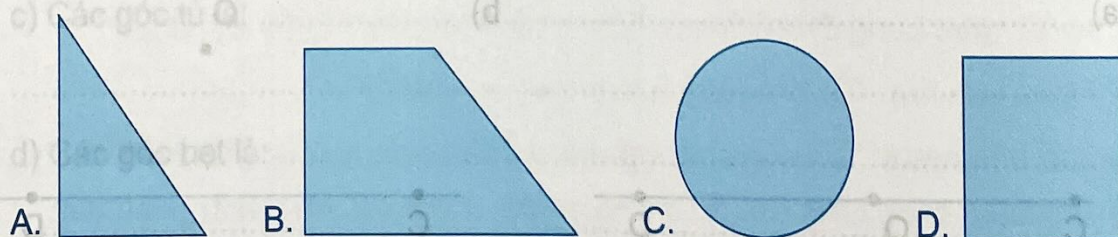


- ④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

- a) Hình nào dưới đây không có cặp cạnh nào song song với nhau?



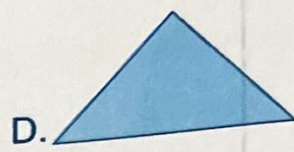
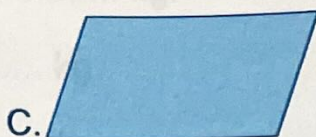
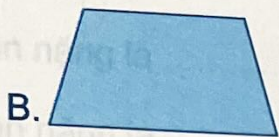
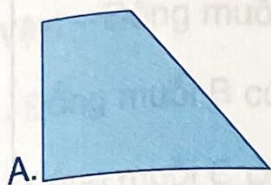
- b) Hình nào dưới đây không có cặp cạnh nào vuông góc với nhau?



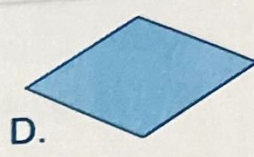
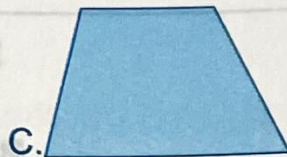
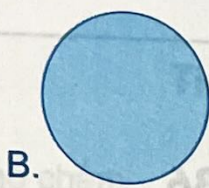
Tiết 3

① Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

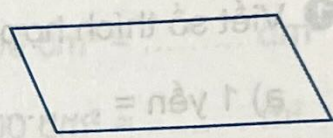
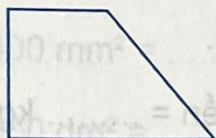
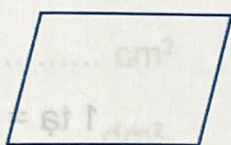
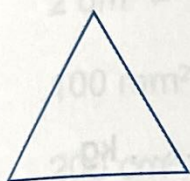
a) Hình nào dưới đây là hình bình hành?



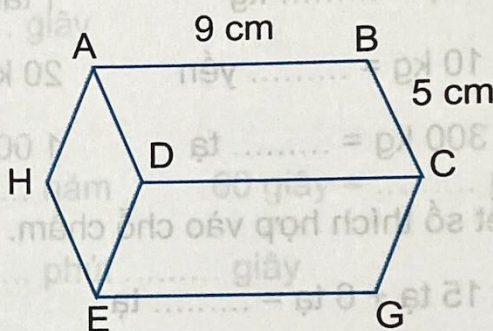
b) Hình nào dưới đây là hình thoi?



② Tô màu đỏ vào hình thoi, tô màu xanh vào hình bình hành, tô màu vàng vào các hình còn lại.

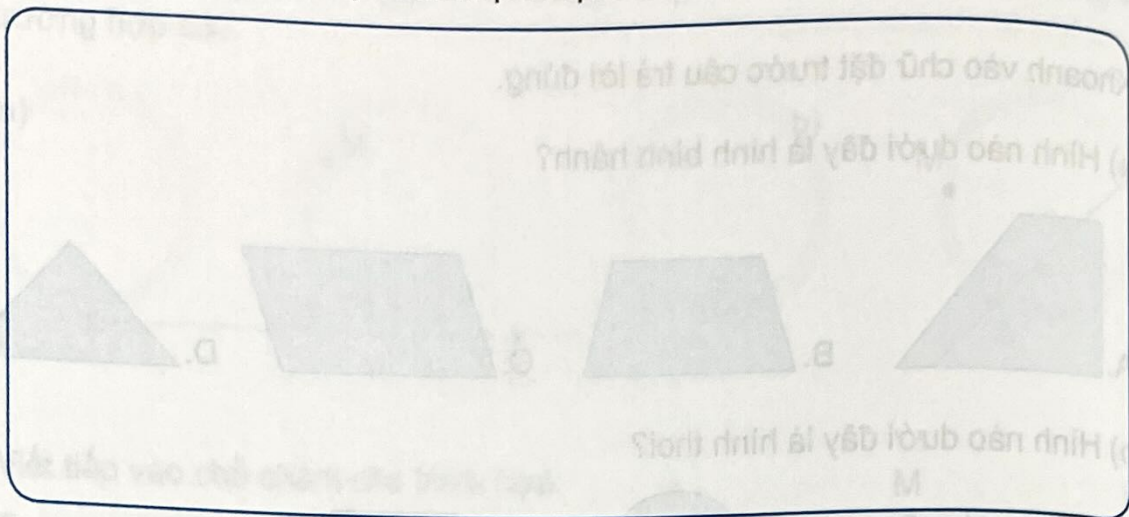


③ Hình bên gồm hình thoi ADEH ghép với hai hình bình hành ABCD và DCGE. Tính chu vi hình ABCGEH.



Bài giải

- 4 Vẽ vào ô trống dưới đây cách xếp 11 que tính để được 4 hình thoi.



Bài 36 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG

Tiết 1

- 1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 yến = kg

2 yến = kg

1 tạ = kg

3 tạ = kg

1 tấn = kg

4 tấn = kg

b) 10 kg = yến

20 kg = yến

100 kg = tạ

300 kg = tạ

1 000 kg = tấn

4 000 kg = tấn

- 2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 15 tạ + 6 tạ = tạ

65 tấn – 18 tấn = tấn

20 yến × 3 = yến

25 tạ : 5 = tạ

b) 2 tấn 5 tạ + 3 tấn 2 tạ = tấn tạ

6 tạ 50 kg – 2 tạ 80 kg = tạ kg

- 3 >; <; = ?

a) 3 tấn 25 kg 3 250 kg

b) 2 tấn 16 kg 2 016 kg

c) 5 tấn 2 tạ 5 tấn 20 yến

- 4) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.
 Mỗi đồng muối A, B, C có cân nặng là một trong ba số đo: 3 tấn 4 tạ, 3 tấn 45 yến, 30 tạ 390 kg. Biết đồng muối A có số cân nặng nhiều hơn đồng muối B và ít hơn đồng muối C.

Vậy: – Đồng muối A có cân nặng là kg.

– Đồng muối B có cân nặng là kg.

– Đồng muối C có cân nặng là kg.

Tiết 2

- 1) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $1 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$3 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$1 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$2 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$5 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$100 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$300 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$100 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$200 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$100 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

$500 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b) $1 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$5 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$1 \text{ phút } 30 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$1 \text{ thế kỉ} = \dots\dots\dots \text{ năm}$

$6 \text{ thế kỉ} = \dots\dots\dots \text{ năm}$

$60 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

$300 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

$90 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ phút } \dots\dots\dots \text{ giây}$

$100 \text{ năm} = \dots\dots\dots \text{ thế kỉ}$

$600 \text{ năm} = \dots\dots\dots \text{ thế kỉ}$

- 2) $>$; $<$; $=$?

a) $12 \text{ m}^2 \text{ } 5 \text{ dm}^2$ 125 dm^2

b) $4 \text{ cm}^2 \text{ } 6 \text{ mm}^2$ 406 mm^2

c) $1 \text{ m}^2 \text{ } 1 \text{ dm}^2$ $1 \text{ m}^2 \text{ } 1 \text{ 000 cm}^2$

③ Dùng thước đo góc rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Trong hình vẽ bên:

– Góc đỉnh A; cạnh AB, AD có số đo là

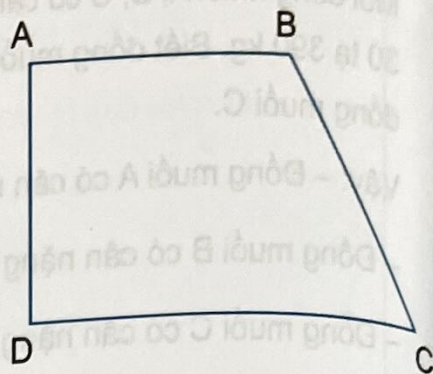
.....

– Góc đỉnh D; cạnh DA, DC có số đo là

.....

– Góc đỉnh B; cạnh BA, BC có số đo là

.....



b) Trong các góc ở câu a, góc lớn nhất là
góc bé nhất là

④ Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 40 m. Tính diện tích của mảnh đất đó, biết chiều dài hơn chiều rộng là 8 m.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 37 ÔN TẬP CHUNG

Tiết 1

① Hoàn thành bảng sau.

Hàng							Viết số	Đọc số
Triệu	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
5	6	3	4	8	7	5		
4	3	7	0	4	2	1		
	6	9	0	7	0	4		

② Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Chữ số 5 trong số 315 407 368 thuộc lớp nào?

A. Lớp đơn vị

B. Lớp nghìn

C. Lớp triệu

b) Giá trị của chữ số 7 trong số 315 407 368 là:

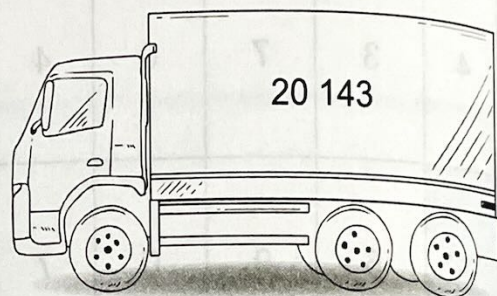
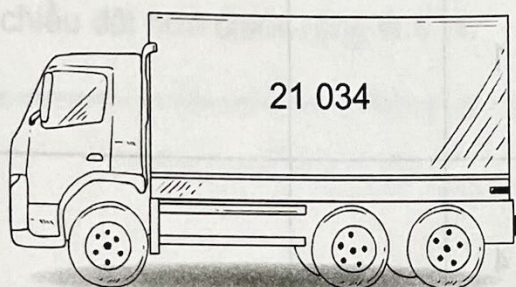
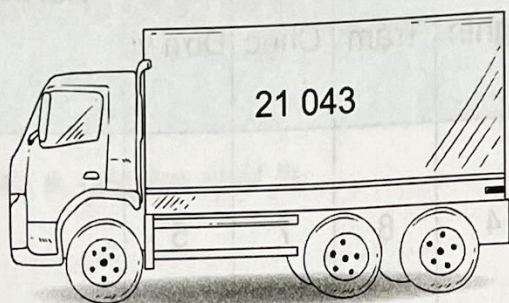
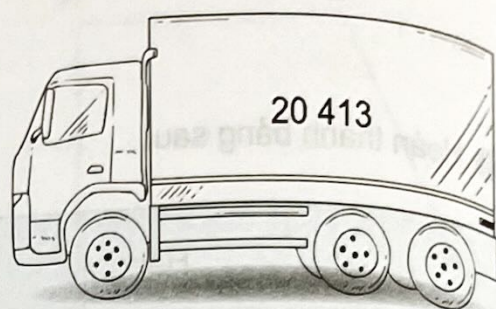
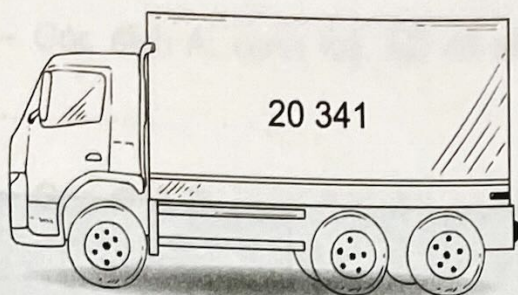
A. 70 000

B. 7 000

C. 70

D. 7

- ③ Tô màu đỏ vào chiếc xe ghi số lớn nhất, màu xanh vào chiếc xe ghi số bé nhất, màu vàng vào các chiếc xe còn lại.



- ④ Viết các số đo: 3 tấn 15 yến, 31 tạ 15 kg, 3 150 kg, 310 yến 5 kg theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

Tiết 2

- ① Đặt tính rồi tính.

$$367\ 051 + 105\ 462$$

.....
.....
.....

$$367\ 051 - 105\ 462$$

.....
.....
.....

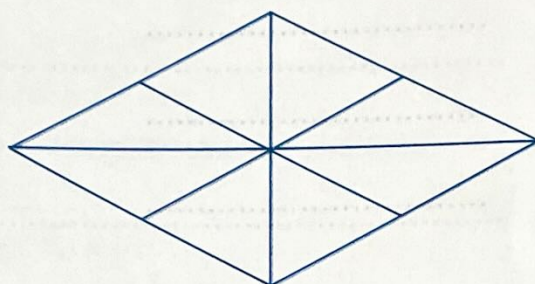
$$23\,452 \times 3$$

$$36\,745 : 5$$

- ② Viết các số đo: $2\text{ m}^2\,50\text{ cm}^2$, $200\text{ dm}^2\,500\text{ mm}^2$, $25\text{ dm}^2\,50\text{ cm}^2$, $2\text{ m}^2\,5\text{ dm}^2$ theo thứ tự từ lớn đến bé:

- ③ Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên có hình thoi.



- ④ Việt mua 5 quyển vở và 5 cái bút, Việt đưa cho cô bán hàng tờ tiền 200 000 đồng. Cô bán hàng tính tiền rồi trả lại cho Việt 1 tờ tiền 50 000 đồng và 1 tờ tiền 10 000 đồng. Tính giá tiền của 1 quyển vở, 1 cái bút. Biết 1 cái bút đắt hơn 1 quyển vở là 12 000 đồng.

Bài giải

Tiết 3

- ① Đặt tính rồi tính.

$$481\ 639 + 74\ 605$$

.....

.....

.....

$$795\ 271 - 64\ 075$$

.....

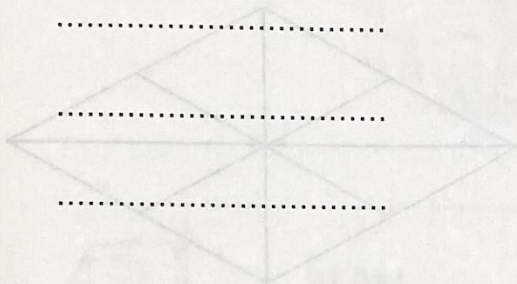
.....

$$65\ 047 \times 4$$

.....

.....

.....



$$90\ 379 : 3$$

.....

.....

.....

.....

- ② Tính bằng cách thuận tiện.

$$18\ 307 + 25\ 630 + 21\ 693 + 14\ 370 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

- ③ Một tấm kính hình vuông có chu vi 32 dm. Một tấm kính hình chữ nhật có chu vi bằng chu vi tấm kính hình vuông. So với cạnh của tấm kính hình vuông thì chiều dài của tấm kính hình chữ nhật dài hơn 3 dm nhưng chiều rộng lại ngắn hơn 1 dm.

a) Tính diện tích tấm kính hình chữ nhật.

b) Trong hai tấm kính hình vuông và hình chữ nhật, tấm kính nào có diện tích lớn hơn và lớn hơn bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

Bài giải

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cả hai ngăn có 36 quyển sách. Mai đã chuyển 4 quyển sách ở ngăn trên xuống ngăn dưới thì thấy hai ngăn có số sách bằng nhau.

Vậy lúc đầu, ngăn trên có quyển sách, ngăn dưới có quyển sách.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:
Phó Tổng biên tập TRẦN QUANG VINH
Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung: VŨ MINH HẢI

Trình bày bìa: LÊ THẾ HẢI

Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.

VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TOÁN 4 – TẬP MỘT

Mã số: G1LH4T003H23 - CPD

In 15.000 bản (QĐ in 31-STK), khổ 19 x 26,5cm

In tại Công ty CP In - Phát hành sách và Thiết bị trường học Quảng Nam

Địa chỉ: 260 Hùng Vương, P. An Xuân, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Số ĐKXB: 1097-2023/CXBIPH/25-797/GD

Số QĐXB: 579/QĐ-GD-ĐN ngày 23 tháng 05 năm 2023

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2023

Mã số ISBN Tập một: 978-604-0-38043-2 ; Tập hai: 978-604-0-38044-9



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 39 Trịnh Đình Thảo, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3797975 - 0929797975

Website: sachgiaoduc.com | Email: sgddn@nxbgd.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.35121533 (số máy lẻ 118) - 0904893398 | Fax: 024.35123278

Email: kinhdoanh.heps@gmail.com | Website: http://xbgdhn.vn/

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU



ISBN 978-604-0-38043-2



9 786040 380432

Giá: 48.000 đ